

GIÁO TRÌNH

MÔ ĐUN : KẾ TOÁN BÁN HÀNG
NGÀNH/NGHỀ : KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ : CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 657 /QĐ-CDLTTP-ĐT ngày 23 tháng 07 năm 2019 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lương thực Thực phẩm)*

Đà Nẵng, năm 2019

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Kế toán bán hàng là mô đun quan trọng trong chương trình đào tạo kế toán doanh nghiệp cho sinh viên ngành kế toán. Nhằm tạo điều kiện cho sinh viên học tập tốt hơn mô đun này, Khoa Tài chính - Kế toán trường Cao đẳng Lương thực – Thực phẩm tổ chức biên soạn giáo trình “ **Kế toán bán hàng**”. Giáo trình này có 3 bài trình bày chi tiết và đầy đủ các nội dung kế toán liên quan tổ chức công tác kế toán bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu, giá vốn hàng bán, doanh thu tài chính và kế toán các khoản thu nhập khác.

Tham gia biên soạn gồm các thành viên sau:

1. Th.S Võ Thị Hồng Phương, chủ biên.
2. Th.S Phan Thị Mỹ Liên

Mặc dù đã cố gắng hết sức nhưng chắc chắn giáo trình vẫn còn nhiều thiếu sót. Các tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp có giá trị khoa học để giáo trình được hoàn thiện hơn.

MỤC LỤC

	Trang
BÀI 1. KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	
1. Khái niệm và nguyên tắc kế toán bán hàng	1
1.1. Các khái niệm	1
1.2. Nguyên tắc kế toán	2
2. Các phương thức bán hàng và thanh toán	5
2.1. Phương thức bán hàng	5
2.1.1. Đối với các doanh nghiệp thương mại nội địa	5
2.1.2. Đối với các doanh nghiệp thương mại kinh doanh xuất - nhập khẩu	6
2.2. Phương thức thanh toán trong bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
3. Kế toán hoạt động bán hàng	7
3.1. Kế toán doanh thu bán hàng	7
3.1.1. Chứng từ sử dụng	7
3.1.1.1. Liệt kê chứng từ	7
3.1.1.2. Lập chứng từ	8
3.1.2. Tài khoản sử dụng	30
3.1.3. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu	32
2.1.3.1. Kế toán nghiệp vụ bán sản phẩm đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên	32
2.1.3.2. Kế toán nghiệp vụ bán sản phẩm, hàng hóa đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ	45
3.1.4. Ghi sổ kế toán	47
3.1.4.1. Quy trình ghi sổ kế toán	47
3.1.4.2. Ghi sổ kế toán tổng hợp	48
3.2. Kế toán giá vốn hàng bán	55
3.2.1. Chứng từ sử dụng	55
3.2.1.1. Liệt kê chứng từ	55
3.2.1.2. Lập chứng từ	55
3.1.1.2. Kế toán tính giá vốn hàng hóa và dịch vụ bán ra như sau	55
3.2.2. Tài khoản sử dụng	59
3.2.3. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu	59
3.2.4. Ghi sổ kế toán	63
3.2.4.1. Quy trình ghi sổ kế toán	63
4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	65
4.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu	65
4.2. Chứng từ sử dụng	66
4.2.1. Liệt kê chứng từ	66
4.2.2. Lập chứng từ	66
4.3. Tài khoản sử dụng	68
4.4. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu	68
4.5. Ghi sổ kế toán	69
4.5.1. Quy trình ghi sổ kế toán	69
4.5.2. Ghi sổ kế toán chi tiết	70
4.5.3. Ghi sổ kế toán tổng hợp	70

4.6. Đối chiếu, kiểm tra số liệu và phát hiện sai sót trong công tác kế toán bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu	72
Câu hỏi ôn tập và bài tập thực hành	75
BÀI 2. KẾ TOÁN DOANH THU TÀI CHÍNH	94
1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính	95
2. Chứng từ sử dụng	99
2.1. Liệt kê chứng từ	99
2.2. Lập chứng từ	99
3. Tài khoản sử dụng:	99
4. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh	99
5. Ghi sổ kế toán	101
5.1. Quy trình ghi sổ kế toán	101
5.2. Ghi sổ kế toán chi tiết	101
5.2.1. Hướng dẫn ghi sổ	102
5.2.2. Thực hành	102
5.3. Ghi sổ kế toán tổng hợp	103
5.3.1. Hướng dẫn ghi sổ	103
5.3.2. Thực hành	105
5.4. Đối chiếu, kiểm tra số liệu và phát hiện sai sót	107
Câu hỏi và bài tập thực hành	107
BÀI 3. KẾ TOÁN THU NHẬP KHÁC	108
1. Nội dung thu nhập khác	108
2. Chứng từ sử dụng	109
2.1. Liệt kê chứng từ	109
2.2. Lập chứng từ	109
3. Tài khoản sử dụng:	109
4. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh	110
5. Ghi sổ kế toán	114
5.1. Quy trình ghi sổ kế toán	114
5.2. Ghi sổ kế toán chi tiết	114
5.3. Ghi sổ kế toán tổng hợp	115
5.3.1. Hướng dẫn ghi sổ	115
5.3.2. Thực hành	116
5.4. Đối chiếu, kiểm tra số liệu và phát hiện sai sót	118
Câu hỏi và bài tập thực hành	118

BÀI 1. KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Giới thiệu:

Đây là bài học cung cấp cho người học những kiến thức về nguyên tắc kế toán bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ, phương thức bán hàng, pháp pháp kế toán, ghi sổ kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán xác định giá vốn trong doanh nghiệp.

Mục tiêu:

- Trình bày được các khái niệm về bán hàng, doanh thu, doanh thu bán hàng và các khoản giảm doanh thu;
- Xác định được doanh thu và chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng,
- Lập được các chứng từ kế toán phát sinh có liên quan;
- Định khoản được các nghiệp vụ kế toán bán hàng;
- Ghi sổ được các nghiệp vụ kế toán bán hàng.
- Đối chiếu số liệu kế toán.
- Tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

A. Nội dung

1. Khái niệm và nguyên tắc kế toán bán hàng

1.1. Các khái niệm

Bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư; là quá trình trao đổi để thực hiện giá trị của thành phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư.

Kế toán bán hàng trong doanh nghiệp sản xuất, thương mại liên quan đến nhiều nội dung khác nhau mà kế toán phải ghi chép và giám đốc chặt chẽ, kịp thời và chính xác. Các nội dung này bao gồm:

(1) Giá vốn hàng bán: trong doanh nghiệp sản xuất giá vốn hàng bán là toàn bộ trị giá của các loại sản phẩm tính theo giá xuất kho (giá thành sản xuất) đã bán được trong kỳ.

(2) Hàng gửi đi bán: là trị giá của các loại sản phẩm xuất giao cho đại lý hoặc chuyển đến cho khách hàng theo hợp đồng bán hàng đã ký kết.

(3) Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được và sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán.

Điều kiện ghi nhận doanh thu:

- ☐ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:
 - Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- ☐ *Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp*

dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ dịch vụ đó;
- Có khả năng thu được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(4) Các khoản giảm doanh thu:

- *Chiết khấu thương mại*: Là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- *Giảm giá hàng bán*: Là số tiền người bán giảm trừ cho người mua trên giá đã thỏa thuận ghi trên hóa đơn, hợp đồng kinh tế do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách, chủng loại hoặc lạc hậu thị hiếu.

- *Giá trị hàng bán bị trả lại*: Là giá trị khối lượng hàng bán được xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

(5) Doanh thu thuần: Là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu nếu có.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu} & & \text{Doanh thu bán} & & \text{Các khoản} & & \text{Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ} \\ \text{thuần} & = & \text{hàng và cung cấp} & - & \text{giảm trừ} & - & \text{đặc biệt, thuế GTGT theo} \\ & & \text{dịch vụ} & & \text{doanh thu} & & \text{phương pháp trực tiếp} \end{array}$$

(6) Thuế tính trên doanh thu bao gồm: thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

1.2. Nguyên tắc kế toán

1- Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo luật định; Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

2- Khi luân chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp, tùy theo đặc điểm hoạt động, phân cấp quản lý của từng đơn vị, doanh nghiệp có thể quyết định việc ghi nhận doanh thu tại các đơn vị nếu có sự gia tăng trong giá trị sản phẩm, hàng hóa giữa các khâu mà không phụ thuộc vào chứng từ kèm theo (xuất hóa đơn hay chứng từ nội bộ). Khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp, tất cả các khoản doanh thu giữa các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp đều phải được loại trừ.

3- Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

4- Doanh thu của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

a) Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư;

b) Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

c) Doanh thu khác.

5- Doanh thu trong một số trường hợp được xác định như sau:

- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ không bao gồm các khoản thuế gián thu phải nộp, như thuế GTGT (kể cả trường hợp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp), thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường.

Trường hợp không tách ngay được số thuế gián thu phải nộp tại thời điểm ghi nhận doanh thu, kế toán được ghi nhận doanh thu bao gồm cả số thuế phải nộp và định kỳ phải ghi giảm doanh thu đối với số thuế gián thu phải nộp. Khi lập báo cáo kết quả kinh doanh, chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ” và chỉ tiêu “Các khoản giảm trừ doanh thu” đều không bao gồm số thuế gián thu phải nộp trong kỳ do về bản chất các khoản thuế gián thu không được coi là một bộ phận của doanh thu.

- Xuất hàng hóa để khuyến mại, quảng cáo nhưng khách hàng chỉ được nhận hàng khuyến mại, quảng cáo kèm theo các điều kiện khác như phải mua sản phẩm, hàng hóa (ví dụ như mua 2 sản phẩm được tặng 1 sản phẩm....) thì kế toán phải phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mại, giá trị hàng khuyến mại được tính vào giá vốn hàng bán (trường hợp này bản chất giao dịch là giảm giá hàng bán).

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Trường hợp có nhận tiền ứng trước của khách hàng bằng ngoại tệ thì doanh thu tương ứng với số tiền ứng trước được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận ứng trước.

6- Doanh thu bán bất động sản là chủ đầu tư phải thực hiện theo nguyên tắc:

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp là chủ đầu tư (kể cả các công trình, hạng mục công trình doanh nghiệp vừa là chủ đầu tư, vừa tự thi công), doanh nghiệp không được ghi nhận doanh thu bán bất động sản theo Chuẩn mực kế toán Hợp đồng xây dựng và không được ghi nhận doanh thu đối với số tiền thu trước của khách hàng theo tiến độ. Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền, nếu đã chuyển giao nền đất cho khách hàng (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa) và hợp đồng không hủy ngang, chủ đầu tư được ghi nhận doanh thu đối với nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

7- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng, doanh thu là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

8- Đối với hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu, doanh thu là phí ủy thác đơn vị được hưởng.

9- Đối với đơn vị nhận gia công vật tư, hàng hoá, doanh thu là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

10- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp, doanh thu được xác định theo giá bán trả tiền ngay

11- Xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

12- Doanh thu cho thuê tài sản: là cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

13- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

14- Trường hợp bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo sản phẩm, hàng hóa, thiết bị thay thế (phòng ngừa trong những trường hợp sản phẩm, hàng hóa bị hỏng hóc) thì phải phân bổ doanh thu cho sản phẩm, hàng hóa được bán và sản phẩm hàng hóa, thiết bị giao cho khách hàng để thay thế phòng ngừa hỏng hóc. Giá trị của sản phẩm, hàng hóa, thiết bị thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

15- Không ghi nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ đối với:

- Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến; Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa được xác định là đã bán);
- Số tiền thu được từ việc bán sản phẩm sản xuất thử;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính;
- Các khoản thu nhập khác.

2. Các phương thức bán hàng và thanh toán

2.1. Phương thức bán hàng

2.1.1. Đối với các doanh nghiệp thương mại nội địa

Việc bán hàng trong các doanh nghiệp thương mại nội địa có thể thực hiện theo hai phương thức: bán buôn và bán lẻ, được chi tiết dưới nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp, chuyển hàng...) như sau:

1- Bán buôn hàng hoá

Là hình thức bán hàng cho các đơn vị thương mại, các doanh nghiệp sản xuất.... Đặc điểm của hàng hoá bán buôn là hàng hoá vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông, chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, do vậy, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá chưa được thực hiện. Hàng bán buôn thường được bán theo lô hàng hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào số lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Trong bán buôn thường bao gồm hai phương thức:

- **Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho:** Bán buôn hàng hoá qua kho là phương thức bán buôn hàng hoá mà trong đó, hàng bán phải được xuất từ kho bảo quản của doanh nghiệp. Bán buôn hàng hoá qua kho có thể thực hiện dưới hai hình thức:

+ Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: Theo hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho của doanh nghiệp thương mại để nhận hàng. Doanh nghiệp thương mại xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.

+ Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức chuyển hàng: Theo hình thức này, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp thương mại xuất kho hàng hoá, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Hàng hoá chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại. Chỉ khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu về số hàng đã giao. Chi phí vận chuyển do doanh nghiệp thương mại chịu hay bên mua chịu là do sự thoả thuận từ trước giữa hai bên. Nếu doanh nghiệp thương mại chịu chi phí vận chuyển, sẽ được ghi vào chi phí bán hàng. Nếu bên mua chịu chi phí vận chuyển, sẽ phải thu tiền của bên mua.

- **Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng:** Theo phương thức này, doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua, không đưa về nhập kho mà chuyển bán thẳng cho bên mua. Phương thức này có thể thực hiện theo hai hình thức:

+ Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp (còn gọi là hình thức giao tay ba): Theo hình thức này, doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, giao trực tiếp cho đại diện của bên mua tại kho người bán. Sau khi đại diện bên mua ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác nhận là tiêu thụ.

+ Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng: Theo hình thức này, doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài vận chuyển hàng đến giao cho bên mua ở địa điểm đã được thoả thuận. Hàng hoá chuyển bán trong trường hợp này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại. Khi nhận được tiền của bên mua thanh toán hoặc giấy báo của bên mua đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì hàng hoá chuyển đi mới được xác định là tiêu thụ.

2- Bán lẻ hàng hoá

Là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế hoặc các đơn vị kinh tế tập thể mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ. Bán hàng theo phương thức này có đặc điểm là hàng hoá đã ra khỏi lĩnh vực lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá đã được thực hiện. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ, giá bán thường ổn định. Bán lẻ có thể thực hiện dưới các hình thức sau:

- **Hình thức bán lẻ thu tiền tập trung:** Bán lẻ thu tiền tập trung là hình thức bán hàng mà trong đó tách rời nghiệp vụ thu tiền của người mua và nghiệp vụ giao hàng cho người mua. Mỗi quầy hàng có một nhân viên thu tiền làm nhiệm vụ thu tiền của khách, viết hoá đơn hoặc tích kê cho khách để khách đến nhận hàng ở quầy hàng do nhân viên bán hàng giao. Hết ca (hoặc hết ngày) bán hàng, nhân viên bán hàng căn cứ vào hoá đơn và tích kê giao hàng cho khách hoặc kiểm kê hàng hoá tồn quầy để xác định số lượng hàng đã bán trong ngày, trong ca và lập báo cáo bán hàng. Nhân viên thu tiền làm giấy nộp tiền và nộp tiền bán hàng cho thủ quỹ.

- **Hình thức bán lẻ thu tiền trực tiếp:** Theo hình thức này, nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền của khách và giao hàng cho khách. Hết ca, hết ngày bán hàng, nhân viên bán hàng làm giấy nộp tiền và nộp tiền cho thủ quỹ. Đồng thời, kiểm kê hàng hoá tồn quầy để xác định số lượng hàng đã bán trong ca, trong ngày và lập báo cáo bán hàng.

- **Hình thức bán lẻ tự phục vụ (tự chọn):** Theo hình thức này, khách hàng tự chọn lấy hàng hoá, mang đến bán tiền để tính tiền và thanh toán tiền hàng. Nhân viên thu tiền kiểm

hàng, tính tiền, lập hoá đơn bán hàng và thu tiền của khách hàng. Nhân viên bán hàng có trách nhiệm hướng dẫn khách hàng và bảo quản hàng hoá ở quầy (kệ) do mình phụ trách. Hình thức này được áp dụng phổ biến ở các siêu thị.

- Hình thức bán trả góp: Theo hình thức này, người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Doanh nghiệp thương mại, ngoài số tiền thu theo giá bán thông thường còn thu thêm ở người mua một khoản lãi do trả chậm. Đối với hình thức này, về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, hàng hoá bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.

- Hình thức bán hàng tự động: Bán hàng tự động là hình thức bán lẻ hàng hoá mà trong đó, các doanh nghiệp thương mại sử dụng các máy bán hàng tự động chuyên dùng cho một hoặc một vài loại hàng hoá nào đó đặt ở các nơi công cộng. Khách hàng sau khi bỏ tiền vào máy, máy sẽ tự động đẩy hàng ra cho người mua.

- Hình thức gửi đại lý bán hay ký gửi hàng hoá: Gửi đại lý bán hay ký gửi hàng hoá là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý, ký gửi sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý, ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại cho đến khi doanh nghiệp thương mại được cơ sở đại lý, ký gửi thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về số hàng này.

2.1.2. Đối với các doanh nghiệp thương mại kinh doanh xuất - nhập khẩu

Việc bán hàng xuất khẩu trong các doanh nghiệp thương mại kinh doanh xuất - nhập khẩu có thể được tiến hành theo hai phương thức: xuất khẩu trực tiếp và xuất khẩu uỷ thác. Trong đó:

1- Xuất khẩu trực tiếp : là phương thức kinh doanh mà trong đó đơn vị kinh doanh xuất - nhập khẩu trực tiếp đàm phán, ký kết hợp đồng xuất khẩu với nước ngoài; trực tiếp giao hàng và thu tiền hàng.

2- Xuất khẩu uỷ thác: là phương thức kinh doanh mà trong đó đơn vị kinh doanh xuất - nhập khẩu không trực tiếp xuất khẩu hàng hoá và thu tiền hàng mà phải thông qua một đơn vị xuất - nhập khẩu có uy tín thực hiện hoạt động xuất khẩu cho mình.

2.2. Phương thức thanh toán trong bán hàng và cung cấp dịch vụ

Phương thức thanh toán bán hàng và cung cấp dịch vụ có thể thực hiện bằng hình thức trả bằng tiền mặt, bằng séc, thanh toán qua ngân hàng, thư tín dụng, thanh toán bằng hiện vật... hoặc theo sự thoả thuận của các bên.

Cách thức thực hiện có thể là trả một lần hoặc trả nhiều lần hay trả theo định kì... hoặc tùy thuộc vào cách thức mà các bên thoả thuận.

Hiện nay, với các phương thức thanh toán, chia ra hai loại phương thức cơ bản:

Thanh toán bằng tiền mặt: là phương thức thanh toán phổ biến nhất, chủ yếu được sử dụng trong các giao dịch mua bán nhỏ lẻ.

Thanh toán không dùng tiền mặt: phương thức chi trả thực hiện bằng cách trích một số tiền từ tài khoản người chi chuyển sang tài khoản người thụ hưởng. Các tài khoản này đều được mở tại Ngân hàng. Bao gồm như :

- Thanh toán bằng séc thanh toán
- Thanh toán bằng uỷ nhiệm chi(UNC)- chuyển tiền
- Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu (UNT)
- Thanh toán bằng thư tín dụng
- Thanh toán bằng thẻ thanh toán,...

Đối với Mua hàng hóa, dịch vụ từng lần từ 20 triệu đồng trở lên (đã bao gồm thuế GTGT) thanh toán bằng tiền mặt không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC).

Theo đó, mua từng lần được căn cứ theo từng hóa đơn mà người mua nhận được từ người bán. Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một nhà cung cấp nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế GTGT và được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp với khoản chi có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

3. Kế toán hoạt động bán hàng

3.1. Kế toán doanh thu bán hàng

3.1.1. Chứng từ sử dụng

3.1.1.1. Liệt kê chứng từ

Mọi trường hợp bán hàng tổ chức kinh doanh đều phải lập chứng từ:

- **Hoá đơn GTGT** (áp dụng đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ). Đây là chứng từ cơ bản và bắt buộc có đầu tiên.

- **Hoá đơn bán hàng** (áp dụng đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc kinh doanh những mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT)

- Phiếu xuất kho hay Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ. Có thể linh động tùy theo đơn vị hoặc theo các mẫu khác nhau.

- Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý (nếu doanh nghiệp có bán hàng qua các đại lý).

- Báo cáo bán hàng; Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ; Bảng thanh toán hàng đại lý (ký gửi). Những báo cáo này cũng phụ thuộc vào yêu cầu và quy trình của từng công ty sẽ có những thay đổi khác nhau.

- Thẻ quầy hàng; Giấy nộp tiền; Bảng kê nhận hàng và thanh toán hàng ngày

- Các Biên bản thừa thiếu hàng, Biên bản giảm giá hàng bán, Biên bản hàng bán bị trả lại... và các loại biên bản khác theo yêu cầu cụ thể của từng đơn vị

- Phiếu thu, giấy báo Có...

- Các chứng từ liên quan khác phụ thuộc vào từng lĩnh vực và quy trình của doanh nghiệp.

Nếu là với những nghiệp vụ phát sinh liên quan đến xuất khẩu thì sẽ có thêm những chứng từ liên quan xuất khẩu như:

- Hợp đồng bán hàng hóa, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Hóa đơn thương mại: Đây là chứng từ do người xuất khẩu phát hành để “đòi tiền” người mua cho lô hàng đã bán theo những điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

- Tờ khai hải quan: Đây là chứng từ kê khai hàng hóa xuất nhập khẩu với cơ quan hải quan để hàng đủ điều kiện để xuất khẩu hoặc nhập khẩu vào một quốc gia. Với bán hàng ra nước ngoài, đây là một thủ tục quan trọng và khá phức tạp.

- Hóa đơn thương mại (invoice)

- Hồ sơ chứng minh xuất khẩu: Chứng minh nguồn gốc xuất xứ (CO), đóng gói (packing list)

- Chứng từ nộp thuế khâu xuất khẩu

Ghi chú:

- Hóa đơn phải được lập ngay khi cung cấp hàng hoá, dịch vụ;
- Cuối quý phải lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn nộp cho cơ quan thuế;
- Sử dụng và quản lý hóa đơn thực hiện theo thông tư hiện hành về hóa đơn giấy và hóa đơn điện tử, hóa đơn thương mại,...

3.1.1.2. Lập chứng từ

Cơ sở pháp lý:

Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về phát hành hóa đơn đặt in, hoá đơn tự in

Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính về hóa đơn điện tử

Ban hành kèm theo Thông tư số 68 /2019/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính về hóa đơn điện tử áp dụng từ ngày 01/11/2020

****Đối với hóa đơn:**

Tên loại hóa đơn: Gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng, Hóa đơn bán hàng; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý; tem; vé; thẻ.

Ký hiệu mẫu số hóa đơn (mẫu hóa đơn):- Đối với hóa đơn đặt in, tự in thì hóa đơn tự in ký hiệu mẫu số hóa đơn có 11 ký tự

+ 2 ký tự đầu thể hiện loại hóa đơn

+ Tối đa 4 ký tự tiếp theo thể hiện tên hóa đơn

+ 01 ký tự tiếp theo thể hiện số liên của hóa đơn

+ 01 ký tự tiếp theo là “/” để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.

+ 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn.

Bảng ký hiệu 6 ký tự đầu của mẫu hóa đơn:

Loại hóa đơn	Mẫu số
1- Hóa đơn giá trị gia tăng.	01GTKT
2- Hóa đơn bán hàng.	02GTTT
3- Hóa đơn bán hàng (dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan).	07KPTQ
4- Các chứng từ được quản lý như hóa đơn gồm:	
+ Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển hàng hóa nội bộ;	03XKNB
+ Phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý.	04HGDL

- **Ký hiệu hóa đơn của hóa đơn:** ký hiệu hóa đơn có 6 ký tự đối với hóa đơn của các tổ chức, cá nhân tự in và đặt in và 8 ký tự đối với hóa đơn do Cục Thuế phát hành.

+ 2 ký tự đầu để phân biệt các ký hiệu hóa đơn.

Ký tự phân biệt là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y;

+ 3 ký tự cuối cùng thể hiện năm tạo hóa đơn và hình thức hóa đơn.

Năm tạo hóa đơn được thể hiện bằng hai số cuối của năm;

Ký hiệu của hình thức hóa đơn: sử dụng 3 ký hiệu:

E: Hóa đơn điện tử,

T: Hóa đơn tự in,

P: Hóa đơn đặt in;

- Giữa hai phần được phân cách bằng dấu gạch chéo (/).

Ví dụ:

AA/11E: trong đó AA: là ký hiệu hóa đơn; 11: hóa đơn tạo năm 2011; E: là ký hiệu hóa đơn điện tử;

AB/12T: trong đó AB: là ký hiệu hóa đơn; 12: hóa đơn tạo năm 2012; T: là ký hiệu hóa đơn tự in;

AA/13P: trong đó AA: là ký hiệu hóa đơn; 13: hóa đơn tạo năm 2013; P: là ký hiệu hóa đơn đặt in.

Để phân biệt hóa đơn đặt in của các Cục Thuế và hóa đơn của các tổ chức, cá nhân, hóa đơn do Cục Thuế in, phát hành thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hóa đơn do Cục Thuế in, phát hành).

Ví dụ: Hóa đơn do Cục thuế Hà Nội in, phát hành có ký hiệu như sau:

01AA/11P thể hiện Hóa đơn có ký hiệu do Cục Thuế Hà Nội đặt in, tạo năm 2011;

03AB/12P thể hiện Hóa đơn có ký hiệu do Cục Thuế TP HCM đặt in, tạo năm 2012;

(Danh sách Mã hóa đơn của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát hành theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC)

Số thứ tự hóa đơn: ghi bằng dãy số tự nhiên liên tiếp trong cùng một ký hiệu hóa đơn, bao gồm 7 chữ số.

Liên hóa đơn: Mỗi số hóa đơn phải có từ 2 liên trở lên và tối đa không quá 9 liên, trong đó 2 liên bắt buộc:

Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao cho người mua

Các liên từ liên thứ 3 trở đi được đặt tên theo công dụng cụ thể mà người tạo hóa đơn quy định.

Tên, mã số thuế của tổ chức nhận in hóa đơn, tổ chức cung cấp phần mềm tự in hóa đơn: đặt ở phần dưới cùng, chính giữa hoặc bên cạnh của tờ hóa đơn./.

Minh họa : MẪU HÓA ĐƠN, BẢNG BIỂU *(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính)*

Hóa đơn Giá trị gia tăng

Số tài khoản: Ngân hàng:

S8: 0000000

Ngày tháng năm 20.....

Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

(Ký, đóng dấu & ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lắp, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công Ty CP Công Nghệ In Sao Mai - MST: 0312474238 Điện thoại: (08) 3511 9779 Fax: (08) 3511 9778

10

[illegible]

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ - MẪU SỐ 03XKKNB

Tên tổ chức, cá nhân:
 Địa chỉ:
 Mã số thuế: Ký hiệu:
 Số:

PHIẾU XUẤT KHO KIÊM VẬN CHUYỂN NỘI BỘ

Liên 1: Lưu

Ngày..... tháng..... năm

Căn cứ lệnh điều động số:..... Ngày..... tháng..... năm.....
 của về việc

Họ tên người vận chuyển:..... Hợp đồng số:.....

Phương tiện vận chuyển:.....

Xuất tại kho:.....

Nhập tại kho:.....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Thực xuất	Thực nhập		
Tổng cộng:							

Người lập
 (ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho xuất
 (ký, ghi rõ họ tên)

Người vận chuyển
 (ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho nhập
 (ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ doanh nghiệp phải đăng ký phát hành, quản lý và báo cáo tình hình sử dụng (chung với báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn) về cơ quan thuế như là hóa đơn và áp dụng trong các trường hợp như : nhận nhập khẩu hàng hóa uỷ thác, uỷ thác xuất khẩu hàng hóa, kinh doanh kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ xuất điều chuyển hàng hóa cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc; xuất hàng hóa cho cơ sở nhận làm đại lý.

Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý- Mẫu số: 04HGDL

Tên tổ chức, cá nhân:

Ký hiệu:

Địa chỉ:

Số:

Địa chỉ:

PHIẾU XUẤT KHO HÀNG GỬI BÁN ĐẠI LÝ

Liên 1: Lưu

Ngày.....tháng.....năm....

Căn cứ hợp đồng kinh tế số: Ngày...tháng...năm... của
với (tổ chức, cá nhân) MST:

Họ tên người vận chuyển: Hợp đồng số:

Phương tiện vận chuyển:

Xuất tại kho:

Nhập tại kho:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng:					

Người nhận hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho xuất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người vận chuyển

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho nhập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao cho đại lý bán hàng

Liên 3: Nội bộ

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Hải Bùi Địa chỉ: ...194/50/2D Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh Mã số thuế: 0312581896		Ký hiệu: HB/001 Số: 0000001				
PHIẾU XUẤT KHO HÀNG GỬI BÁN ĐẠI LÝ Liên 1: Lưu Ngày: ...08 tháng 08 năm 2018						
Căn cứ hợp đồng kinh tế số: 01/HDKT/2018 của Công ty TNHH Hải Bùi với (tổ chức, cá nhân)...Cty TNHH ABC...MST: 3600252847		Ngày 08/08/2018 Hợp đồng số: 02/HDVC/2018.				
Họ tên người vận chuyển: ...Nguyễn Văn Tài... Phương tiện vận chuyển: Xe Tải						
Xuất tại kho: 194/50/2D Bạch Đằng, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TpHCM..... Nhập tại kho: 340 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Gò Vấp						
<i>Giá bán chưa VAT</i>						
STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Sách Lập báo cáo tài chính và thực hành khai báo thuế	LBCT	Quyển	5	400.000	2.000.000
2	Sách tự học kế toán bằng hình ảnh minh họa	THKT	Quyển	4	700.000	2.800.000
Tổng cộng:					4.800.000	
Người nhận hàng <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người lập <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ kho xuất <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người vận chuyển <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ kho nhập <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i> Ghi chú: Liên 1: Lưu Liên 2: Giao cho đại lý bán hàng Liên 3: Nội bộ						

Sử dụng Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý theo quy định đối với hàng hóa xuất cho cơ sở làm đại lý kèm theo Lệnh điều động nội bộ.

Mẫu số: 01GTKT3/002

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 1: Lưu
Ngày 20 tháng 08 năm 2018

Ký hiệu: TC/18P
Số : 0000400

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ THÀNH CÔNG**

Mã số thuế: 0125645812

Địa chỉ: Số 12 Ngõ 39, Đường Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Bán lẻ không giao hoá đơn.

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Bán hàng theo bảng kê bán lẻ ngày 20/08/2018				1.013.000

Cộng tiền hàng: 1.013.000

1 Thuế suất GTGT: 10% , Tiền thuế GTGT: 101.300

Tổng cộng tiền thanh toán: 1.114.300

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm mười bốn nghìn ba trăm đồng.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Mẫu số: 01GTKT3/002 Ký hiệu: TC/18P Số : 0000400				Liên 1: Lưu Ngày 20 tháng 08 năm 2018	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ THANH CÔNG Mã số thuế: 0125645812 Địa chỉ: Số 12 Ngõ 39, Đường Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội Điện thoại: Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Bán lẻ không giao hoá đơn. Tên đơn vị: Mã số thuế: Địa chỉ: Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Bán hàng theo bảng kê bán lẻ ngày 20/08/2018				1.013.000
Cộng tiền hàng:					1.013.000
1 Thuế suất GTGT: 10% , Tiền thuế GTGT:					101.300
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.114.300
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm mười bốn nghìn ba trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu ghi rõ họ, tên)		

Lưu ý : Đối với khách hàng mua hàng hoá, dịch vụ có giá trị thanh toán < 200.000 đồng thì:

- Nếu người mua yêu cầu lấy hoá đơn => Bên bán xuất hoá đơn như bình thường
- Nếu người mua không yêu cầu lấy hoá đơn => Người bán không cần xuất hoá đơn từng lần cho từng khách hàng đó. Tuy nhiên người bán sẽ phải lập “Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ” để cuối ngày xuất 01 hoá đơn theo bảng kê đã lập.

Ngoài ra: **Trường hợp khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ 200.000 đồng trở lên mỗi lần. Nếu người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có) thì vẫn phải lập hóa đơn và ghi rõ “người mua không lấy hoá đơn” hoặc “người mua không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế.”**

Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C21TAA

Số: 123

Ngày 02 tháng 01 năm 2021

Tên người bán: CÔNG TY TNHH A

Mã số thuế:

Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội

Điện thoại:.....Số tài khoản.....

Họ tên người mua: _____

Tên người mua: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Hình thức thanh toán:..... Số tài khoản..... Đồng tiền thanh toán: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT
1	2	3	4	5	6	7= 4 x5	8 =7x6	9 = 7+8

Tổng tiền chưa có thuế GTGT:

Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:

Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT:

Số tiền viết bằng chữ:.....

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hóa đơn bán hàng (dùng cho tổ chức, cá nhân khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp)

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG					
Ký hiệu: 2C21TBB					
Số: 98723					
Ngày 15 tháng 10 năm 2021					
Tên người bán: CÔNG TY TNHH A					
Mã số thuế: 010023400					
Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại:.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên người mua:.....					
Địa chỉ:..... Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:..... MST:..... Đồng tiền thanh toán: VNĐ					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
Tổng tiền thanh toán:					
Số tiền viết bằng chữ:.....					
Người mua hàng Chữ ký số (nếu có) Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)					

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử

Tên người xuất hàng: Công ty A

Theo lệnh điều động số 578 của Chi nhánh B về việc vận chuyển hàng hóa

Địa chỉ kho xuất hàng: 125 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội

Tên người vận chuyển: Trần Văn Đức

Phương tiện vận chuyển: ô tô bán tải số 30 A 410.67

Mã số thuế người xuất hàng :.....

PHIẾU XUẤT KHO KIÊM VẬN CHUYỂN ĐIỆN TỬ

Ngày 30 tháng 9 năm 2021

Ký hiệu: 3K22TAB

Số : 12347

Tên người nhận hàng: Trần Văn C

Địa chỉ kho nhận hàng: 99 Cầu Giấy, Hà Nội

Mã số thuế:.....

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Thực xuất	Thực nhập		
	Tổng cộng:						

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Hóa đơn điện tử Giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		
		Ký hiệu: 2K22DAA Số: 9852
Ngày 22 tháng 03 năm 2022		
Tên người bán: CÔNG TY TNHH Bảo hiểm nhân thọ A		
Mã số thuế:		
Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội		
Điện thoại:.....Số tài khoản.....		
Tên người mua:		
Mã số thuế:.....		
Địa chỉ.....		
Hình thức thanh toán:..... Số tài khoản..... Đồng tiền thanh toán:VNĐ		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thành tiền
1	2	3
Thành tiền chưa có thuế GTGT:		
Thuế suất giá trị gia tăng: % Tiền thuế giá trị gia tăng.....		
Tổng tiền thanh toán:		
Số tiền viết bằng chữ:.....		
Người mua hàng Chữ ký số (nếu có) Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)		
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>		

Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng (dùng cho một số tổ chức, doanh nghiệp đặc thù thu bằng ngoại tệ)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG									
						Ký hiệu: 1K22DAA			
						Số: 6830			
Ngày tháng năm									
Tên người bán:.....									
Mã số thuế:									
Địa chỉ:.....									
Điện thoại:.....Số tài khoản.....									
Tên người mua.....									
Mã số thuế:.....									
Địa chỉ.....									
Hình thức thanh toán:..... Số tài khoản..... Đồng tiền thanh toán USD									
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT	Tỷ giá (USD/VND)
1	2	3	4	5	6	7= 4 x5	8 =7x6	9 = 7+8	10
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:									
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất:									
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT:									
Số tiền viết bằng chữ:.....									
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có)) <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)</i>					Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)				

THỰC HÀNH LẬP HÓA ĐƠN

Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT kê khai thuế theo PP khấu trừ, có mã số thuế : 0401721087, Địa chỉ 74 Trương Chí Cương, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng. Trong kỳ có phát sinh nghiệp vụ như sau:

Nghiệp vụ 1. Ngày 05/09/2020 Công ty bán lô hàng gồm 5 máy tính loại Dell cho Công ty TNHH MTV Xuân Thủy, mã số thuế 0401521888, địa chỉ : Số 33 Lê Hữu Trác, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, ĐN với đơn giá bán chưa thuế 12.500.000 đ/máy. Kế toán xuất hóa đơn GTGT số 0003343, hàng đã giao nhận, chưa thanh toán.

Nghiệp vụ 2. Ngày 6/09/2020 Quyết toán công trình xây dựng “Cải tạo văn phòng làm việc” của Công ty Cổ Phần Ý Lan, mã số thuế 0400522898, địa chỉ 123 Núi Thành, Phường Hòa Thuận, Hải Châu, Đà Nẵng, theo số hợp đồng 125-DN, giá trị hợp đồng sau thuế 250.000.000 đ, giá trị nghiệm thu quyết toán bàn giao theo BBNT số 0521 với số tiền sau thuế 234.300.000 đ. Số tiền đã thu được bằng chuyển khoản. Kế toán đã xuất hóa đơn số 0003344.

Nghiệp vụ 3. Ngày 7/09/2020 Bán cho đại lý – Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành, mã số thuế 4000256689, địa chỉ 42 Trần Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam số lượng 100 máy tính Dell với đơn giá chưa thuế 12.500.000 đ/ máy. Công ty khuyến mãi 100 chuột logitech với giá trị 75.000 đ/cái. Chương trình khuyến mãi đã đăng ký theo quy định về luật thương mại. Công ty đã xuất hàng giao nhận đủ và xuất hóa đơn số 0003345. Tiền hàng chưa thanh toán.

Nghiệp vụ 4. Ngày 15/09/2020 Tổng kết chương trình chiết khấu thương mại kinh doanh máy vi tính, laptop quý 2/2020. Công ty TNHH thương mại máy tính Văn Thành đạt được chương trình chiết khấu với thông báo số 05, theo đó được hưởng 2% giá trị doanh số đã mua trong quý 2. Giá trị chiết khấu thương mại: 15.000.000 đồng. Công ty đã xuất hóa đơn số 0003346 tính chiết khấu cho đại lý này và căn trừ công nợ trong quý 3/2020.

Nghiệp vụ 5. Ngày 20/09/2020 nhân dịp kỷ niệm thành lập công ty 5 năm, công ty đã xuất kho 15 tai phone air1 nghe nhạc cho nhân viên. Giao cho trưởng bộ phận nhân sự Ông Nguyễn Bình phụ trách. Đơn giá xuất kho 125.000 đ/ cái. Công ty đã xuất hóa đơn số 0003347

Nghiệp vụ 6: Ngày 25/09/2020 Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành trả lại 02 máy tính Dell lô bán ngày 07/09 do lỗi kỹ thuật từ nhà máy. Công ty đã nhận lại 02 máy kèm hóa đơn trả lại hàng do công ty Văn Thành xuất HĐ GTGT số 4568 cùng ngày. Hàng đã nhận đủ, công ty sẽ bù trừ công nợ.

Nghiệp vụ 7. Ngày 30/09/2020 Kế toán xác định doanh thu thuần, kết chuyển doanh thu thuần xác định kết quả kinh doanh tháng 9/2020.

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH :

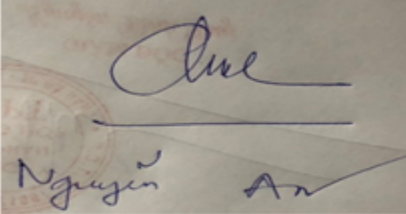
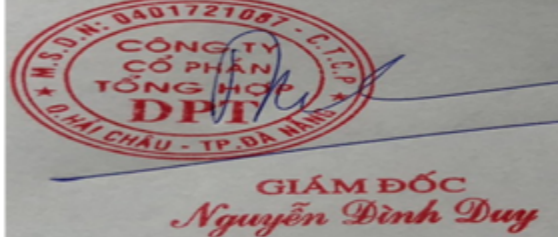
- 1- Lập hóa đơn theo hướng dẫn giáo viên
- 2- Dựa vào hóa đơn, thực hành ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu theo hướng dẫn của giáo viên

SẢN PHẨM THỰC HÀNH YÊU CẦU 1:

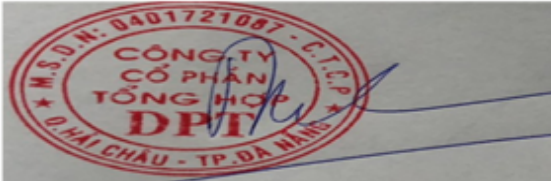
Nghệp vụ 1

Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: Mã số thuế: 0401721087					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao cho người mua Ngày 05 tháng 9 năm 2020					
 Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: PT/19P Số hóa đơn: 0003343					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV Xuân Thủy					
Địa chỉ: Số 33 Lê Hữu Trác, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: Nợ Mã số thuế: 0401521888					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Máy tính Dell	Cái	5	12.500.000	62.500.000
Cộng tiền hàng:					62.500.000
Thuế GTGT 10 % Tiền thuế GTGT:					6.250.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					68.750.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu tám triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng					
Tài khoản thanh toán:					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI			 GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Đình Duy</i>		

Nghiệp vụ 2

Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: Mã số thuế: 0401721087					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				 Mẫu số: 01GTKT3/001 Số hóa 0003344	
Liên 2: Giao cho người mua Ngày 06 tháng 9 năm 2020					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn An					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Ý Lan					
Địa chỉ: 123 Núi Thành, Phường Hòa Thuận, Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK		Mã số thuế: 0400522898			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Thanh toán khối lượng công trình theo BBNT số 0521 của hợp đồng số 125-DN				213.000.000
Tổng cộng hàng:					213.000.000
Thuế GTGT 10 %		Tiền thuế GTGT:			21.300.000
Tổng cộng tiền thanh toán					234.300.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm ba bốn triệu, ba trăm ngàn đồng y					
Tài khoản thanh toán:					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
			 GIÁM ĐỐC Nguyễn Đình Duy		
1 tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông An - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554					

Ngành vụ 3

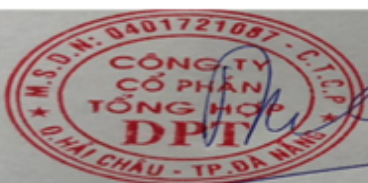
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: Mã số thuế: 0401721087					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
Liên 2: Giao cho người mua Ngày 07 tháng 9 năm 2020				Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: PT/19P	
				Số hóa	0003345
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành					
Địa chỉ: 142 Trần Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam, Việt Nam					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM/CK Mã số thuế: 4000256689					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Máy tính Dell	Cái	100	12.500.000	1.250.000.000
2	Chuột logitech	Cái	100		
	(Hàng khuyến mãi không thu tiền)				
Cộng tiền hàng:					1.250.000.000
Thuế GTGT		10 %	Tiền thuế GTGT:		125.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.375.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ ba trăm bảy lăm triệu đồng y					
Tài khoản thanh toán:					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI			 GIÁM ĐỐC Nguyễn Đình Duy		

In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông An - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554

Nghiệp vụ 4

Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: Mã số thuế: 0401721087					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				 Mẫu số: 01G/TKT3/001 Ký hiệu: PT/19P	
Liên 2: Giao cho người mua Ngày 15 tháng 9 năm 2020				Số hóa đơn: 0003346	
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành					
Địa chỉ: 142 Trần Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam, Việt Nam					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: cần trừ công nợ		Mã số thuế: 4000256689			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Chiết khấu thương mại quý 2/2020 theo thông báo số 05				15.000.000
Công tiền hàng:					15.000.000
Thuế GTGT 10 %		Tiền thuế GTGT:			1.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					16.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu, năm trăm ngàn đồng y					
Tài khoản thanh toán:					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		
BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI			 GIÁM ĐỐC Nguyễn Đình Duy		
In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông Ấn - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554					

Ngành vụ 5

Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng Điện thoại: Mã số thuế: 0401721087					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				 Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: PT/19P Số hóa đơn: 0003347	
Liên 2: Giao cho người mua Ngày 20 tháng 9 năm 2020					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Bình					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT					
Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:			Mã số thuế: 0401721087		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Tai phone air1 (Hàng tặng nhân viên)	cái	15	125.000	1.875.000
Công tiền hàng:					1.875.000
Thuế GTGT 10 % Tiền thuế GTGT:					187.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.062.500
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu, không trăm sáu hai ngàn, năm trăm đồng y					
Tài khoản thanh toán:					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Nguyễn Bình			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)  GIÁM ĐỐC Nguyễn Đình Duy		

In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông Ấn - Mã số thuế: 0 3 1 1 7 8 6 4 1 0 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554

3.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- **Bán hàng:** Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- **Cung cấp dịch vụ:** Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động....

- Doanh thu khác

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế phát sinh hoặc tỷ giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu do các nguyên nhân: Doanh nghiệp chiết khấu thương mại, giảm giá hàng đã bán cho khách hàng hoặc hàng đã bán bị trả lại (do không đảm bảo điều kiện về quy cách, phẩm chất ghi trong hợp đồng kinh tế), và doanh nghiệp phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế mà doanh nghiệp đã thực hiện trong một kỳ kế toán.

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

1. Tài khoản 511- "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đã bán; dịch vụ đã cung cấp được xác định là đã bán trong kỳ không phân biệt doanh thu đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần

lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là đã bán, nhưng vì lý do về chất lượng, về qui cách kỹ thuật,... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng trên các **Tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu**, cuối kỳ kết chuyển vào Tài khoản 511 để tính doanh thu thuần.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết Hoá đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là đã bán và không được ghi vào Tài khoản 511- "*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*" mà chỉ hạch toán vào bên Có Tài khoản 131- "*Phải thu của khách hàng*" về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào Tài khoản 511- "*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*" về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số năm nhận trước tiền.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với các doanh nghiệp được giao quản lý các dự án đầu tư, xây dựng sử dụng nguồn vốn NSNN hoặc vốn trái phiếu Chính phủ, trái phiếu địa phương, trường hợp lập dự toán chi phí quản lý dự án theo các quy định của Nhà nước về đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN thì khoản kinh phí quản lý dự án được NSNN bồi hoàn không được hạch toán là doanh thu mà ghi giảm chi phí quản lý dự án. Trường hợp doanh nghiệp làm nhiệm vụ quản lý dự án theo hợp đồng tư vấn thì số thu theo hợp đồng được ghi nhận là doanh thu cung cấp dịch vụ.

- Không hạch toán vào tài khoản này các trường hợp sau:

▪ Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.

▪ Trị giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp giữa công ty, Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

▪ Trị giá sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho nhau giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên.

▪ Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán; dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán.

▪ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (chưa xác định là đã bán).

▪ Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kết cấu và nội dung

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, bảo vệ môi trường phải nộp tính trên doanh thu bán hàng; - Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp - Số kết chuyển các khoản giảm doanh thu;	- Doanh thu sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ thực hiện trong kỳ kế toán.
---	---

- Số kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911.	
(Tài khoản không có số dư cuối kỳ)	

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 5 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111- *Doanh thu bán hàng hóa*
- Tài khoản 5112- *Doanh thu bán thành phẩm*
- Tài khoản 5113- *Doanh thu cung cấp dịch vụ*
- Tài khoản 5114- *Doanh thu trợ cấp, trợ giá*
- Tài khoản 5117- *Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*
- Tài khoản 5118 - *Doanh thu khác*: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản

doanh thu như phí quản lý do cấp dưới nộp và các khoản doanh thu khác ngoài doanh thu bán hàng hóa, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu trợ cấp, trợ giá và doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

3.1.3. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

2.1.3.1. Kế toán nghiệp vụ bán sản phẩm đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

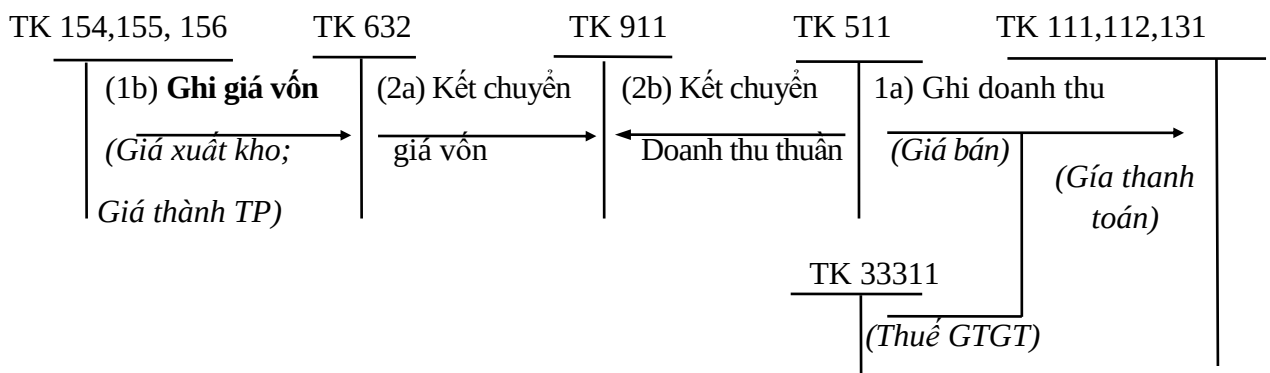
Trường hợp 1: Phương thức bán hàng trực tiếp

- Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Khi xuất sản phẩm hàng hóa, thành phẩm hay thực hiện các dịch vụ với khách hàng, ghi:

- Phản ánh doanh thu của hàng đã bán: Căn cứ vào Hóa đơn GTGT
Nợ TK 111, 112, 131 – (Ghi tổng giá thanh toán)
 Có TK 511 – (Ghi giá bán không có thuế GTGT)
 Có TK 333 – Thuế và các khoản nộp Nhà nước (33311)(Thuế GTGT đầu ra)
- Phản ánh trị giá vốn hàng xuất bán:
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán
 Có TK 155, 156(Ghi theo giá thực tế xuất kho)
 Có TK 154 – (Ghi theo giá thành thực tế thành phẩm, dịch vụ hoàn thành)

Sơ đồ 1: Kế toán bán hàng trực tiếp



- Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc bán hàng hóa thuộc diện không chịu thuế GTGT, căn cứ vào Hóa đơn bán hàng, ghi:

- Nợ TK 111, 112, 131: (Ghi tổng giá thanh toán)
 Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ví dụ 1: Bán trực tiếp cho khách hàng M1 1 số sản phẩm theo Hóa đơn (GTGT):

- Giá bán : 10.000.000,
- Thuế GTGT : 1.000.000,

- Ghi doanh thu:
1a/Nợ TK 111: 11.000.000
- Có TK 511: 10.000.000
- Có TK 333: 1.000.000

- Giá thanh toán : 11.000.000.
 Tiền hàng đã thu đủ bằng tiền mặt nhập quỹ.
 Giá thành thực tế xuất kho kế toán đã tính: 8.000.000

- Ghi giá vốn hàng bán:
 1b/Nợ TK 632: 8.000.000
 Có TK 155: 8.000.000

* Trường hợp doanh thu bán hàng thu bằng ngoại tệ, thì ngoài việc ghi sổ kế toán chi tiết số nguyên tệ đã thu hoặc phải thu, kế toán phải căn cứ vào tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế để quy đổi ra Đồng Việt Nam để hạch toán vào Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 131, 1112, 1122: (Ghi giá thanh toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế hoặc tỷ giá giao dịch BQLNH)

Có TK 511: (Ghi giá bán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế)

Có TK 333 (33311): Ghi thuế GTGT đầu ra theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế (DN tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

• Trường hợp 2 : Phương thức gửi hàng (chuyển hàng chờ chấp nhận)

Là phương thức bán hàng tại kho đơn vị mua, do đó hàng xuất gửi bán chưa xác định là hàng đã bán. Số hàng này được xác định là hàng đã bán khi người mua chấp nhận thanh toán hay nhận được giấy báo Có ngân hàng .

(1) Khi xuất sản phẩm chuyển đến cho bên mua, do hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, nên kế toán phản ánh hàng gửi bán theo trị giá thực tế xuất kho (căn cứ vào Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ kèm theo Lệnh điều động nội bộ), ghi:

Nợ TK 157 – Hàng gửi đi bán (Giá thực tế của hàng gửi bán)

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Xuất trực tiếp từ các phân xưởng theo giá thành sản xuất)

Có TK 155,156 (Xuất tại kho thành phẩm, hàng hóa theo giá xuất kho)

(2) Khi hàng gửi bán được bên mua kiểm nhận, chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền (một phần hoặc toàn bộ), doanh nghiệp phải lập Hóa đơn GTGT về số lượng hàng được xác định là đã bán này. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, kế toán ghi:

- Phản ánh doanh thu của hàng được xác định là đã bán:

Nợ TK 111, 112, 131 - Ghi giá thanh toán

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Ghi giá bán)

Có TK 3331 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Ghi thuế GTGT)

- Phản ánh giá vốn của hàng được xác định là đã bán:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 157 - Hàng gửi bán (Trị giá vốn của số hàng xác định là đã bán)

(2) Số hàng gửi đi bị từ chối khi chưa được xác nhận là đã bán:

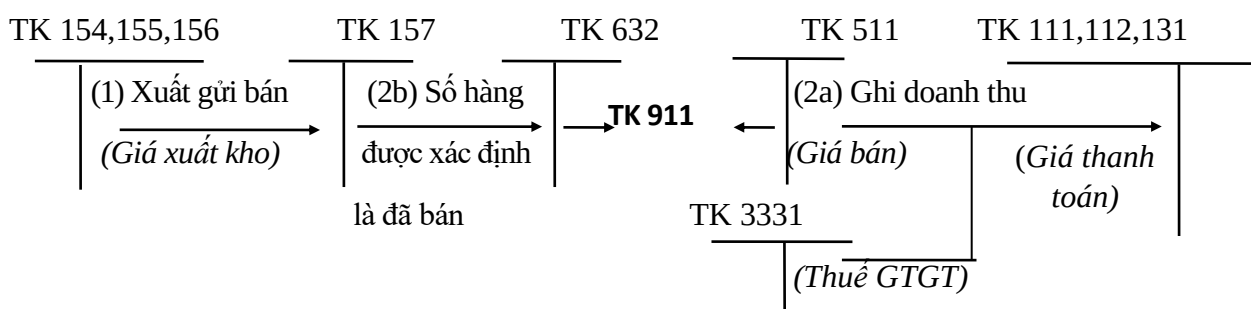
Nợ TK 1388, 334 - (Giá trị hư hỏng cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 155,156 (Nếu nhập lại kho)

Nợ TK 1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý (Giá trị sản phẩm hỏng chờ xử lý)

Có TK 157- Hàng gửi đi bán (Trị giá vốn của số hàng bị trả lại)

Sơ đồ 2: Kế toán bán hàng theo phương thức gửi hàng



- Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì kế toán phản ánh doanh thu bán hàng theo giá thanh toán, ghi :

Nợ TK 111, 112, 131,...

Có TK 511 (Tổng giá thanh toán)

b. Phương pháp kế toán bên nhận hàng đại lý, ký gửi, bán đúng giá hưởng hoa hồng:

(1) Khi hàng nhận đại lý đã bán được, phải lập Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng theo chế độ quy định. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh tổng giá thanh toán của số hàng đại lý đã bán phải trả cho bên giao hàng:

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 331- Theo giá bán theo quy định kể cả thuế GTGT

(2) Định kỳ, khi thanh toán hoa hồng, cơ sở đại lý phải lập Hóa đơn GTGT, trên hóa đơn ghi dòng giá bán là tiền hoa hồng bán hàng. Căn cứ vào Hóa đơn GTGT về tiền hoa hồng được hưởng, kế toán ghi doanh thu hoa hồng đại lý:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 511 - Ghi tiền hoa hồng đại lý được hưởng (chưa có thuế GTGT)

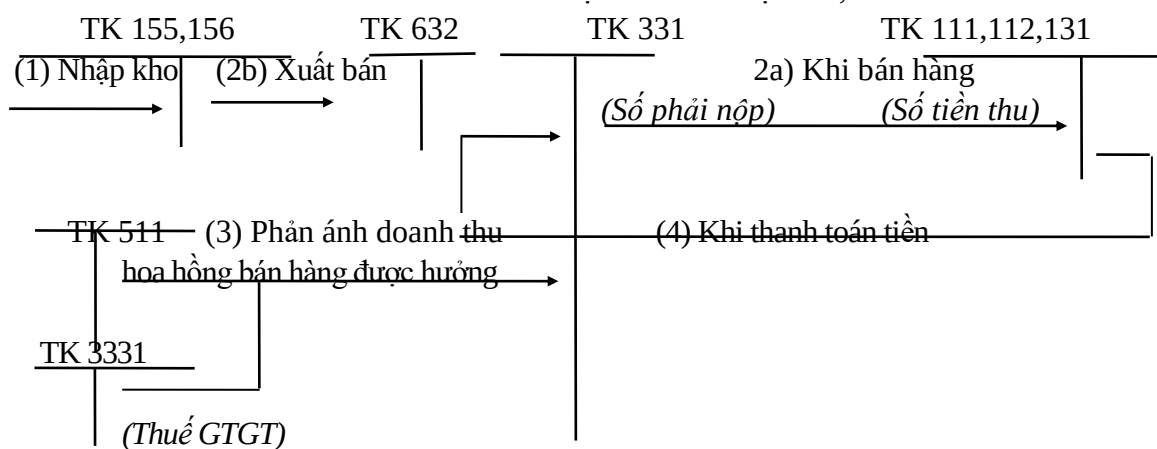
Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (Nếu có)

(3) Khi thanh toán tiền hàng cho chủ hàng

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 111, 112, ... (Số tiền nộp cho chủ hàng)

Sơ đồ 4: KẾ TOÁN BÊN NHẬN HÀNG ĐẠI LÝ, KÝ GỬI



Ví dụ 3: Doanh nghiệp X có tài liệu về tình hình bán hàng qua cơ sở đại lý K:

1. Xuất kho sản phẩm A giao cho cơ sở đại lý K:

- Giá xuất kho $10^{sp} \times 8.000.000^{đ/sp} = 80.000.000đ$
- Giá bán 1 sản phẩm quy định kể cả thuế GTGT 10% là $11.000.000^{đ/sp}$
- Hoa hồng bán 2% tính trên doanh thu.

2. Cuối tháng, cơ sở đại lý K đã bán được 6^{sp} thu bằng tiền mặt và đã thanh toán toàn bộ tiền bán cho doanh nghiệp X bằng tiền gửi ngân hàng.

3. Doanh nghiệp X xuất quỹ tiền mặt thanh toán số tiền hoa hồng cho đại lý K kể cả thuế GTGT 10% .

Yêu cầu hạch toán bên giao hàng và bên cơ sở đại lý.

Doanh nghiệp X hạch toán	Bên cơ sở đại lý K hạch toán
- Xuất hàng	- Đại lý bán hàng thu tiền:
1. Nợ TK 157: 80.000.000	1. Nợ TK 111: 66.000.000
Có TK 155: 80.000.000	Có TK 331.X: 66.000.000
- Ghi doanh thu 6 sản phẩm:	- Phản ánh doanh thu hoa hồng bán
2a. Nợ TK 112: 66.000.000	2. Nợ TK 331.X: 1.320.000
Có TK 511: (gb 6sp) 60.000.000	Có TK 3331: 120.000
Có TK 3331: 6.000.000	Có TK 5113: 1.200.000
- Ghi giá vốn 6 sản phẩm:	- Đại lý nộp tiền cho bên giao hàng:
2b. Nợ TK 632: (gv 6sp) 48.000.000	3. Nợ TK 331.X 66.000.000
Có TK 157: 48.000.000	Có TK 112 66.000.000
- Chi phí hoa hồng bán:	- Nhận tiền hoa hồng bán:
3. Nợ TK 641: 1.200.000	4. Nợ TK 111 1.320.000
Nợ TK 1331 120.000	Có TK 331.X 1.320.000
Có TK 111 1.320.000	

Trường hợp 4: Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

- Theo phương thức này khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng đó được xác định là hàng đã bán. Về tiền hàng người mua thanh toán ngay lần đầu tại thời điểm mua một phần số tiền phải trả, phần còn lại trả dần trong nhiều kỳ và phải chịu một lãi suất nhất định. Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng là giá bán chưa có thuế (theo giá bán trả ngay) không kể phần lãi trả chậm. Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng kể cả thuế. Phần lãi tính trên số tiền trả chậm được phản ánh vào Tài khoản 3387- “Doanh thu chưa thực hiện”.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh các bút toán sau:

- Phản ánh số doanh thu của hàng trả chậm, trả góp theo hóa đơn GTGT:

Nợ TK 111, 112- Số tiền người mua thanh toán lần đầu.

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng (Số tiền người mua còn nợ kể cả lãi do trả chậm)

Có TK 511 (5111, 5112, 5117)- Doanh thu tính theo giá bán trả tiền ngay chưa có thuế GTGT.

Có TK 333 (3331) - Thuế GTGT phải nộp tính doanh thu trả tiền ngay

Có TK 3387 (Tiền lãi trả chậm, trả góp = phần chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp và giá bán trả ngay chưa có thuế GTGT)

- Phản ánh trị giá vốn của hàng bán:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Trị giá vốn của hàng bán)

Có TK 154, 155, 156...(Giá thực tế xuất)

- Hàng kỳ, tính, xác định và kết chuyển doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Khi thực thu tiền bán hàng lần tiếp sau, ghi:

Nợ các TK 111, 112

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Đối với hàng bán trả chậm, trả góp không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:

- Phản ánh trị giá vốn của hàng bán trả chậm, trả góp:
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (*Trị giá vốn của hàng bán trả chậm, trả góp*)
Có TK 154, 155, 156... (*Giá thực tế xuất*)
- Phản ánh số thu của hàng trả góp theo hóa đơn GTGT:
Nợ TK 111, 112 - *Số tiền người mua thanh toán lần đầu.*
Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (*Số tiền người mua còn nợ kể cả lãi trả chậm*)
Có TK 511 (5111, 5112, 5117) - *Doanh thu tính theo giá bán trả tiền ngay có thuế*

GTGT

Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (*Tiền lãi trả chậm, trả góp = phần chênh lệch giữa giá bán trả chậm, trả góp và giá bán trả ngay có thuế GTGT*)

- Cuối kỳ, xác định số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 (3331) *Thuế GTGT phải nộp*

- Hàng kỳ, tính, xác định và kết chuyển doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp:

Nợ TK 338 - Doanh thu chưa thực hiện (3387)

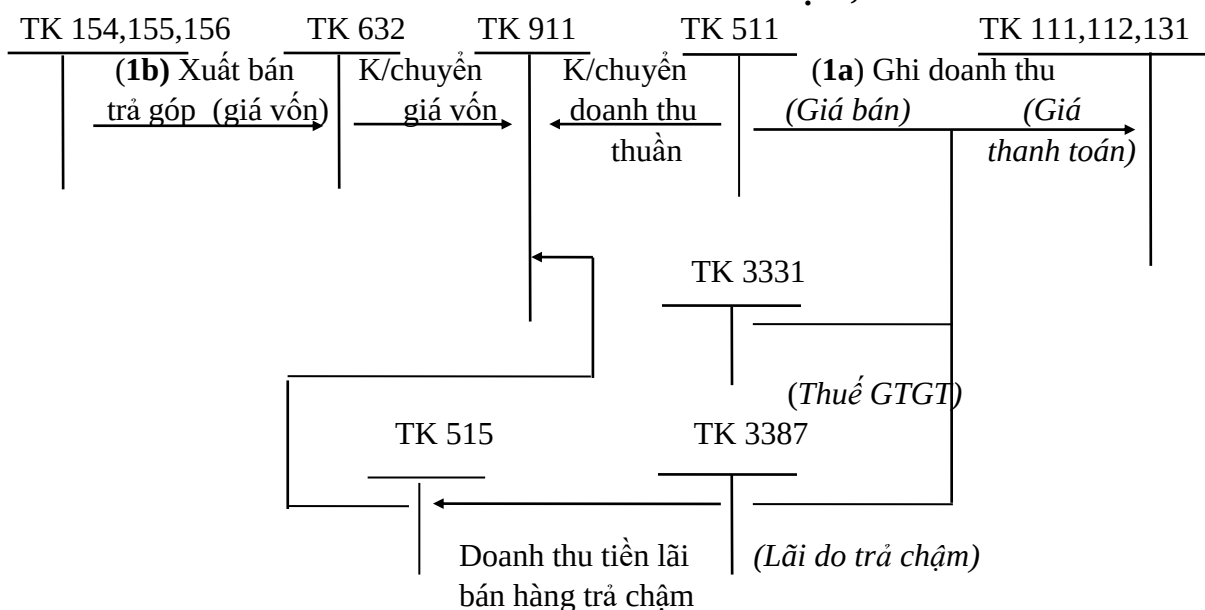
Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính. (*lãi trả chậm, trả góp*)

- Khi thực thu tiền bán hàng lần tiếp sau, ghi:

Nợ các TK 111, 112

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

Sơ đồ 5: KẾ TOÁN BÁN HÀNG TRẢ CHẬM, TRẢ GÓP



Ví dụ 4:

Doanh nghiệp X xuất kho hàng hóa A bán cho khách hàng M4 theo phương thức trả góp:

- Giá bán trả tiền ngay chưa có thuế : 30.000.000
- Thuế GTGT 10% : 3.000.000
- Giá xuất kho : 25.000.000

Người mua trả lần đầu: 50% bằng tiền mặt đã nhập quỹ, số còn lại trả trong thời gian 6 tháng sau với lãi trả góp 6% cho 6 tháng.

- Ghi doanh thu:

4a. Nợ TK 111 : 16.500.000 = (33.000.000/2) -> *Số đã thu lần đầu*

Nợ TK 131 : 17.490.000 = (16.500.000 + 990.000) -> *Số phải thu*

Có TK 511 : 30.000.000 (*Giá bán*)

Có TK 3331 : 3.000.000 (*Thuế GTGT phải nộp*)

- Có TK 3387 : 990.000 (Tiền lãi do trả chậm)=16.500.000 x 6%
- Ghi giá vốn:
- 4b. Nợ TK 632 : 25.000.000
- Có TK 156 : 25.000.000 (Giá xuất kho)
- Tháng sau, ghi nhận doanh thu tiền lãi bán hàng trả chậm:
- 4c. Nợ TK 3387: 165.000 = (990.000 / 6 tháng)
- Có TK 515 : 165.000

Ví dụ 5:

Doanh nghiệp bán thành phẩm SX theo phương thức trả góp:

- Giá bán trả tiền ngay chưa có thuế: 10.000.000
- Thuế GTGT của hàng bán trả góp: 1.000.000
- Người mua đã trả tiền lần đầu bằng tiền mặt: 4.000.000
- Số tiền còn phải thu về bán hàng trả góp: 9.000.000
- Giá xuất kho: 8.000.000
- Thời gian trả góp 3 tháng

Ghi doanh thu:

- 5a. Nợ TK 111: 4.000.000
- Nợ TK 131: 9.000.000
- Có TK 511 : 10.000.000
- Có TK 3331: 1.000.000
- Có TK 3387: 2.000.000

Ghi giá vốn:

- 5b. Nợ TK 632: 8.000.000
- Có TK 155: 8.000.000

Trường hợp 5: Phương thức đổi hàng

(1) Theo phương thức đổi hàng không tương tự về bản chất

Khi sản phẩm, hàng hoá được trao đổi để lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một dịch vụ tạo ra doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của vật tư, hàng hoá nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm. Khi không xác định giá trị hợp lý của vật tư, hàng hoá nhận về thì doanh thu không được xác định bằng giá trị hợp lý của sản phẩm, hàng hoá đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

★ Đối với doanh nghiệp chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

- Phản ánh trị giá vốn hàng đem đi trao đổi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 155, 156, 154, - Giá xuất kho của hàng đem đi trao đổi

- Phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa theo giá bán chưa có thuế:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng giá trị hàng đem đi trao đổi)

Có TK 511 - Doanh thu hàng đem đi trao đổi (giá bán chưa có thuế)

Có TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra phải nộp của hàng đem đi trao đổi.

- Phản ánh trị giá vật tư, hàng hóa nhận được do trao đổi:

Nợ TK 152, 153, 156...: Giá hợp lý của vật tư, hàng hoá chưa thuế GTGT (giá mua)

Nợ TK 133 (1331): Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 131: Tổng giá trị hàng nhận về (Giá thỏa thuận trao đổi có thuế GTGT)

- Trường hợp phải trả thêm tiền, khi trả thêm tiền, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

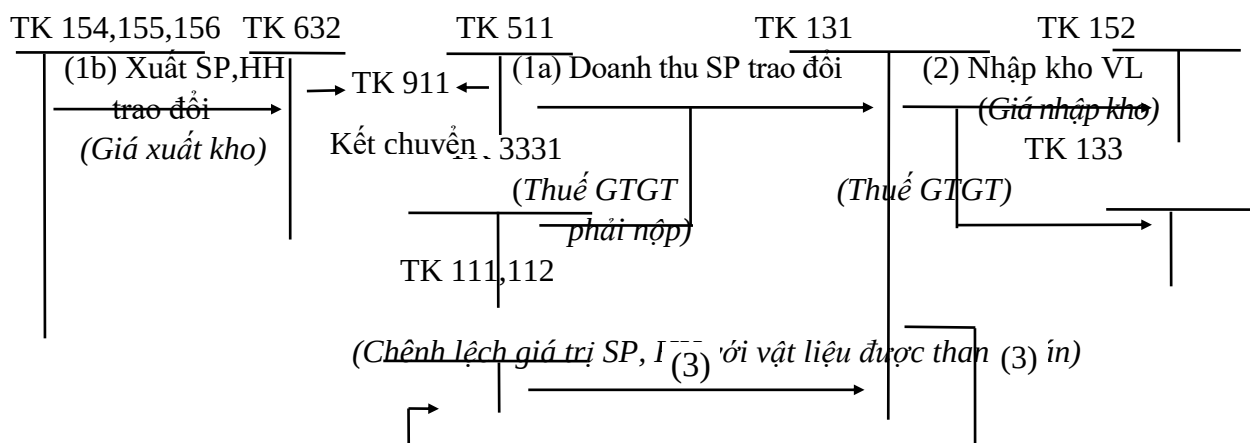
Có TK 111, 112

- Trường hợp được nhận thêm tiền, khi nhận thêm tiền, ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Sơ đồ 6. KẾ TOÁN BÁN HÀNG THEO PHƯƠNG THỨC ĐỔI HÀNG



Ví dụ 6:

Theo hợp đồng đã ký giữa doanh nghiệp X với công ty A về việc trao đổi sản phẩm lấy vật liệu được thực hiện như sau:

a. Doanh nghiệp X xuất kho sản phẩm theo giá xuất kho: 8.000.000, giá bán: 10.000.000, thuế GTGT: 10%.

b. Doanh nghiệp X nhập kho vật liệu của công ty A chuyển đến theo giá mua là 12.000.000. Thuế GTGT: 10%.

c. Phần chênh lệch giữa giá trị trao đổi đã được thanh toán bằng tiền mặt đủ số

- Ghi doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư

6a1/ Nợ TK 131.A: 11.000.000

Có TK 5112: 10.000.000

Có TK 3331: 1.000.000

- Ghi trị giá vốn hàng đem đi trao đổi

6a2/ Nợ TK 632: 8.000.000

Có TK 155: 8.000.000

- Ghi trị giá vật tư nhận được do trao đổi:

6b/ Nợ TK 152: 12.000.000

Nợ TK 1331: 1.200.000

Có TK 131.A: 13.200.000

- Chênh lệch giá trị trao đổi được thanh toán:

6c/ Nợ TK 131.A: 2.200.000

Có TK 111: 2.200.000

★ Đối với doanh nghiệp chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

- Trường hợp hàng nhận về được dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu thuế theo phương pháp trực tiếp hoặc không chịu thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 152, 153...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán)

- Kế toán phản ánh doanh thu bán hàng trao đổi theo tổng giá thanh toán, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(2) Theo phương thức đổi hàng tương tự

❖ Trao đổi sản phẩm, hàng hóa tương tự về bản chất và giá trị:

Khi sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ **tương tự về bản chất** thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu. Ví dụ: Trao đổi vật liệu lấy vật liệu, trao đổi thành phẩm lấy thành phẩm.

❖ Trao đổi sản phẩm, hàng hóa tương tự về giá trị nhưng khác về bản chất:

Kế toán phản ánh tương tự như trường hợp đổi hàng không tương tự.

• **Trường hợp 6: Trường hợp xuất sản phẩm biếu, tặng hoặc trả thay lương**

- Nếu việc biếu, tặng sản phẩm được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi hoặc để trả thay lương phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ:

+ Kế toán ghi doanh thu bán hàng nội bộ theo giá bán chưa có thuế, thuế GTGT đầu ra phải nộp không được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 353 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*Nếu để biểu, tặng=Tổng giá thanh toán*)
Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (*Nếu để trả thay lương=Tổng giá thanh toán*)
Có TK 511 - Doanh thu bán hàng nội bộ (*Ghi giá bán chưa có thuế*)
Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

+ Đồng thời ghi giá vốn:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán
Có TK 155,156 - Thành phẩm, hàng hóa (*Ghi giá xuất kho*)
Đồng thời ghi giá vốn:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán
Có TK 155,156 - Thành phẩm, hàng hóa (*Ghi giá xuất kho*)

Trường hợp 7: Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ xuất bán cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp.

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ xuất bán cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp.

7.1. Trường hợp không ghi nhận doanh thu giữa các khâu trong nội bộ doanh nghiệp, chỉ ghi nhận doanh thu khi thực bán hàng ra bên ngoài:

a) Kế toán tại đơn vị bán

- Khi xuất sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đến các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp, kế toán lập Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ hoặc hóa đơn GTGT, ghi:

Nợ TK 136 - Phải thu nội bộ (giá vốn)

Có các TK 155, 156

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

- Khi nhận được thông báo từ đơn vị mua là sản phẩm, hàng hóa đã được tiêu thụ ra bên ngoài, đơn vị bán ghi nhận doanh thu, giá vốn:

+ Phản ánh giá vốn hàng bán, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có 136 - Phải thu nội bộ.

+ Phản ánh doanh thu, ghi:

Nợ TK 136 - Phải thu nội bộ

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

b) Kế toán tại đơn vị mua

- Khi nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ do đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp chuyển đến, kế toán căn cứ vào các chứng từ có liên quan, ghi:

Nợ các TK 155, 156 (giá vốn)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 336 - Phải trả nội bộ.

- Khi bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ ra bên ngoài, kế toán ghi nhận doanh thu, giá vốn như giao dịch bán hàng thông thường.

- Trường hợp đơn vị hạch toán phụ thuộc không được phân cấp hạch toán đến kết quả kinh doanh sau thuế, kế toán phải kết chuyển doanh thu, giá vốn cho đơn vị cấp trên:

+ Kết chuyển giá vốn, ghi:

Nợ TK 336 - Phải trả nội bộ

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

+ Kết chuyển doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 336 - Phải trả nội bộ.

7.2. Trường hợp doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp, ghi:

Nợ các TK 136 - Phải thu nội bộ

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (chi tiết giao dịch bán hàng nội bộ)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

- Ghi nhận giá vốn hàng bán như giao dịch bán hàng thông thường.

Trường hợp 8: Hàng bán có phát sinh các khoản giảm doanh thu (chiết khấu thương mại, doanh thu của hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán)

- Trong kỳ, khi phát sinh các khoản giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có các TK 111, 112, 131 (Tổng giá thanh toán)

Đối với hàng bán bị trả lại, khi nhận lại sản phẩm đã bán trả lại, kế toán ghi:

Nợ TK 155 - Thành phẩm (Nếu đã nhập kho)

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán (Nếu chưa nhập kho)

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán (Giá vốn của hàng bán bị trả lại)

Và các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại nếu có, ghi:

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Có TK 111, 112, ... (Số tiền đã thanh toán)

- Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại, doanh thu của hàng bán bị trả lại và số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5112)

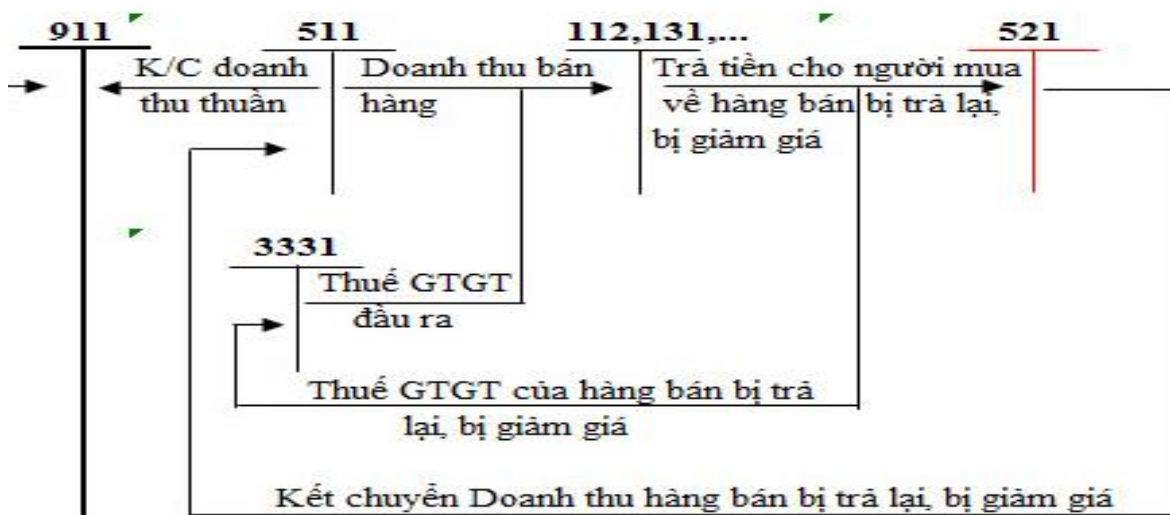
Có TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

□ Lưu ý: Chiết khấu thanh toán bên bán là một khoản chi phí tài chính, nên được hạch toán như sau:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có các TK 111, 112, 131

Sơ đồ 7: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN GIẢM DOANH THU



Ví dụ 7:

1. Bán trực tiếp cho khách hàng M9a một số sản phẩm theo giá bán: 100.000, thuế GTGT: 10.000, giá thanh toán: 110.000, tiền hàng chưa thu. Chiết khấu

- Phản ánh doanh thu

1a. Nợ TK 131(M9a): 110.000

Có TK 511: 100.000

Có TK 3331: 10.000

thanh toán quy định 1% trên giá thanh toán. Giá xuất kho sản phẩm: 80.000.

Sau đó nhận giấy báo Có Ngân hàng: thu nợ tiền bán hàng của khách hàng M9a: 108.900 có trừ phần chiết khấu được hưởng vì thanh toán trong thời gian quy định.

2. Bán trực tiếp cho khách hàng M9b một số sản phẩm theo giá bán kể cả thuế GTGT 10% là 220.000. Chiết khấu thương mại quy định 2% trên giá thanh toán, tiền hàng chưa thu.

Giá xuất kho sản phẩm: 160.000

- *Phản ánh giá vốn*

1b. Nợ TK 632: 80.000

Có TK 155: 80.000

- *Thu tiền và phản ánh chiết khấu*

1c. Nợ TK 112: 108.900

Nợ TK 635 1.100 (*Chiết khấu*)

Có TK 131(M9a): 110.000

- *Phản ánh doanh thu và CK thương mại*

2a. Nợ TK 131(M9b): 220.000

Có TK 511: 200.000

Có TK 3331: 20.000

2b. Nợ TK 521: 4.000

Nợ TK 3331: 400

Có TK 131(M9b) 4.400

- *Phản ánh giá vốn*

2c. Nợ TK 632: 160.000

Có TK 155: 160.000

* Trường hợp nếu đơn vị M9a trả đủ tiền hàng là 110.000, thì chiết khấu thanh toán được ghi:

- *Phản ánh tiền thu:*

c1/ Nợ TK 112: 110.000

Có TK 131(M9a): 110.000

- *Phản ánh chiết khấu phải trả:*

c2/ Nợ TK 635: 1.100

Có TK 131(M9a): 1.100

Ví dụ 8:

Doanh nghiệp X xuất 10 sản phẩm A bán trực tiếp cho khách hàng M10:

Giá bán : 10.000.000,

Thuế GTGT : 1.000.000,

Giá thanh toán: 11.000.000; tiền bán chưa thu.

Giá xuất kho : 8.000.000.

Sau đó, nhận được giấy báo của khách hàng M10: đề nghị giảm giá hàng vì có một số hàng kém chất lượng. Doanh nghiệp X đã đồng ý giảm giá 5% trên giá thanh toán.

- *Phản ánh doanh thu:*

10a1. Nợ TK 131(M10): 11.000.000

Có TK 511: 10.000.000

Có TK 3331: 1.000.000

- *Phản ánh giá vốn:*

10a2. Nợ TK 632: 8.000.000

Có TK 155: 8.000.000

- *Phản ánh khoản giảm giá:*

10b. Nợ TK 521: 500.000

Nợ TK 3331: 50.000

Có TK 131(M10): 550.000

Ví dụ 9:

1. Doanh nghiệp X xuất kho sản phẩm gửi bán cho khách hàng M₁₁:

- Giá bán chưa thuế: 10 sp x 50.000 = 500.000

- Thuế suất thuế GTGT là 10%,

- Giá xuất kho : 10 sp x 40.000 = 400.000

Sau đó nhận giấy Báo có của ngân hàng về tiền hàng khách hàng M₁₁ chuyển trả: 550.000,

2. Doanh nghiệp X nhận được thông báo khách hàng M₁₁ khiếu nại về số hàng ở trên có 2 sản phẩm không đúng quy cách, chủng loại, đề nghị trả lại. Doanh nghiệp đồng ý nhận lại nhưng chưa chờ về

- *Phản ánh hàng gửi bán:*

11a/ Nợ TK 157: 400.000

Có TK 155: 400.000

- *Phản ánh doanh thu:*

11b1/ Nợ TK 112: 550.000

Có TK 3331: 50.000

Có TK 511: 500.000

- *Phản ánh giá vốn:*

11b2/ Nợ TK 632: 400.000

Có TK 157: 400.000

- *Phản ánh doanh thu hàng trả lại:*

nhập kho, tiền chưa thanh toán.

11c1/ Nợ TK 521:	100.000
Nợ TK 3331:	10.000
Có TK 131(M11):	110.000
- <i>Phản ánh giá vốn số hàng trả lại:</i>	
11c2/ Nợ TK 157:	80.000
Có TK 632:	80.000

Trường hợp 9 - Kế toán hoạt động gia công hàng hóa

a) Kế toán tại đơn vị giao hàng để gia công:

- Khi xuất kho giao hàng để gia công, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có các TK 152, 156.

- Ghi nhận chi phí gia công hàng hoá và thuế GTGT được khấu trừ:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331,...

- Khi nhận lại hàng gửi gia công chế biến hoàn thành nhập kho, ghi:

Nợ các TK 152, 156, 155

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

b) Kế toán tại đơn vị nhận hàng để gia công:

- Khi nhận hàng để gia công, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về toàn bộ giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

- Khi xác định doanh thu từ số tiền gia công thực tế được hưởng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, ...

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

Trường hợp 10- Kế toán bán hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu

Theo Luật thuế hiện hành các doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng như: Rượu, bia, thuốc lá... phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt; và để theo dõi tình hình thanh toán ngân sách về thuế, kế toán sử dụng Tài khoản 333 (3332).

Đối với những mặt hàng xuất khẩu thì doanh nghiệp phải nộp thuế xuất khẩu: Thuế xuất khẩu phải nộp được tính theo một tỷ lệ trên doanh thu bán hàng và được theo dõi trên Tài khoản 333 (3333).

(1) Kế toán bán hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt:

- Phản ánh doanh thu:

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 511 (*Ghi giá bán*)

- Khi tính số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp tính trên doanh thu bán hàng, ghi:

Nợ TK 511

Có TK 333 (3332) - Thuế tiêu thụ đặc biệt

- Khi nộp thuế cho Nhà nước căn cứ vào Phiếu chi, giấy Báo nợ của ngân hàng kèm theo Ủy nhiệm chi, kế toán ghi:

Nợ TK 333 (3332) - Thuế tiêu thụ đặc biệt

Có TK 111, 112, 311

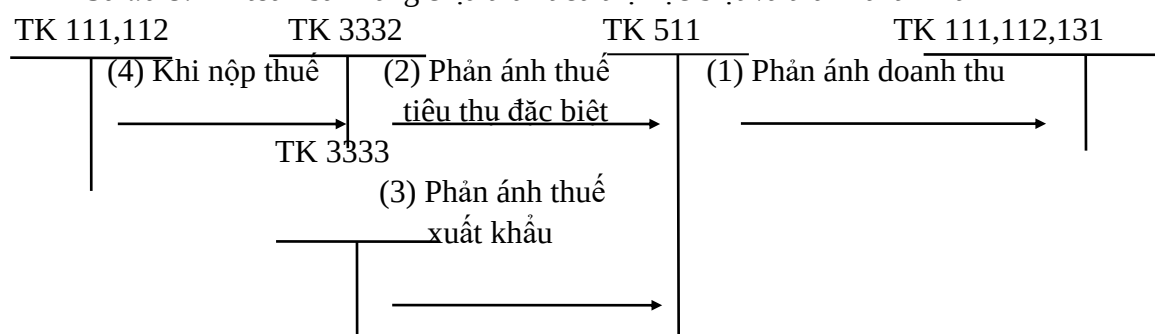
(2) Kế toán bán hàng chịu thuế xuất khẩu:

- Phản ánh doanh thu:

Nợ TK 111, 112, 131

- Có TK 511 (Ghi Giá bán)
- Số thuế xuất khẩu được hạch toán:
Nợ TK 511
- Có TK 333 (3333) - Thuế xuất khẩu
- Khi nộp thuế xuất khẩu cho hải quan cửa khẩu, kế toán ghi:
Nợ TK 333 (3333) - Thuế xuất khẩu
- Có TK 111, 112

Sơ đồ 8: Kế toán bán hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu



Trường hợp 11: Kế toán doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hoá đơn) do nhà thầu tự xác định tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5111).

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

- Khi nhận được tiền do khách hàng trả, hoặc nhận tiền khách hàng ứng trước:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì kế toán phải lập Hoá đơn GTGT trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào Hoá đơn GTGT, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, ...

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5111)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

- Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong hợp đồng:

Nợ các TK 111, 112, 131, ...

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5111)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

- Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (ví dụ: Sự chậm trễ do khách hàng gây nên; sai sót trong các chỉ tiêu kỹ thuật hoặc thiết kế và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, ...

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5111)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (nếu có).

- Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

• **Trường hợp 12. Kế toán doanh thu từ các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước cho doanh nghiệp**

- Khi nhận được thông báo của Nhà nước về trợ cấp, trợ giá, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3339)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5114).

- Khi nhận được tiền của Ngân sách Nhà nước thanh toán, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (3339).

Trường hợp 13. Kế toán bán, thanh lý bất động sản đầu tư

- Ghi nhận doanh thu bán bất động sản đầu tư

Nợ các TK 111, 112, 131, ... (tổng giá thanh toán)

Có TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Có TK 3331 - Thuế GTGT (33311 - Thuế GTGT đầu ra).

- Ghi nhận giá vốn bất động sản đầu tư, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá trị còn lại)

Nợ TK 214 - Hao mòn lũy kế (2147) (nếu có)

Có TK 217 - Bất động sản đầu tư (nguyên giá).

Trường hợp 14. Kế toán trả lương cho công nhân viên và người lao động khác bằng sản phẩm, hàng hoá và dùng để biếu tặng

Kế toán trả lương cho công nhân viên và người lao động khác bằng sản phẩm, hàng hoá phải ghi nhận doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa như đối với giao dịch bán hàng thông thường, ghi:

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

Tính giá vốn xuất kho

Nợ TK 641, 642, 632, ...

Có TK 156 Giá vốn hàng hóa, TP

Sử dụng sản phẩm, hàng hoá để biếu, tặng cho cán bộ công nhân viên được trang trải bằng quỹ khen thưởng, phúc lợi: Kế toán phải ghi nhận doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa như đối với giao dịch bán hàng thông thường, ghi:

Nợ TK 353 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

Trường hợp 15. Kế toán kết chuyển doanh thu xác định doanh thu thuần và xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ trừ vào doanh thu thực tế trong kỳ để xác định doanh thu thuần, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

2.1.3.2. Kế toán nghiệp vụ bán sản phẩm, hàng hóa đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Đối với các doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán các nghiệp vụ về bán hàng và thành phẩm chỉ khác với các doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong việc xác định giá vốn thành phẩm, dịch vụ hoàn thành nhập kho, xuất kho và bán hàng, còn việc phản ánh doanh thu và các khoản liên quan đến doanh thu (giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán trả lại, thuế GTGT...) hoàn toàn giống nhau.

- (1) Đầu kỳ kết chuyển giá trị thành phẩm tồn kho:

Nợ TK 632- Giá vốn hàng bán

Có TK 155, 156, 157

- (2) Cuối kỳ tiến hành xác định trị giá thành phẩm, hàng hóa dịch vụ hoàn thành trong kỳ:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 631 - Giá thành sản xuất, giá trị hàng mua

- (3) Giá trị thành phẩm, hàng hóa tồn kho cuối kỳ, giá trị sản phẩm, hàng hóa đã xuất bán nhưng chưa xác định là đã bán được phản ánh:

Nợ TK 155, 156, 157

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

- (4) Giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất kho được xác định là đã bán trong kỳ, ghi :

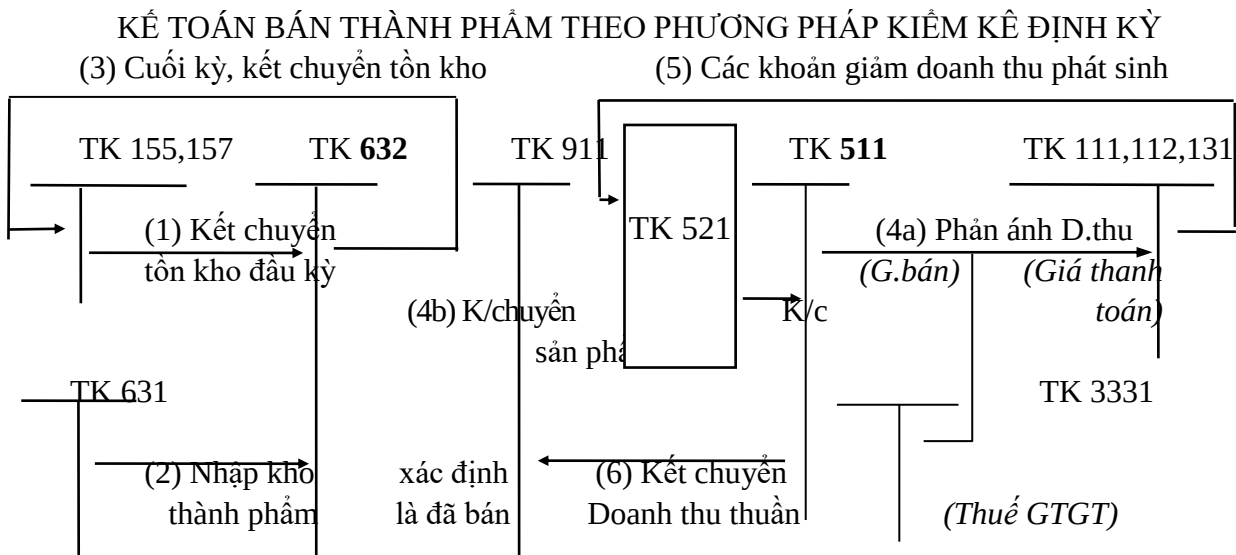
Nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

Giá trị TP, HH xuất kho được xác định là đã bán trong kỳ	=	Giá trị thành phẩm, HH tồn kho đầu kỳ	+	Giá trị thành phẩm, HH gửi bán chưa xác định là đã bán đầu kỳ	+	Giá trị thành phẩm, HH nhập kho trong kỳ	-	Giá trị thành phẩm, HH tồn kho cuối kỳ	-	Giá trị thành phẩm, HH gửi bán chưa xác định là đã bán cuối kỳ
--	---	--	---	--	---	--	---	---	---	---

- (5) Các bút toán phản ánh doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại hạch toán giống như ở phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 9:



Ví dụ 10:

Doanh nghiệp Y hạch toán hàng tồn kho theo *phương pháp kiểm kê định kỳ* có tài liệu kế toán về thành phẩm B như sau:

- Số dư đầu tháng 1/N: TK 155: 7.800.000 (Số lượng 75 sp B)
- Trong tháng nhập kho thành phẩm từ sản xuất: 150 sp B x 107.000 đ/sp
- Kiểm kê cuối kỳ:
 - Thành phẩm tồn kho: 45 sp
 - Thành phẩm gửi bán: 20 sp
- Tài liệu khác: Thành phẩm tồn kho tính theo phương pháp đơn giá bình quân.

Giải:

$$\begin{aligned}
 & \text{- Đơn giá bình quân} = \frac{7.800.000 + 16.050.000}{75 \text{ sp} + 150 \text{ sp}} = 106.000 \text{ đ/sp} \\
 & \text{thành phẩm B} \\
 & \text{- Giá trị thành phẩm gửi bán chưa} = 20 \text{ sp} \times 106.000 \text{ đ/sp} = 2.120.000 \text{ đ} \\
 & \text{xác định là đã bán cuối kỳ} \\
 & \text{- Giá vốn thành phẩm xuất bán} = 7.800.000 + 16.050.000 - 4.770.000 - 2.120.000 \\
 & \text{được xác định là đã bán trong kỳ} = 16.960.000 \text{ đ}
 \end{aligned}$$

Định khoản:

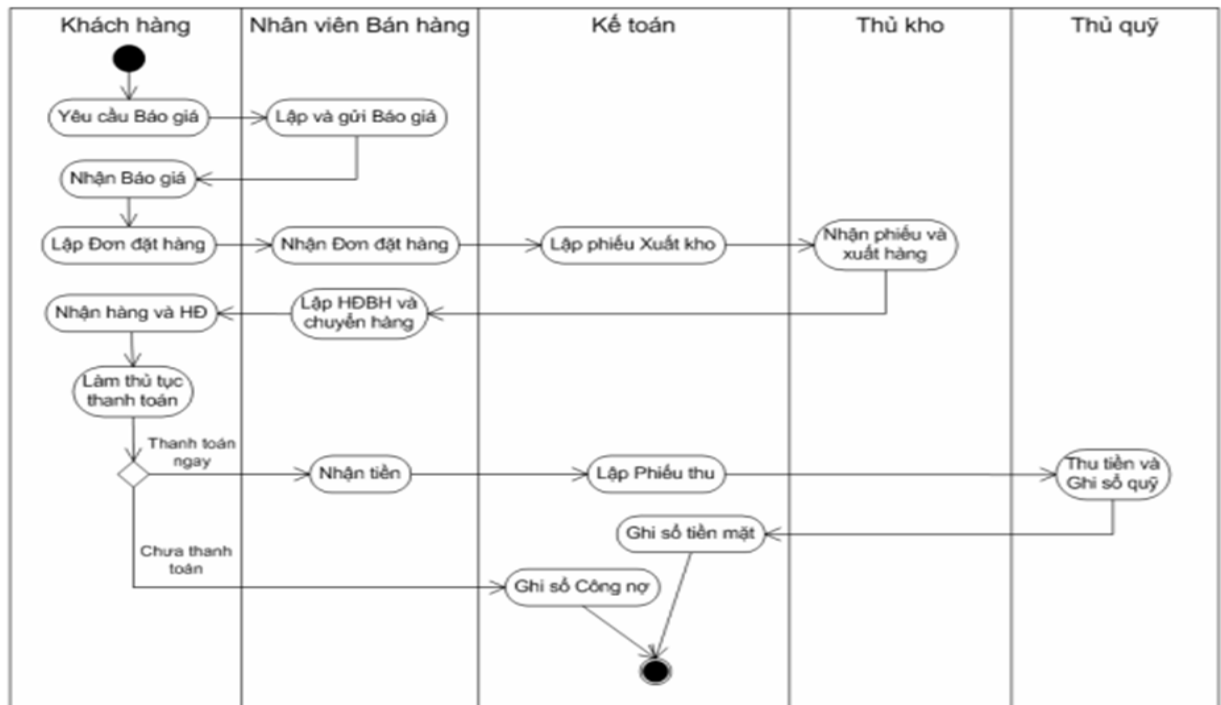
- Kết chuyển tồn kho thành phẩm đầu kỳ:		
1. Nợ TK 632		7.800.000
Có TK 155		7.800.000
- Nhập kho thành phẩm :		
2. Nợ TK 632		16.050.000
Có TK 631		16.050.000
- Kết chuyển tồn kho thành phẩm cuối kỳ:		
3. Nợ TK 155		4.770.000
Có TK 632		4.770.000

- Kết chuyển hàng gửi bán cuối kỳ:		
4. Nợ TK 157		2.120.000
Có TK 632		2.120.000
- Kết chuyển giá vốn thành phẩm xuất bán		
5. Nợ TK 911		16.960.000
Có TK 632		16.960.000

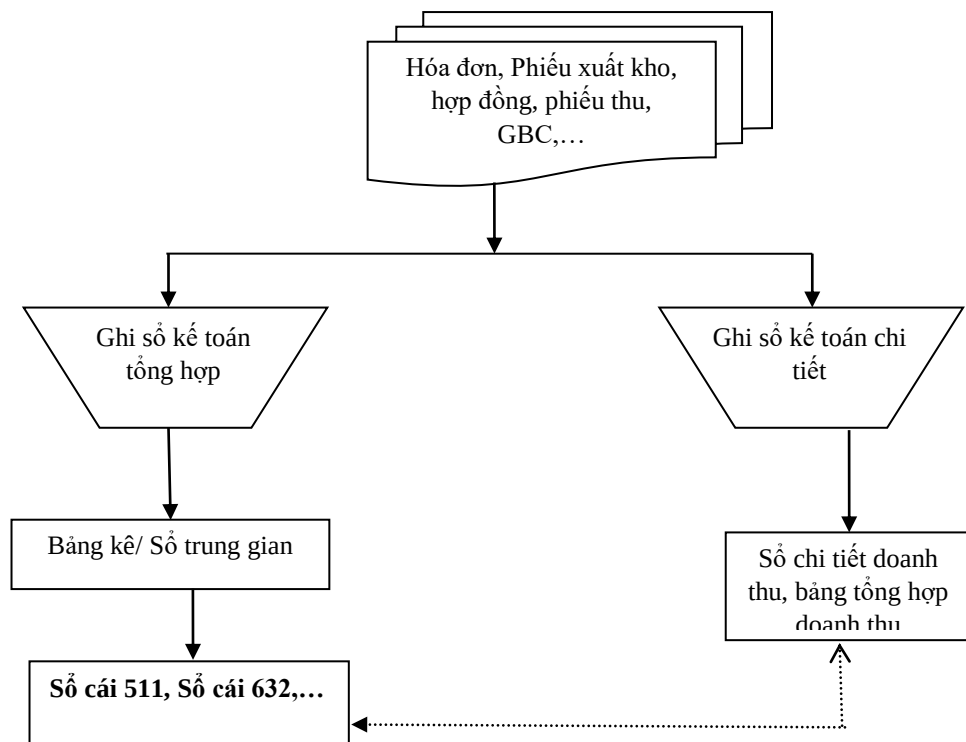
3.1.4. Ghi sổ kế toán

3.1.4.1. Quy trình ghi sổ kế toán

Lưu đồ quy trình hoạt động bán sản phẩm, hàng hóa tại doanh nghiệp



Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu



3.1.4.2. Ghi sổ kế toán chi tiết

Tên sổ chi tiết : Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu số S35-DN)

Sổ này mở theo từng sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã bán hoặc đã cung cấp được khách hàng thanh toán tiền ngay hay chấp nhận thanh toán

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết bán hàng
Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....
Năm:.....
Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

+ Căn cứ và phương pháp ghi sổ

- Cột A: Ghi ngày tháng kế toán ghi sổ.
- Cột B, C: Ghi số hiệu, ngày tháng của chứng từ dùng để ghi sổ.
- Cột D: Ghi nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng.
- Cột 1, 2, 3: Ghi số lượng, đơn giá và số tiền của khối lượng hàng hoá (sản phẩm, bất động sản đầu tư, dịch vụ) đã bán hoặc đã cung cấp.
- Cột 4: Ghi số thuế giá trị gia tăng (Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường) phải nộp tính trên doanh số bán của số hàng hoá (sản phẩm, dịch vụ, BĐS đầu tư) đã bán hoặc đã cung cấp.
- Cột 5: Ghi số phải giảm trừ vào doanh thu (nếu có) như: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán,...

Sau khi cộng “Số phát sinh”, tính Chỉ tiêu “Doanh thu thuần” ghi vào cột 3. Cột 3 = Cột 3 trừ (-) Cột 4 và Cột 5. Chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán”: Ghi số giá vốn của hàng hoá (sản phẩm, bất động sản đầu tư, dịch vụ) đã bán.

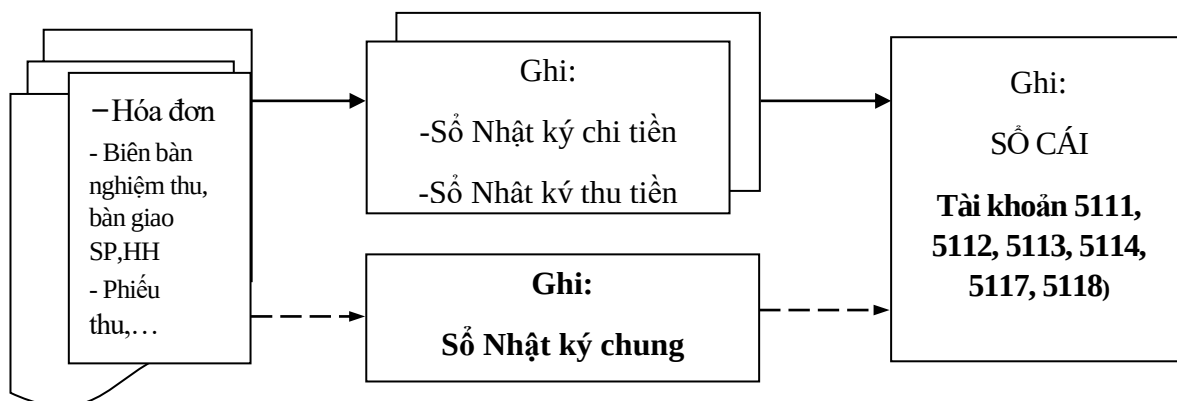
Chỉ tiêu “Lãi gộp” bằng (=) chỉ tiêu “Doanh thu thuần” trừ (-) chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán”.

Hướng dẫn thực hành ghi sổ kế toán chi tiết: Chỉ dẫn trực tiếp cho sinh viên

3.1.4.2. Ghi sổ kế toán tổng hợp

Trong bài học này, minh họa cách lập sổ tổng hợp theo hình thức ghi sổ **Nhật ký chung**, theo đó sổ tổng hợp gồm : Sổ **Nhật ký chung** và Sổ **cái** theo hình thức **Nhật ký chung**

Quy trình kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo Hình thức kế toán Nhật ký chung



Hướng dẫn minh họa thực hành ghi sổ kế toán tổng hợp : (Thực hành yêu cầu 2 của nghiệp vụ 1 đến nghiệp vụ 7)

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT

Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hải Châu, Đà Nẵng

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2020**

Đơn vị tính: Việt nam Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cá i	ST T dò ng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
05/09	003343	05/09	Bán hàng chưa thu tiền	X	15	131	62.500.000	
05/09	003343	05/09	Bán hàng chưa thu tiền	X	16	5111		62.500.000
05/09	003343	05/09	Thuế GTGT đầu ra	X	17	131	6.250.000	
05/09	003343	05/09	Thuế GTGT đầu ra	X	18	3331		6.250.000
05/09	PX043	05/09	Xuất kho tính giá vốn HĐ3343	X	19	632	48.000.000	
05/09	PX043	05/09	Xuất kho tính giá vốn HĐ3343	X	20	1561		48.000.000
06/09	003344	06/09	Doanh thu công trình	X	21	1121	213.000.000	

06/09	003344	06/09	Doanh thu công trình	X	22	5113		213.000.000
06/09	003344	06/09	Thuế GTGT đầu ra	X	23	1121	21.300.000	
06/09	003344	06/09	Thuế GTGT đầu ra	x	24	3331		21.300.000
06/09	PKT44	06/09	Tính giá vốn công trình hóa đơn 3344	X	25	632	185.000.000	
06/09	PKT44	06/09	Tính giá vốn công trình hóa đơn 3344	X	26	154		185.000.000
07/09	HĐ03345	07/09	Doanh thu máy tính	X	27	131	1.250.000.000	
07/09	HĐ03345	07/09	Doanh thu máy tính	X	28	5111		1.250.000.000
07/09	HĐ03345	07/09	Thuế GTGT đầu ra	X	29	131	125.000.000	
07/09	HĐ03345	07/09	Thuế GTGT đầu ra	X	30	3331		125.000.000
07/09	PX044	07/09	Xuất kho tính giá vốn HD3346- máy tính	X	31	632	1.000.000.000	
07/09	PX044	07/09	Xuất kho tính giá vốn HD3346- máy tính	X	32	1561		1.000.000.000
07/09	PX045	07/09	Xuất kho hàng tặng – chuột HĐ 3345	X	33	641	7.500.000	
07/09	PX045	07/09	Xuất kho hàng tặng – chuột HĐ 3345	X	34	156		7.500.000
15/09	HĐ3346	15/09	Chiết khấu thương mại	X	35	5211	15.000.000	
15/09	HĐ3346	15/09	Chiết khấu thương mại	X	36	131		15.000.000
15/09	HĐ3346	15/09	Thuế GTGT đầu ra giảm	X	37	3331	1.500.000	
15/09	HĐ3346	15/09	Thuế GTGT đầu ra giảm	X	38	131		1.500.000
20/09	HĐ3347	20/09	Xuất hàng tặng	X	39	641	1.875.000	
20/09	HĐ3347	20/09	Xuất hàng tặng	X	40	156		1.875.000
20/09	HĐ3347	20/09	Thuế GTGT đầu ra	X	41	641	187.000	
20/09	HĐ3347	20/09	Thuế GTGT đầu ra	X	42	3331		187.000
25/09	HĐ4568	25/09	Nhận hàng trả lại	X	43	5212	25.000.000	

25/09	HĐ4568	25/09	Nhận hàng trả lại	X	44	131		25.000.000
25/09	HĐ4568	25/09	Thuế GTGT đầu ra giảm	X	45	3331	2.500.000	
25/09	HĐ4568	25/09	Thuế GTGT đầu ra giảm	X	46	131		2.500.000
25/09	PN0015	25/09	Nhận hàng trả lại	x	47	1561	20.000.000	
25/09	PN0015	25/09	Nhận hàng trả lại	x	48	632		20.000.000
....								
30/09	Pkt139	30/09	Kết chuyển khoản giảm trừ Dt xác định doanh thu thuần tháng 9	X	50	5111	15.000.000	
30/09	Pkt139	30/09	Kết chuyển khoản giảm trừ Dt xác định doanh thu thuần tháng 9	X	51	5211		15.000.000
30/09	Pkt139	30/09	Kết chuyển khoản giảm trừ Dt xác định doanh thu thuần tháng 9	X	52	5111	25.000.000	
30/09	Pkt139	30/09	Kết chuyển khoản giảm trừ Dt xác định doanh thu thuần tháng 9	X	53	5212		25.000.000
30/09	PKT140	30/09	Kết chuyển doanh thu thuần xác định KQKD tháng 9	x	54	5111	1.272.500.000	
30/09	PKT140	30/09	Kết chuyển doanh thu thuần xác định KQKD tháng 9	x	55	911		1.272.500.000
30/09	PKT140	30/09	Kết chuyển doanh thu thuần xác định KQKD tháng 9	x	56	5113	213.000.000	
30/09	PKT140	30/09	Kết chuyển doanh thu thuần xác định KQKD tháng 9	x	57	911		213.000.000
								
30/09	PKT150	30/09	Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định	x	60	911	1.213.000.000	

			KQKD tháng 9					
30/09	PKT150	30/09	Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định KQKD tháng 9	x	61	632		2.130.000.000
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x		

Giả sử đang viết trang số 04-05

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Căn cứ ghi Sổ Cái TK 511, Sổ cái chi tiết TK đối ứng khác là từ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hải Châu, Đà Nẵng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2020

Tên tài khoản : DOANH THU BÁN HÀNG HÓA

Số hiệu 5111

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	Nhật ký chung Trang sổ	NKC STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
							Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong tháng					
								

05/09	003343	05/09	Bán hàng chưa thu tiền	04	16	131		62.500.000
07/09	HĐ03345	07/09	Doanh thu máy tính	04	28	131		1.250.000.000
								
30/09	PKT139	30/09	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	05	50	5211	15.000.000	
30/09	PKT139	30/09	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	05	52	5212	25.000.000	
30/09	PKT140	30/09	Kết chuyển DT thuần xác định KQKD	05	54		1.272.500.000	
			- Cộng số phát sinh tháng				1.312.500.000	1.312.500.000
			- Số dư cuối tháng				X	X
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ: 01/01

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hải Châu, Đà Nẵng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2020
Tên tài khoản : DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ
Số hiệu 5113

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	Nhật ký chung Trang số	NKC STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
							Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong tháng					
								
06/09	003344	06/09	Doanh thu công trình	04	22	1121		213.000.000
								
30/09	PKT140	30/09	Kết chuyển DT xác định KQKD	05	54	911	213.000.000	
			- Cộng số phát sinh tháng				213.000.000	213.000.000
			- Số dư cuối tháng				x	x
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ: 01/01

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2. Kế toán giá vốn hàng bán

3.2.1. Chứng từ sử dụng

3.2.1.1. Liệt kê chứng từ

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Phiếu tính giá thành

3.2.1.2. Lập chứng từ

MINH HỌA : Căn cứ vào hóa đơn bán ra hàng hóa dịch vụ của công ty ở minh họa mục

3.1.1.2. Kế toán tính giá vốn hàng hóa và dịch vụ bán ra như sau :

Nghiệp vụ 1. Kế toán tính giá vốn lô hàng ngày 05/09/2020 Công ty bán lô hàng gồm 5 máy tính loại Dell hóa đơn GTGT số 0003343, đơn giá vốn bình quân theo phương pháp bình quân thời điểm của phương pháp kê khai thường xuyên : 9.600.000 đ/ cái. Tổng giá vốn xuất = $9.600.000 \times 5 = 48.000.000$ đ, kế toán đã lập phiếu xuất kho số PX0043 cùng ngày.

Nghiệp vụ 2. Ngày 6/09/2020 Quyết toán công trình xây dựng “Cải tạo văn phòng làm việc” của Công ty Cổ Phần Ý Lan, hóa đơn số 0003344 , kế toán tập hợp chi phí và kết chuyển sang TK 154 theo dõi chi phí dở dang công trình và đã thực hiện kết chuyển tính giá vốn công trình, chi tiết như sau :

- TK 621- Chi tiết công trình : “Cải tạo văn phòng làm việc”: 108.129.000 đ
- TK 622- Chi tiết công trình : “Cải tạo văn phòng làm việc”: 54.315.000 đ
- TK 623- Chi tiết công trình : “Cải tạo văn phòng làm việc”: 12.300.000 đ
- TK 627- Chi tiết công trình : “Cải tạo văn phòng làm việc”: 10.256.000 đ
- TK 154 - Chi tiết công trình : “Cải tạo văn phòng làm việc”: 185.000.000 đ, kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển giá vốn công trình số PKT044

Nghiệp vụ 3. Ngày 7/09/2020 Bán cho đại lý – Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành, hóa đơn số 0003345, giá vốn theo phiếu xuất kho PX0044, giá trị vốn = $10.000.000 \times 100 = 1.000.000.000$ đ.

Nghiệp vụ 6: Ngày 25/09/2020 Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành trả lại 02 máy tính Dell lô bán ngày 07/09 do lỗi kỹ thuật từ nhà máy. Công ty đã nhận lại 02 máy kèm hóa đơn trả lại hàng do công ty Văn Thành xuất HĐ GTGT số 4568 cùng ngày. Hàng đã nhận đủ, công ty sẽ bù trừ công nợ. Kế toán đã ghi giảm giá vốn, lập phiếu nhập kho PN0015, giá trị nhập = $10.000.000 \times 2 = 20.000.000$ đ.

Cuối tháng 09/2020 kế toán tính giá vốn trong tháng, kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh theo PKT150, Biết rằng tổng giá trị vốn hàng bán : 1.233.000.000 đ, giá trị vốn ghi giảm trong tháng do hàng bán bị trả lại = 20.000.000 đ. Do đó, số kết chuyển xác định kết quả kinh doanh : $1.233.000.000 \text{ đ} - 20.000.000 \text{ đ} = 1.213.000.000 \text{ đ}$.

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH : Lập phiếu kế toán tính giá vốn công trình, phiếu kế toán kết chuyển giá vốn tháng 9 sang TK 911 theo hướng dẫn của giáo viên.

SẢN PHẨM THỰC HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP DPT
74 Trương Chí Cương, P. Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo TT200/2014-QĐ-BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

LIÊN: 3
Ngày 05 Tháng 09 Năm 2020

Số : PX0043
NỢ TK 632 48.000.000
CÓ TK 1561: 48.000.000

Họ Và Tên : Công ty TNHH MTV Xuân Thủy
Đơn Vị : Công ty TNHH MTV Xuân Thủy
Địa Chỉ : Số 33 Lê Hữu Trác, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, ĐN
Theo Chứng từ , hoá đơn GTGT số : 3343
Xuất tại kho: Kho Công ty
Ngày : 05/09/2020
MST: 401521888
Lý Do : Bán hàng

STT	TÊN VẬT TƯ, HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TRỊ GIÁ
1	Máy tính dell		5,00	9.600.000	48.000.000
	CỘNG				48.000.000

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi tám triệu đồng.

Người lập phiếu Người nhận hàng Kế toán Giám đốc

Trần Thị Ánh Nguyệt

Trần Thị Ánh Nguyệt

NGUYỄN ĐÌNH DUY

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP DPT
74 Trương Chí Cương, P. Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo TT200/2014-QĐ-BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

LIÊN: 3
Ngày 07 Tháng 09 Năm 2020

Số : PX0044
NỢ TK 632 1.000.000.000
CÓ TK 1561: 1.000.000.000

Họ Và Tên : Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành
Đơn Vị : Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành
Địa Chỉ : 42 Trần Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam
Theo Chứng từ , hoá đơn GTGT số : 3345
Xuất tại kho: Kho Công ty
Ngày : 07/09/2020
MST: 4000256689
Lý Do : Bán hàng

STT	TÊN VẬT TƯ, HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TRỊ GIÁ	GHI CHÚ tt dòng
1	Máy tính dell		100,00	10.000.000	1.000.000.000	
	CỘNG				1.000.000.000	

Số tiền bằng chữ: Một tỷ đồng.

Người lập phiếu Người nhận hàng Kế toán Giám đốc

Trần Thị Ánh Nguyệt

Trần Thị Ánh Nguyệt

NGUYỄN ĐÌNH DUY

PHIẾU KẾ TOÁN

Liên 1
Ngày 30 tháng 09 năm 2020

Số : PKT045

Định khoản:
Nợ 632 181.871.000
Có 154 181.871.000

Nội dung nghiệp vụ: Tính giá vốn công trình " Cải tạo văn phòng làm việc"
Số tiền 181.871.000 đồng
Viết bằng chữ: Một trăm tám mươi một triệu tám trăm bảy mươi một ngàn đồng.
Kèm theo chứng từ gốc

Đà Nẵng, ngày 30 Tháng 09 Năm 2020

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

NGUYỄN ĐÌNH DUY

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP DPT
74 Trương Chí Cương, P. Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Mẫu số 01 - VT
(Ban hành theo TT200/2014-QĐ-BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

LIÊN: 3
Ngày 05 Tháng 09 Năm 2020

Số : PN0015
NỢ TK 1561: 20.000.000
CÓ TK 632: 20.000.000

Họ Và Tên : Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành
Đơn Vị : Công ty TNHH Thương mại máy tính Văn Thành
Địa Chỉ : 42 Trần Phú, Tam Kỳ, Quảng Nam
Theo Chứng từ , hoá đơn GTGT số : 4568
Nhập tại kho Kho Công ty

MST: 4000256689

Ngày : 25/09/2020

Lý Do : Hàng hóa nhập kho do trả lại chất lượng kém theo HĐ4568

STT	TÊN VẬT TƯ, HÀNG HÓA	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TRỊ GIÁ
1	Máy tính dell		2,00	10.000.000	20.000.000
	CỘNG				20.000.000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu đồng.

Người lập phiếu

Người giao hàng

Kế toán

Giám đốc

Trần Thị Ánh Nguyệt

Trần Thị Ánh Nguyệt

NGUYỄN ĐÌNH DUY

PHIẾU KẾ TOÁN

Liên 1
Ngày 30 tháng 09 năm 2020

Số : PKT050

Định khoản:

Nợ	632	3.129.600.000
Có	154	3.129.600.000

Nội dung nghiệp vụ: Kết chuyển giá vốn tháng 9/2020
Số tiền 3.129.600.000 đồng
Viết bằng chữ: Ba tỷ một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng.
Kèm theo chứng từ gốc

Đà Nẵng, ngày 30 Tháng 09 Năm 2020

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

NGUYỄN BÌNH DUY

3.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán trong kỳ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

<i>Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:</i> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ; - Chi phí NVL, và chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán; - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần tiền bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Khoản chênh lệch phải lập dự phòng năm nay lớn hơn năm trước	- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Khoản chênh lệch phải lập năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước) - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ hoàn thành đã bán trong kỳ sang bên Nợ TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh";
Tài khoản 632 cuối kỳ không có số dư	

3.2.3. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

(1) Phản ánh giá vốn hàng xuất bán được xác định là đã bán, ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 155 – *Giá thành thực tế sản phẩm xuất bán trực tiếp*

Có TK 154 – *Giá thành thực tế sản phẩm xuất xưởng bán trực tiếp*

Có TK 157 – *Hàng gửi bán, hàng giao đại lý đã xác định là đã bán*

(2) Phản ánh các khoản chi phí được hạch toán trực tiếp vào giá vốn xuất bán:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định vượt trên mức bình thường (do mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường) không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà được ghi nhận vào giá vốn trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 (*Chi tiết chi phí không phân bổ vào chi phí sản xuất*)

Có TK 154, 631; hoặc

Có TK 621, 622, 627

- Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho: Căn cứ vào Biên bản xử lý về hàng tồn kho hao hụt, mất mát, ghi:

Nợ TK 111, 334, 1388, ... (*Phản tổ chức, cá nhân phải bồi thường*)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (*Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho, sau khi trừ (-) phần bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra được phản ánh vào giá vốn hàng bán*)

Có TK 138 (1381) - Tài sản thiếu chờ xử lý.

Có TK 152, 153, 156... (*Giá trị tài sản thiếu được xử lý ngay*)

- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt quá mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 2411- Xây dựng cơ bản dở dang (*Nếu tự xây dựng*)

Có TK 154 - Chi phí SXKD dở dang (*Nếu tự chế*).

(3) Hạch toán khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (31/12) (Do lập dự phòng năm nay lớn, hoặc nhỏ hơn khoản dự phòng đã năm trước chưa sử dụng hết):

Cuối năm tài chính, doanh nghiệp căn cứ vào tình hình giảm giá hàng tồn kho ở thời điểm 31/12 tính toán khoản phải lập dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho so sánh với số đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm trước chưa sử dụng hết để xác định số chênh lệch phải lập thêm, hoặc giảm đi (nếu có):

- Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ kế toán năm trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (*Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho*)

Có TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ kế toán năm trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (*Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho*).

(4) Các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:

- Định kỳ tính, trích khấu hao bất động sản đầu tư đang nắm giữ chờ tăng giá, đang cho thuê hoạt động, ghi:

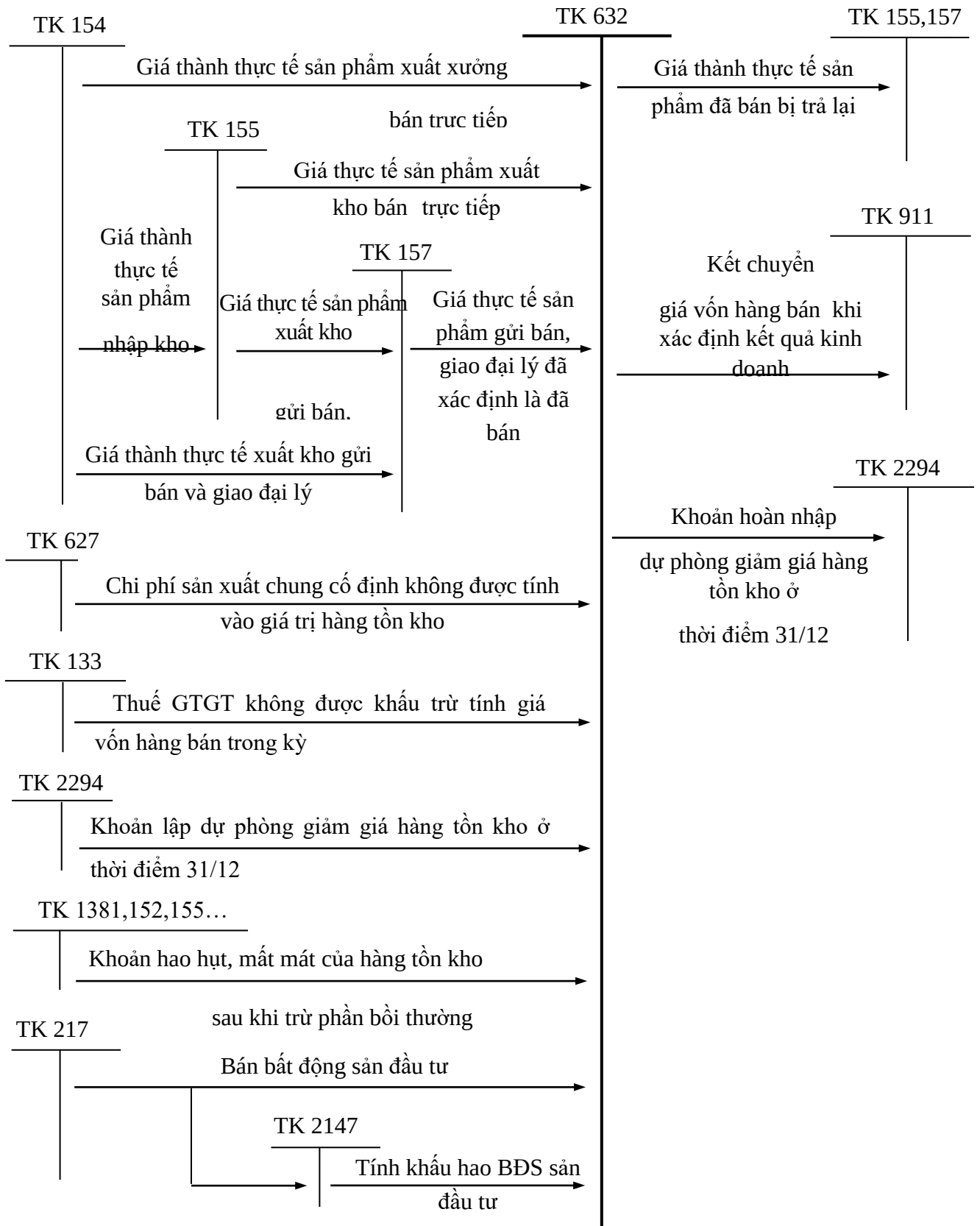
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (*Chi tiết chi phí kinh doanh BĐS đầu tư*)

Có TK 2147 - Hao mòn bất động sản đầu tư.

- Khi chi phí phát sinh liên quan đến BĐS đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu nếu không thỏa mãn điều kiện ghi tăng giá trị BĐS đầu tư, ghi:
 - Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (*Chi tiết chi phí kinh doanh BĐS đầu tư*) (Nếu ghi ngay vào chi phí)
 - Nợ TK 242 - Chi phí trả trước (Nếu phải phân bổ dần)
 - Có các TK 111, 112, 152, 153, 334,...
- Các chi phí phát sinh liên quan đến cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư, (Nếu chi phí phát sinh không lớn), ghi:
 - Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (*Chi tiết chi phí kinh doanh BĐS đầu tư*)
 - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Nếu có)
 - Có các TK 111, 112, 331, 334,...
- Kế toán giảm nguyên giá và giá trị hao mòn của BĐS đầu tư đã bán, thanh lý, ghi:
 - Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (*2147- Hao mòn BĐS đầu tư*)
 - Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (*Giá trị còn lại của BĐS đầu tư*)
 - Có TK 217 - BĐS đầu tư (*Nguyên giá của BĐS đầu tư*)
- Các chi phí bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh, ghi:
 - Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (*Chi tiết chi phí kinh doanh BĐS đầu tư*)
 - Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Nếu có)
 - Có các TK 111, 112, 331,...
- (5) Hàng bán bị trả lại nhập kho, ghi:
 - Nợ TK 157- Hàng gửi đi bán (*Nếu chưa chở về nhập kho*)
 - Nợ TK 155, 156: (*Nếu đã chở về nhập kho*)
 - Có TK 632 - Giá vốn hàng bán
- (6) Kết chuyển giá vốn hàng bán của các sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, dịch vụ được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.
 - Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
 - Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

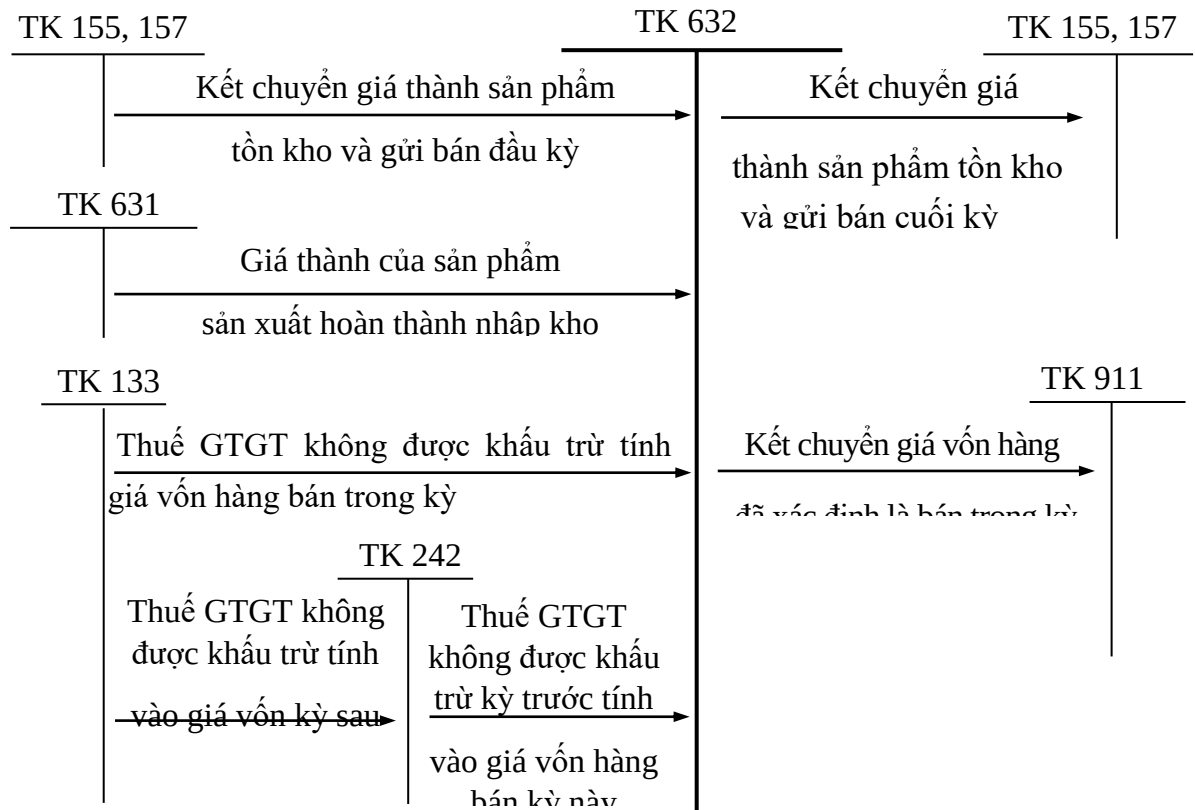
Sơ đồ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

(Phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN

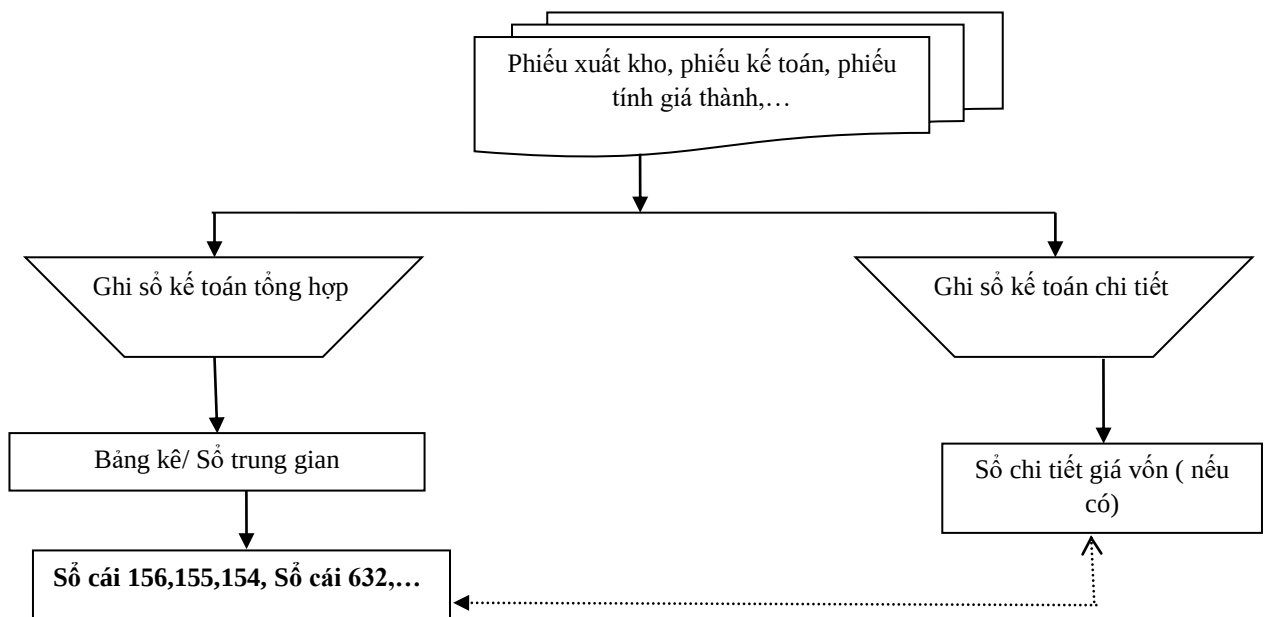
(Phương pháp kiểm kê định kỳ)



3.2.4. Ghi sổ kế toán

3.2.4.1. Quy trình ghi sổ kế toán

Quy trình ghi sổ kế toán giá vốn



Hướng dẫn minh họa thực hành ghi sổ kế toán tổng hợp : (đã lên nhật ký chung được trình bày mục kế toán bán hàng)

Căn cứ ghi Sổ Cái TK 632, Sổ cái chi tiết TK đối ứng khác là từ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT

Mẫu số S03b-DN

Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hải Châu, Đà Nẵng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2020
Tên tài khoản : GIÁ VỐN HÀNG BÁN
Số hiệu 632

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	Nhật ký chung Trang sổ	NKC STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
							Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong tháng					
								
05/09	PX043	05/09	Xuất kho tính giá vốn HĐ3343	04	19	1561	48.000.000	
06/09	PKT44	06/09	Tính giá vốn công trình hóa đơn 3344	04	25	154	185.000.000	
07/09	PX044	07/09	Xuất kho tính giá vốn HD3346-máy tính	04	31	1561	1.000.000.000	
25/09	PN0015	25/09	Nhận hàng trả lại	04	48	1561		20.000.000
								
30/09	PKT150	30/09	Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định KQKD tháng 9	05	61	911		1.213.000.000
			- Cộng số phát				1.233.000.000	1.233.000.000

			sinh tháng					
			- Số dư cuối tháng				X	X
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ: 01/01

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

4.1. Khái niệm các khoản giảm trừ doanh thu

Điều chỉnh giảm doanh thu bao gồm: Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh

Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Bên bán hàng thực hiện kế toán chiết khấu thương mại theo những nguyên tắc sau:

- Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

- Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các trường hợp như:

+ Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng;

+ Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Bên bán hàng thực hiện kế toán giảm giá hàng bán theo những nguyên tắc sau:

- Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (doanh thu thuần).

- Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng (đã ghi nhận doanh thu) và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Hàng bán bị trả lại: phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

4.2. Chứng từ sử dụng

4.2.1. Liệt kê chứng từ

- Thông báo chương trình chiết khấu thương mại
- Hợp đồng nguyên tắc/ Phụ lục hợp đồng
- Biên bản xác nhận chương trình chiết khấu thương mại, giảm giá,...
- Biên bản xác nhận hàng trả lại
- Hóa đơn GTGT/ bán hàng chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại, phiếu xuất kho,....
- Chứng từ thanh toán : Phiếu thu, ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ,...

4.2.2. Lập chứng từ : Được lập, hướng dẫn thực hành mục 3.1

Nghiệp vụ 6.

cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ báo cáo.

khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán	- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
--	--

(Tài khoản không có số dư cuối kỳ)

Tài khoản 521- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 - Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213 - Giảm giá hàng bán

4.4. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

a) Kế toán phản ánh số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán thực tế phát sinh trong kỳ, ghi:

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã bán phải giảm giá, chiết khấu thương mại cho người mua thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, và doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5213)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (thuế GTGT đầu ra được giảm)

Có các TK 111,112,131,...

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã bán phải giảm giá, chiết khấu thương mại cho người mua không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì khoản giảm giá hàng bán cho người mua, ghi:

Nợ TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5213)

Có các TK 111, 112, 131,...

b) Kế toán hàng bán bị trả lại

- Khi doanh nghiệp nhận lại sản phẩm, hàng hóa bị trả lại, kế toán phản ánh giá vốn của hàng bán bị trả lại:

+ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

+ Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (đối với hàng hóa)

Nợ TK 631 - Giá thành sản xuất (đối với sản phẩm)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- Thanh toán với người mua hàng về số tiền của hàng bán bị trả lại:

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 5212 - Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 3331- Thuế GTGT phải nộp (33311) (thuế GTGT hàng bị trả lại)

Có các TK 111, 112, 131,...

+ Đối với sản phẩm, hàng hóa không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, số tiền thanh toán với người mua về hàng bán bị trả lại, ghi:

Nợ TK 5212 - Hàng bán bị trả lại

Có các TK 111, 112, 131,...

- Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại (nếu có), ghi:

Nợ TK 641 - Chi phí bán hàng

Có các TK 111, 112, 141, 334,...

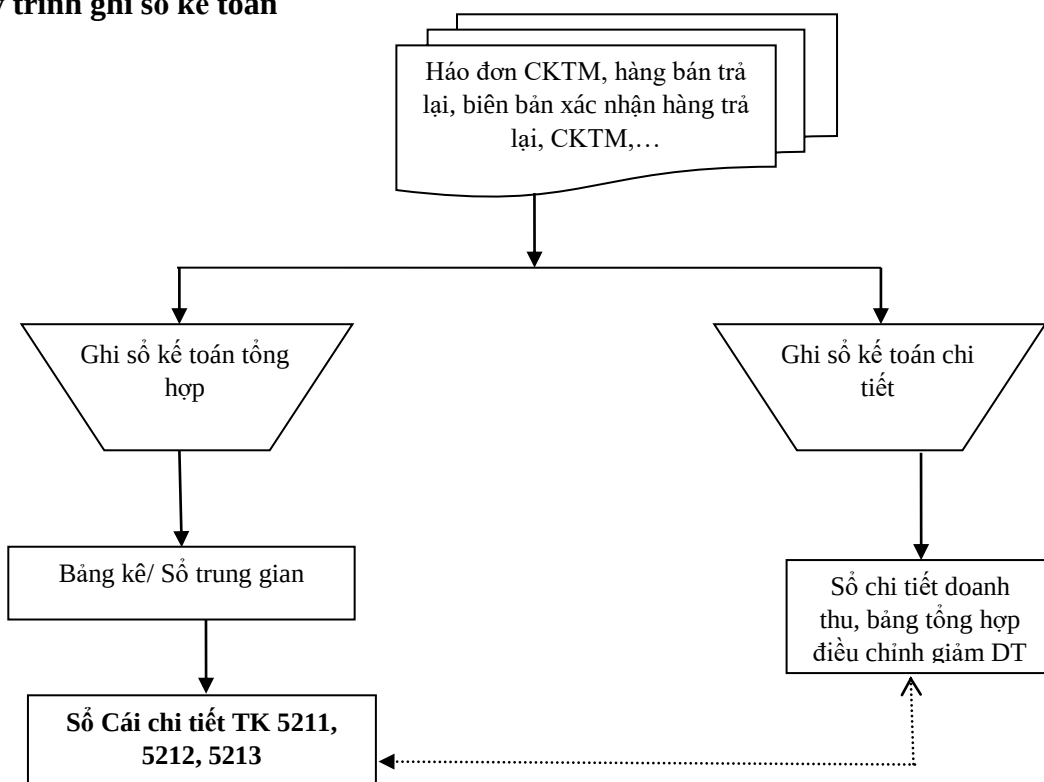
c) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển tổng số giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu.

4.5. Ghi sổ kế toán

4.5.1. Quy trình ghi sổ kế toán



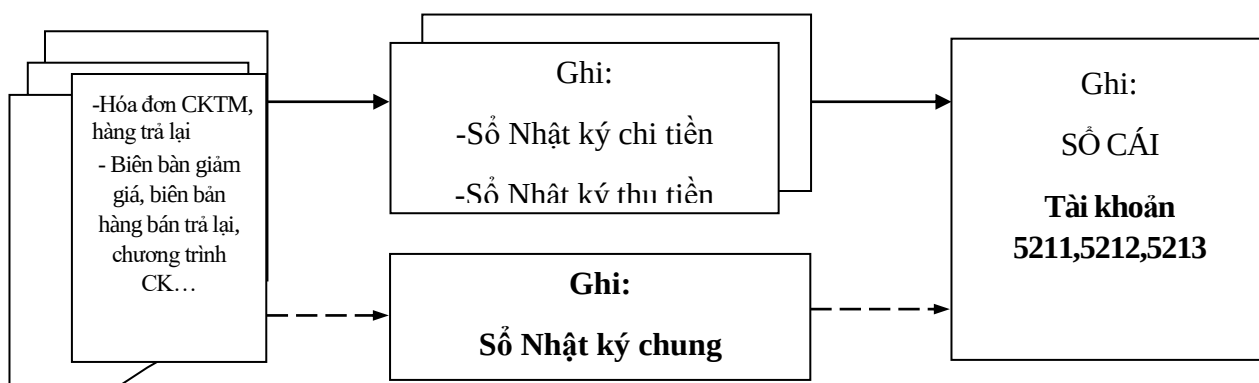
4.5.2. Ghi sổ kế toán chi tiết

Sổ chi tiết bán hàng theo mẫu S35 – tương tự sổ chi tiết bán hàng

4.5.3. Ghi sổ kế toán tổng hợp

Quy trình kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu theo Hình thức kế toán

Nhật ký chung



Thực hành ghi sổ kế toán tổng hợp

Từ nhật ký chung, ghi sổ Cái tk 5211, 5212 như sau :

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT
Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hải Châu,
 Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2020
Tên tài khoản CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI
Số hiệu 5211

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	Trang số	NKC STT dòng	TK đối ứng	Số tiền	
							Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong tháng					
15/09	HĐ3346	15/09	Chiết khấu thương mại	04	35	131	15.000.000	
30/09	Pkt139	30/09	Kết chuyển khoản giảm trừ Dt xác định doanh thu thuần tháng 9	05	51	5111		15.000.000
								
			- Cộng số phát sinh tháng				15.000.000	15.000.000
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ: 01/01

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Tổng Hợp DPT
Địa chỉ: 74 Trương Chí Cương, Hải Châu,
Đà Nẵng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2020
Tên tài khoản HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	Trang sổ	NKC STT dòng	Số hiệu TK	Số tiền	
							Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong tháng					
25/09	HD4568	25/09	Nhận hàng trả lại	X	43	131	25.000.000	
30/09	Pkt139	30/09	Kết chuyển khoản giảm trừ Dt xác định doanh thu thuần tháng 9	X	53	5111		25.000.000
								
			- Cộng số phát sinh tháng				25.000.000	25.000.000
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
 - Ngày mở sổ: 01/01

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

4.6. Đối chiếu, kiểm tra số liệu và phát hiện sai sót trong công tác kế toán bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

Những sai sót thường gặp trong kế toán bán hàng: Gồm sai sót khâu viết hóa đơn và trong quản trị doanh thu.

Đối với sai sót trong quá trình viết hóa đơn:

Khi lập hoá đơn do sơ suất nên kế toán sẽ có thể gặp một số sai sót. Như: ghi sai thông tin người mua (ví dụ: Tên công ty, địa chỉ, mã số thuế...), ghi nhầm tên, quy cách, đơn vị tính của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ; Ghi sai số lượng, đơn giá, thuế suất, số tiền..... xử lý như sau:

1. Trường hợp lập hóa đơn chưa giao cho người mua, nếu phát hiện hóa đơn lập sai, người bán gạch chéo các liên và lưu giữ số hóa đơn lập sai.

2. Trường hợp hóa đơn đã lập và giao cho người mua nhưng chưa giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ hoặc hóa đơn đã lập và giao cho người mua, người bán và người mua chưa kê khai thuế nếu phát hiện sai phải hủy bỏ, người bán và người mua lập biên bản thu hồi các liên của số hóa đơn đã lập sai. Biên bản thu hồi hóa đơn phải thể hiện được lý do thu hồi hóa đơn. Người bán gạch chéo các liên, lưu giữ số hóa đơn lập sai và lập lại hóa đơn mới theo quy định.

3. Trường hợp hóa đơn đã lập và giao cho người mua, đã giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ, người bán và người mua đã kê khai thuế, sau đó phát hiện sai sót thì người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót. Hóa đơn ghi rõ điều chỉnh (tăng, giảm) số lượng hàng hóa, giá bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng..., tiền thuế giá trị gia tăng cho hóa đơn số..., ký hiệu... Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, người bán và người mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. Hóa đơn điều chỉnh không được ghi số âm (-).

Cái sai sót, rủi ro tại khâu bán hàng: Nhận đặt hàng những hàng hóa hoặc dịch vụ mà DN không có sẵn hoặc không có khả năng cung cấp; Nhận và chấp nhận đặt hàng của những khách hàng không có khả năng thanh toán; Người không có nhiệm vụ lại nhận đặt hàng; Nhân viên không có thẩm quyền lại xuất hàng, gửi hàng; Xuất hàng khi chưa cho phép; Xuất không đúng số lượng hoặc loại hàng; Chuyển hàng không đúng địa điểm hoặc không đúng khách hàng; Không ghi hoặc ghi chậm số tiền khách hàng thanh toán; Ghi sai khách hàng thanh toán; Không nộp tiền thu được cho đơn vị. Để hạn chế và ngăn chặn những rủi ro trên, nhà quản lý cần thiết kế những thủ tục kiểm soát thích hợp.

Sai sót khâu ghi sổ bán hàng: Lập hóa đơn bán hàng, đồng thời ghi sổ nghiệp vụ: Hóa đơn bán hàng là chứng từ trên đó có đầy đủ thông tin về hàng hóa (mẫu mã, quy cách, số lượng...) và giá cả thanh toán. Tổng số tiền thanh toán sẽ bao gồm giá cả hàng hóa, chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các yếu tố khác theo luật thuế giá trị gia tăng. Hóa đơn sẽ được lập thành 3 liên, liên 2 giao cho khách hàng, các liên sau được lưu lại ghi sổ và theo dõi việc thu tiền. Hóa đơn bán hàng vừa là phương thức thể hiện cho khách hàng thấy rõ về số tiền và thời hạn thanh toán; vừa là căn cứ ghi sổ nhật ký bán hàng và theo dõi các khoản phải thu. Nhật ký bán hàng là sổ ghi cập nhật các thương vụ, nhật ký ghi rõ doanh thu gộp của nhiều mặt hàng và phân loại theo các khoản thích hợp.

Biện pháp kiểm soát: Việc bán chịu phải được phê chuẩn đúng đắn trước khi quá trình tiêu thụ xảy ra. Hàng hóa chỉ được gửi đi sau khi được phê duyệt với đầy đủ chứng từ. Giá bán được duyệt bao gồm cả chi phí vận chuyển, giảm giá, chiết khấu. Quá trình phê chuẩn giá nhằm đảm bảo giá trên hoá đơn là giá đã đề ra theo chính sách của công ty, tránh thất thu, kích thích tăng doanh thu và giải quyết hiệu quả các mối quan hệ lợi ích giữa các bên trong quan hệ mua bán.

Kiểm soát và ghi sổ các nghiệp vụ thu tiền: Vấn đề được quan tâm trong chức năng này là kiểm soát được các khoản phải thu tránh tình trạng gian lận xảy ra khi khoản phải thu được vào sổ hoặc sau đó. Cần xem xét và đảm bảo rằng, tất cả số tiền thu được đã vào nhật ký thu tiền, sổ quỹ và các sổ chi tiết. Tiền mặt thu được cần được gửi vào ngân hàng một lượng hợp lý.

Kiểm soát, xử lý các khoản giảm trừ doanh thu: Các khoản giảm trừ doanh thu xảy ra khi người mua không thoả mãn về hàng hoá nhận được và thường là do hàng gửi đi có khuyết tật sai với hợp đồng. Khi đó, người bán có thể nhận lại hàng hoặc giảm giá cho lô hàng đó trên cơ sở thoả thuận được với bên mua. Trong trường hợp này, phải lập bảng tổng ghi nhớ hoặc hoá đơn chứng minh cho việc ghi giảm các lô hàng trên đồng thời ghi chép đầy đủ và kịp thời vào nhật ký bán.

Kiểm soát trong quá trình bán hàng – thu tiền là để đảm bảo quá trình bán hàng hợp pháp, hợp lý các bước thực hiện không phù hợp với tiêu chuẩn kiểm tra sẽ được nhận biết và xử lý kịp thời: Các nghiệp vụ bán hàng được phê duyệt đúng đắn, được ghi sổ đầy đủ, được ghi đúng thời gian phát sinh; doanh thu ghi sổ được tính toán đúng và phản ánh chính xác.

5. Bài thực hành

Công ty **Xuân Trúc** là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh tế độc lập thực hiện chức năng sản xuất và kinh doanh hàng hóa.

Trụ sở chính đặt tại: 33 Lê Độ, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

Mã số thuế của công ty: **0400337801**

Số tài khoản ngân hàng 56110000253043, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh ĐN

Vốn đăng ký kinh doanh: 1.900.000.000 đ

Sử dụng Hóa đơn GTGT, kí hiệu mẫu Hóa đơn **01GTKT3/001**; kí hiệu Hóa đơn **VY/19P**, theo Báo cáo sử dụng Hóa đơn quý trước còn lại chuyển qua từ số 53171 đến số 53200

Giám đốc: Nguyễn Chiến, Kế toán trưởng: Hoàng Vy, Thủ kho: Trần Hiếu, Thủ quỹ: Lê Ngọc

+ Về tổ chức sản xuất kinh doanh:

– Một phân xưởng sản xuất 2 loại sản phẩm theo quy trình công nghệ sản xuất giản đơn gồm: **giày thể thao và giày sandal**.

– Một cửa hàng bán các sản phẩm khác nhau mua từ bên ngoài: **Xi măng, Vải, quần Jean**

– Một văn phòng làm việc, là nơi làm việc của các bộ phận quản lý sản xuất kinh doanh và quản lý hành chính.

+ Đặc điểm tổ chức công tác kế toán:

– Thực hiện Chế độ kế toán theo TT200/2014- QĐ/BTC

– Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

– Tính giá xuất kho thành phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền, tính giá xuất kho hàng hóa, vật liệu theo phương pháp nhập trước xuất trước

– Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng kinh doanh có mức thuế suất 10%

– Trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

– Phương pháp tính giá thành: phương pháp trực tiếp

– Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

– Chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng loại sản phẩm theo tiền lương công nhân sản xuất

- Chi phí mua hàng tính cho hàng bán ra theo trị giá vốn hàng bán

A. Số dư các tài khoản vào đầu kỳ năm N như sau (ĐVT: đồng)

– TK 111 (1111)	:	30.000.000đ	
– TK 112 (1121)	:	900.000.000đ	
– TK 131	:	50.000.000đ	
Trong đó :			
+ Công ty Xuân Hoa	:	35.000.000đ	
+ Công ty Duy Mỹ	:	15.000.000đ	
– TK 155	:	40.000.000đ	
Trong đó :			
+ Giày thể thao	:	25.000.000đ	(2.500 đôi)
+ Giày Sandal	:	15.000.000đ	(1.000 đôi)
– TK 156	:	300.000.000đ	
Trong đó :			
+ Giá mua hàng hóa	:	290.000.000đ	
Gồm các loại: * Xi măng :		200.000.000đ	(2.000 bao)
* Vải :		40.000.000đ	(1.000 m)
* Quần Jean	:	50.000.000đ	(500 cái)
+ Chi phí mua hàng hóa	:	10.000.000đ	

B. Trong tháng 1/N, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Ngày 5/1, xuất kho 500 bao xi măng bán trực tiếp cho Công ty Xuân Hoa theo Phiếu Xuất Kho số 3. Tiền được khách hàng thanh toán toàn bộ bằng tiền mặt theo Phiếu Thu số 2. Tiền bán xi măng phản ánh trên Hóa Đơn GTGT số 53171 ngày 5/1/N như sau:

- Giá bán chưa thuế: $500 \text{ bao} \times 150.000\text{đ/bao} = 75.000.000\text{đ}$
- Thuế GTGT 10%: 7.500.000đ
- Tổng tiền thanh toán: 82.500.000đ

2. Ngày 7/1, xuất kho 800 m vải bán trực tiếp cho Công ty Duy Mỹ theo Phiếu Xuất Kho Số 6. Số tiền bán hàng được thể hiện trong Hóa đơn GTGT số 53172 ngày 7/1/N như sau:

- Giá bán chưa thuế: $800 \text{ m} \times 60.000 \text{ đ/m} = 48.000.000\text{đ}$
- Thuế GTGT 10%: 4.800.000đ
- Tổng tiền thanh toán: 52.800.000đ

3. Ngày 9/1, xuất kho 2.000 đôi giày thể thao theo Phiếu Xuất Kho Số 8 để bán trực tiếp cho Công ty Duy Mỹ. Khách hàng nhận tại kho và thanh toán bằng tiền mặt theo Phiếu Thu Số 3. Chi tiết trên Hóa đơn GTGT số 53173 ngày 9/1/N:

- Giá bán chưa thuế: $2.000 \text{ đôi} \times 25.000 \text{ đ/đôi} = 50.000.000\text{đ}$
- Thuế GTGT 10%: 5.000.000đ
- Tổng số tiền thanh toán: 55.000.000đ

4. Ngày 10/1, xuất 800 đôi Sandal bán trực tiếp cho Công ty Xuân Hoa theo Phiếu Xuất Kho Số 9, tiền bán ghi trên Hóa Đơn GTGT số 53174 ngày 10/1/N:

- Giá bán chưa thuế: $800 \text{ đôi} \times 45.000 \text{ đ/đôi} = 36.000.000\text{đ}$
- Thuế GTGT 10%: 3.600.000đ
- Tổng số tiền thanh toán: 39.600.000đ

5. Ngày 11/1, nhận được lãi liên doanh năm trước được chia từ Công ty ABC là 10.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng. Doanh nghiệp đã nhận được Báo Có số 3

6. Ngày 12/1, nhận được giấy Báo Có số 4 của ngân hàng về khoản tiền bán giày Sandal cho Công ty Xuân Hoa theo Hóa đơn GTGT số 53174 ngày 10/1/N với số tiền 39.600.000đ

7. Ngày 13/1, xuất kho bán trực tiếp cho công ty Duy Mỹ 2.000 đôi Sandal theo Phiếu Xuất Kho Số 10. Khách nhận hàng tại kho và chưa thanh toán tiền. Tiền bán hàng ghi trong Hóa đơn GTGT số 53175 ngày 13/1/N:

- Giá bán chưa thuế: $2.000 \text{ đôi} \times 45.000 \text{ đ/đôi} = 90.000.000\text{đ}$

- Thuế GTGT 10%: 9.000.000đ
- Tổng tiền thanh toán 99.000.000đ

8. Ngày 14/1, công ty Duy Mỹ thanh toán nợ 15.000.000đ bằng tiền mặt. Lập Phiếu Thu Số 4

9. Ngày 14/1, doanh nghiệp vi phạm hợp đồng nên bị phạt 5.000.000đ theo quyết định của trọng tài kinh tế. Doanh nghiệp đã chuyển khoản để nộp phạt và đã nhận được Báo Nợ số 6

10. Ngày 15/1, xuất bán trực tiếp 200 quần Jean theo Phiếu Xuất Kho Số 11. Công ty T&T nhận tại kho và thanh toán bằng tiền mặt theo Phiếu Thu Số 5. Tiền bán chi tiết trên Hóa đơn GTGT số 53176 ngày 15/1/N:

- Giá bán chưa thuế: $200 \text{ cái} \times 200.000 \text{ đ/cái} = 40.000.000\text{đ}$
- Thuế GTGT 10%: 4.000.000đ
- Tổng cộng: 44.000.000đ.

11.. Ngày 19/1, xuất kho 200 bao xi măng bán trực tiếp cho công ty Duy Mỹ theo Phiếu Xuất Kho Số 12. Tiền bán hàng ghi trên Hóa đơn GTGT số 53177 ngày 19/1/N

- Giá bán chưa thuế chưa giảm: $200 \text{ bao} \times 150.000 \text{ đ/bao} = 30.000.000\text{đ}$
- Thuế GTGT 10%:

Do mua hàng với số lượng lớn nên giảm giá trực tiếp 5% trên sản phẩm.

Doanh nghiệp đã nhận tiền hàng bằng tiền mặt theo Phiếu Thu Số 6

12. Ngày 19/1, nhượng bán máy đếm tiền X ở bộ phận bán hàng cho Công ty Anh Dũng, tài sản có nguyên giá 33.480.000đ đã khấu hao 16.000.000đ, tỉ lệ khấu hao 10% năm (Biên bản thanh lý TSCĐ số 5). Tiền bán chi tiết trên Hóa đơn GTGT số 53178 ngày 19/1/N:

- Giá bán chưa thuế: 14.000.000đ
- Thuế GTGT 10%. Tổng cộng: 15.400.000đ.

Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt theo Phiếu Thu Số 7. Kế toán tiến hành xóa sổ TSCĐ (BK001)

13. Ngày 21/1, Công ty Duy Mỹ trả lại 50 bao xi măng đã mua theo Hóa đơn GTGT số 53177 ngày 19/1/N do phát hiện không đảm bảo phẩm chất. Công ty Duy Mỹ đã lập biên bản và xuất Hóa đơn GTGT số 34567 (Hóa đơn hàng bán trả lại), chi tiết: giá chưa thuế 7.500.000đ, thuế GTGT 10%, tổng số tiền 8.250.000đ. Doanh nghiệp chấp nhận và nhập lại kho số hàng này theo Phiếu Nhập Kho Số 11 và đã chi tiền mặt theo Phiếu Chi Số 26 để hoàn trả cho khách.

14. Ngày 23/1, doanh nghiệp bán phế liệu từ một số công cụ đã phân bổ hết giá trị cho công ty Xuân Thành. Tiền bán chi tiết trên Hóa đơn GTGT số 53179 ngày 23/1/N như sau:

- Giá bán chưa thuế: 3.000.000đ
- Thuế GTGT 10%. Tổng cộng: 3.300.000đ

Doanh nghiệp đã thu đủ bằng tiền mặt theo Phiếu Thu Số 9

15. Ngày 24/1, xuất kho 300 cái quần Jean bán trực tiếp tại T&T theo Phiếu Xuất Kho Số 13. Tiền bán chi tiết trên Hóa đơn GTGT số 53180 ngày 24/1/N:

- Giá bán chưa thuế: $300 \text{ cái} \times 200.000 \text{ đ/cái} = 60.000.000\text{đ}$
- Thuế GTGT 10%, Tổng cộng: 66.000.000đ.

Đồng thời thông báo cho khách hàng biết nếu thanh toán sớm trong vòng 5 ngày sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán 2% trên giá thanh toán

16. Xác định doanh thu thuần từ hoạt động mua bán hàng hóa, thành phẩm và hạch toán kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả kinh doanh tháng 1/N

YÊU CẦU:

- 1- Lập hóa đơn GTGT của các NV trên có liên quan
- 2- Định khoản các nghiệp vụ trên
- 3- Lập nhật ký chung cho các nghiệp vụ có liên quan đến hóa đơn GTGT được lập ở yêu cầu 1
- 4- Lập sổ Cái TK chi tiết 5111, 5112, 5212

B. Câu hỏi và bài tập thực hành

Bài 1:

Tại doanh nghiệp thương mại X có tài liệu kế toán sau :

1. Ngày 5/1 mua tại bên bán một lô hàng theo hóa đơn GTGT số 04 :

- Giá mua chưa thuế	:15.800.000 đ
- Thuế GTGT 10%	: 1.580.000 đ
- Tổng giá trị thanh toán	:17.380.000 đ

Tiền hàng chưa thanh toán. Hàng mua chuyển về nhập kho đủ (phiếu nhập kho số1). Chi phí vận chuyển đã thanh toán bằng tiền mặt theo hóa đơn đặc thù : 2.200.000 đ (gồm cả thuế GTGT 10%).

2. Ngày 7/1 hàng mua đang đi trên đường tháng trước trị giá: 28.000.000 đ nay đã nhập kho đủ . Chi phí vận chuyển đã thanh toán bằng tiền tạm ứng theo hóa đơn đặc thù :

- Giá cước vận chuyển chưa thuế	:2.300.000
-Thuế GTGT 10%	: 230.000
-Tổng giá thanh toán	:2.530.000

3. Ngày 10/1 doanh nghiệp nhận hàng trực tiếp tại kho bên bán một lô hàng theo hóa đơn GTGT số 12 :

-Giá mua chưa thuế	:59.000.000 đ
-Thuế GTGT 10%	: 5.900.000 đ
-Tổng giá trị thanh toán	:64.900.000 đ

Tiền hàng đã thanh toán một nửa bằng tiền gửi ngân hàng, số còn lại nhận nợ nhà cung cấp. Lô hàng chuyển về nhập kho, khi kiểm kê phát hiện thiếu một số hàng có giá chưa thuế 7.000.000 đ chưa rõ nguyên nhân.

4. Ngày 14/1 mua một lô hàng theo hóa đơn GTGT số 4 :

-Giá mua chưa thuế	:100.000.000 đ
-Thuế GTGT 10%	: 10.000.000 đ
-Tổng giá trị thanh toán	:110.000.000 đ

Tiền hàng chưa thanh toán. Hàng đang trên đường chuyển về kho của đơn vị. Hóa đơn đã về doanh nghiệp.

5. Ngày 15/1 nhận được giấy báo nợ ngân hàng rút tiền gửi ngân hàng thanh toán tiền mua hàng ở nghiệp vụ 1 (ngày 5/1) và được hưởng chiết khấu do trả sớm là 2 %.

6. Ngày 18/1 mua một lô hàng theo hóa đơn GTGT số 20:

- Giá mua chưa thuế	:160.000.000 đ
-Thuế GTGT 10%	: 16.000.000 đ
-Tổng giá trị thanh toán	:176.000.000 đ

Tiền hàng chưa thanh toán. Số hàng mua được thanh toán như sau

- Gửi bán thẳng một nửa theo hóa đơn GTGT số 32 :

- Giá mua chưa thuế	:89.700.000 đ
- Thuế GTGT 10%	: 8.970.000 đ
- Tổng giá trị thanh toán	:98.670.000 đ

- Chuyển về nhập kho số còn lại. Khi kiểm nhận phát hiện một số hàng có giá chưa thuế 12.500.000 đ không đảm bảo chất lượng theo hợp đồng. Doanh nghiệp đang giữ hộ số hàng này.

7. Ngày 20/1 mua một lô hàng theo hóa đơn GTGT số 25 :

- Giá mua chưa thuế	: 180.000.000 đ
- Bao bì tính giá riêng	: 6.000.000 đ
- Thuế GTGT 10%	: 18.600.000 đ
- Tổng giá thanh toán	: 204.600.000 đ

Tiền chưa thanh toán. Hàng về nhập kho phát hiện thừa một số hàng có giá chưa thuế 9.000.000 đ chưa rõ nguyên nhân.

8. Ngày 24/1 nhận được quyết định về số hàng thiếu ở nghiệp vụ 3 (ngày 10/1) là do người bán giao thiếu. Doanh nghiệp quyết định trừ vào số tiền nợ người bán.
9. Ngày 25/1 nhận được một lô hàng do bên bán gửi đến nhưng chưa có hóa đơn. Giá tạm tính chưa thuế là: 70.000.000 đ. Tiền hàng chưa thanh toán.
10. Ngày 31/1 lô hàng mua ở nghiệp vụ 4 (ngày 14/1) vẫn chưa về nhập kho và hóa đơn của lô hàng nhập kho ngày 25/1 vẫn chưa nhận được.

Yêu cầu :

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên biết doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Bài 2

Tại doanh nghiệp thương mại A hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Có tài liệu sau:

1. Ngày 5/2 mua một lô hàng theo hóa đơn số 16 như sau :
 - Giá mua chưa thuế : 175.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 17.500.000 đ
 - Tổng giá trị thanh toán : 192.500.000 đTiền hàng đã thanh toán bằng séc (giấy báo nợ số 40). Hàng kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu một số hàng trị giá chưa thuế: 4.500.000 đ, xác định ngay do hao hụt trong định mức là 1.500.000 đ. Còn lại do cán bộ nghiệp vụ xử lý bất bồi thường theo nguyên giá mua (phiếu nhập kho số 19).
2. Ngày 7/2 mua một lô hàng theo hóa đơn số 17 như sau :
 - Giá mua chưa thuế : 245.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 24.500.000 đ
 - Tổng giá trị thanh toán : 269.500.000 đTiền chưa thanh toán. Số hàng mua chuyển về nhập kho, Biên bản nhận hàng không đúng hợp đồng có giá trị mua: 5.000.000 đ, Đơn vị từ chối nhận hàng và đã nhập kho số hàng theo đúng hợp đồng (phiếu nhập kho số 20). Số hàng trả lại đang bảo quản hộ.
3. Ngày 10/2 hóa đơn số 18 mua 25.000 sản phẩm A đơn giá chưa thuế: 1.100đ/sản phẩm. Tiền chưa thanh toán. Hàng về nhập phát hiện thiếu 20 sản phẩm chưa rõ nguyên nhân. Chi phí vận chuyển đã thanh toán bằng tiền tạm ứng: 500.000 đ (phiếu nhập kho số 21).
4. Ngày 12/2 hóa đơn số 19 mua 5.200 sản phẩm B (Thuộc dạng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt), đơn giá 18.500 đ/sản phẩm. Tiền hàng trừ vào tiền ứng trước. Hàng về nhập kho phát hiện thừa 10 sản phẩm, xác định ngay do bên bán chuyển thừa, đơn vị nhập kho theo số trên hóa đơn (phiếu nhập kho số 22). Số hàng thừa bảo quản hộ bên bán.
5. Ngày 15/2 nhận bảng kê thanh toán tạm ứng của nhân viên thu mua :
 - Mua hàng hóa về nhập kho, hóa đơn GTGT số 20 :
 - Giá mua chưa thuế : 58.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 5.800.000 đ
 - Tổng giá trị thanh toán : 63.800.000 đ
 - Chi phí vận chuyển theo hóa đơn 1.650.000 đ (loại hóa đơn đặc biệt), thuế GTGT vận chuyển 10%.
6. Ngày 17/2 đơn vị ứng trước bằng tiền mặt cho người bán: 12.000.000 đ.
7. Ngày 22/2 mua mặt hàng C theo giá mua chưa thuế: 12.000 chiếc x 42.000 đ/chiếc. Bao bì tính giá riêng chưa thuế: 5.500.000 đ (thuế GTGT 10 %). Tiền hàng được trừ vào tiền ứng trước ngày 17/2, phần còn lại đơn vị trả bằng TGNH.

8. Doanh nghiệp phát hiện lô hàng nhập ngày 10/2 không đảm bảo chất lượng trong hợp đồng và đề nghị giảm giá là 500 đ/sản phẩm . Bên bán đã chấp nhận.
9. Ngày 29/2 đơn vị rút TGNH trả nợ ở nghiệp vụ 1 (ngày 5/2) và được hưởng chiết khấu thanh toán do trả sớm là 2%.

Yêu cầu :

- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Tính số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Bài 3

Tại doanh nghiệp thương mại X có tài liệu sau :

1. Ngày 5/1 xuất kho một lô hàng theo hóa đơn GTGT số 05 :
 - Giá bán chưa thuế :80.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 8.000.000 đ
 - Tổng giá trị thanh toán :88.000.000 đ

Đã thu được một nửa tiền mặt, số còn lại bên mua nhận hộ. Biết rằng giá vốn của lô hàng là: 68.000.000 đ.
2. Ngày 6/1 nhận được hàng mua đang đi trên đường kỳ trước trị giá theo hóa đơn 180.000.000 đ. Biên bản kiểm nhận thiếu một số hàng trị giá: 240.000đ chưa rõ nguyên nhân, đơn vị đã nhập kho số thực nhập (phiếu nhập kho số 2).
3. Ngày 10/1 nhận được giấy báo của cty A cho biết đã nhận được lô hàng theo hóa đơn GTGT số 485 của kỳ trước, giá bán chưa có thuế 132.000.000đ, thuế GTGT: 10% , Giá thực tế của lô hàng: 115.000.000đ
4. Ngày 15/1 nhận được lô hàng theo hóa đơn GTGT ngày 4/1 :
 - Trị giá mua chưa thuế :162.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% :16.200.000 đ

Cước phí vận chuyển chưa thuế 2.800.000 đ, thuế GTGT 10% ,đơn vị đã chi bằng tiền mặt và chi phí này theo hợp đồng bên bán phải chịu.

Đơn vị gửi bán thẳng lô hàng trên cho công ty B theo hóa đơn GTGT số 06 :

 - Trị giá bán chưa thuế :178.000.000đ
 - Thuế GTGT 10 % : 17.800.000đ
5. Ngày 16/1 công ty C đặt trước tiền mua hàng bằng tiền mặt: 50.000.000đ , phiếu thu số 12
6. Ngày 20/1 nhận được giấy báo của cty B cho biết đã nhận đủ hàng và chấp nhận thanh toán.
7. Ngày 22/1 mua một lô hàng , hóa đơn GTGT số 18 :
 - Giá mua chưa thuế :260.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 26.000.000 đ
 - Tiền hàng chưa thanh toán. Hàng mua chuyển về nhập kho đủ (Phiếu nhập kho số 03). Chi phí vận chuyển bằng tiền tạm ứng theo hóa đơn số 15.
 - Giá cước vận chuyển chưa thuế :2.300.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 230.000 đ
8. Ngày 28/1 xuất kho hàng cho cty C theo số tiền đặc trước ngày 16/1, hóa đơn GTGT số 07 :
 - Giá bán chưa thuế :90.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 9.000.000 đ
 - Tổng giá trị thanh toán :99.000.000 đ

Phần còn lại công ty C nhận nợ. Biết giá xuất kho: 78.000.000 đ
9. Ngày 29/1 có quyết định về nguyên nhân thiếu hàng của lô hàng ngày 6/1 là do nguyên nhân bất thường.
10. Ngày 31/1 mua một lô hàng theo hóa đơn GTGT số :

-Giá mua chưa thuế :420.000.000 đ
 -Thuế GTGT 10% : 42.000.000 đ
 -Tổng giá thanh toán :462.000.000 đ
 Tiền hàng đã thanh toán một nửa, Số còn lại nhận nợ.
 Số hàng mua đã xử lý như sau:

- Một nửa số hàng bán thẳng theo hóa đơn GTGT số 08 (giao tay ba):
 - + Giá mua chưa thuế :224.000.000 đ
 - +Thuế GTGT 10% : 22.400.000 đ
 - +Tổng giá thanh toán :246.400.000 đ, Khách hàng ký nhận nợ .
- Nhập kho đủ số hàng còn lại.

Yêu cầu :

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên, biết rằng Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
 2. +Hãy khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
- + Tính thuế GTGT phải nộp, định khoản bút toán có liên quan

Bài 4

Tại doanh nghiệp thương mại X hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên trong tháng 2 có tài liệu sau :

1. Ngày 4/2 nhận bằng thanh toán tạm ứng của nhân viên thu mua :
 - Mua hàng hóa về nhập kho , hóa đơn GTGT số 27 :
 - + Giá bán chưa thuế : 120.000.000 đ
 - +Thuế GTGT 10% : 12.000.000 đ
 - +Tổng giá thanh toán : 132.000.000 đ
 (phiếu nhập kho số 27)
 - Chi phí vận chuyển theo hóa đơn 3.300.000 đ (loại hóa đơn đặc thù),Thuế GTGT dịch vụ vận chuyển 10%.
2. Ngày 5/2 mua một số nông sản trực tiếp từ người sản xuất , theo bản kê thu mua giá trị nông sản là 253.000.000 đ(phiếu nhập kho số 28).
3. Ngày 7/2 mua một lô hàng theo hóa đơn GTGT số 28 :
 - + Giá mua chưa thuế : 480.000.000 đ
 - + Thuế GTGT 10% : 48.000.000 đ
 - + Tổng giá thanh toán : 528.000.000 đ
 Tiền hàng ký nhận nợ, số hàng trên xử lý :
 - Ngày 1/4 bán giao tay ba với tỷ lệ lãi 10%, Thuế GTGT 10%, bên mua nhận nợ.
 - Ngày 1/4 Gửi bán thẳng cho công ty A, Tỷ lệ lãi 15%, chi phí vận chuyển doanh nghiệp phải chịu bằng tiền mặt với tổng giá thanh toán là 1.100.000 đ (thuế GTGT 10%).
 - Ngày 1/4 Gửi bán đại lý, Tỷ lệ lãi 20%, Hoa hồng đại lý 5%.
 - Ngày 1/4 Chuyển về nhập kho, khi kiểm nhận phát hiện thiếu một số hàng hoá trị giá 2.000.000 đ chưa rõ nguyên nhân. Đơn vị đã lập biên bản và nhập kho theo thực tế.
4. Ngày 10/2 mua một lô hàng theo hoá đơn GTGT số 29:
 - + Giá mua chưa thuế : 258.000.000 đ
 - + Thuế GTGT 10% : 25.800.000 đ
 - + Tổng giá thanh toán : 283.800.000 đ
 Doanh nghiệp chưa trả tiền, Thời hạn thanh toán được hưởng chiết khấu trả sớm là 20 ngày, so với mức chiết khấu là 20%.
 Số hàng trên bán giao tay ba theo hoá đơn GTGT số 39 :

- + Giá bán chưa thuế : 265.000.000 đ
 - + Thuế GTGT 10% : 26.500.000 đ
 - + Tổng giá thanh toán : 291.500.000 đ
- Khách hàng đã trả ngay 91.500.000 đ bằng tiền mặt, phần còn lại nhận ký nợ
5. Ngày 14/2 Xuất kho lô hàng mua ở nghiệp vụ 1(ngày 4/2) Bán cho cty B theo Hoá đơn GTGT số 40 :
- + Giá bán chưa thuế : 131.000.000 đ
 - + Thuế GTGT 10% : 13.100.000 đ
 - + Tổng giá thanh toán : 144.000.000 đ
- Đổi lấy lô hàng cùng giá trị(Thuế GTGT 10%).Hàng nhập kho đủ.
6. Ngày 20/2 Xuất kho lô hàng đã nhập kho ở nghiệp vụ 3 (ngày 7/2) bán trả góp cho công ty C theo Hoá đơn GTGT số 41 :
- + Giá mua chưa thuế : 128.000.000 đ
 - + Thuế GTGT 10% : 12.800.000 đ
 - + Tổng giá thanh toán : 135.800.000 đ
- Doanh nghiệp đã thu tiền mặt tại thời điểm bán : 47.800.000 đ, số còn lại trả dần trong 20 tháng.
7. Ngày 26/2 nhận được bảng kê của ngân hàng :
- Số tiền bán hàng giao tay ba ngày 7/2.
 - Công ty A trả tiền cho lô hàng gửi bán thẳng.
 - Trả tiền cho người bán ở nghiệp vụ 1 (ngày 10/2).
8. Ngày 28/2 cơ sở đại lý thanh toán tiền hàng nhận bán hộ (ngày 7/2 bằng tiền mặt, số tiền này đã trừ hoa hồng bán đại lý).

Yêu cầu :

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên biết doanh nghiệp tính Thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
2. Xác định số thuế GTGT được khấu trừ và số Thuế GTGT Phải nộp.

Bài 5 :

Tại doanh nghiệp thương mại X hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo P² khấu trừ, có tài liệu sau :

1. Ngày 5/3 mua một lô hàng theo hoá đơn GTGT :
 - + Giá mua chưa thuế : 175.000.000 đ
 - + Thuế GTGT 10% : 17.500.000 đ
 - + Tổng giá thanh toán : 192.500.000 đ

Tiền chưa thanh toán. Hàng đã nhập kho đủ. Chi phí vận chuyển đã thanh toán bằng tiền tạm ứng theo hoá đơn đặc thù :

 - + Giá cước chưa thuế : 3.500.000 đ
 - + Thuế GTGT 10% : 350.000 đ
 - + Tổng giá thanh toán : 3.850.000 đ
2. Ngày 8/3 xuất kho bán trả góp một lô hàng có giá vốn :225.000.000 đ theo hoá đơn GTGT như sau :
 - + Giá bán thông thường chưa thuế : 250.000.000 đ
 - + Thuế suất GTGT 10% : 25.000.000 đ
 - + Giá bán trả góp chưa thuế : 300.000.000 đ

Doanh nghiệp đã thu ngay bằng tiền mặt tại thời điểm bán là 100.000.000 đ, số còn lại trả dần trong 20 tháng.
3. Ngày 9/3 Doanh nghiệp nhập kho 5.000 sản phẩm A theo hoá đơn GTGT :
 - + Giá mua chưa thuế : 25.000 đ/sp

+ Thuế GTGT 10% : 2.500 đ/sp

+ Tổng giá thanh toán : 27.500 đ/sản phẩm

Khi kiểm tra nhận hàng, doanh nghiệp phát hiện 100 sản phẩm không đảm bảo chất lượng và đang giữ hộ. Doanh nghiệp đã ứng đủ theo hợp đồng.

4. Ngày 10/3 vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ tiền hàng ở nghiệp vụ 1 (ngày 5/3), ngân hàng đã cho vay, biết doanh nghiệp được hưởng chiết khấu do trả sớm là 1% trên giá bán chưa thuế.

5. Xuất kho bán một lô hàng đã mua vào ngày 5/3 theo hoá đơn GTGT :

+ Giá bán chưa thuế : 190.000.000 đ

+ Thuế GTGT 10% : 19.000.000 đ

Đổi lấy một lô hàng có giá trị chưa thuế là 150.000.000 đ, Thuế GTGT 5% , hàng đã về nhập kho đủ. Số tiền chênh lệch được thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu :

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên.

2. Xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá.

3. Giả sử tại nghiệp vụ số 5, Lô hàng được đổi lấy không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Hãy định khoản nghiệp vụ 5.

Bài 6:

Tại một doanh nghiệp thương mại có nghiệp vụ sau :

I. Số liệu đầu tháng 4 của một số tài khoản :

- TK 156 : 1.507.000.000 đ

+ TK 1561 : 1.480.000.000 đ

+ TK 1562 : 27.000.000 đ

- TK 151 : 265.000.000 đ

- TK 157 : 685.000.000 đ

II. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 4 như sau :

1. Ngày 2/4 Bán một lô hàng có giá xuất kho 320.000.000 đ, Giá bán chưa thuế 380.000.000 đ, Bên mua đã nhận hàng tại kho công ty và trả ngay 50% tiền hàng bằng séc , số còn lại nhận nợ.

2. Ngày 6/4 đại lý của công ty thông báo đã tiêu thụ được lô hàng mà công ty đã gửi bán kỳ trước với giá xuất kho 447.500.000 đ, Giá bán chưa thuế là 475.000.000 đ, Thuế GTGT 10% ,Hoa hồng đại lý theo thoả thuận là 5% trên giá bán chưa thuế. Đại lý chưa trả tiền cho Công ty .

3. Ngày 10/4 mua một lô hàng theo hoá đơn GTGT :

-Giá mua chưa thuế :180.000.000 đ

-Thuế GTGT 10% :18.000.000 đ

- Tổng giá thanh toán :198.000.000 đ

Chi phí vận chuyển hàng hoá về nhập kho được thanh toán bằng tiền mặt theo hoá đơn đặc thù :

- Giá cước chưa thuế :2.400.000 đ

- Thuế GTGT 10% : 240.000 đ

- Tổng giá thanh toán : 2.640.000 đ

Hàng về nhập kho đủ số. Tiền hàng chưa thanh toán.

4. Ngày 12/4 doanh nghiệp đã nhập kho đủ toàn bộ lượng hàng mua đang đi trên đường kỳ trước, và đã thanh toán chi phí vận chuyển lô hàng bằng tiền tạm ứng theo hoá đơn đặc thù :

- Giá cước chưa thuế :4.600.000 đ

- Thuế GTGT 10% : 460.000 đ

- Tổng giá thanh toán : 5.060.000 đ
 - 5. Ngày 15/4 xuất kho 1000 tấn hàng gửi cho đơn vị N theo hình thức chuyển hàng. Hàng này có đơn giá xuất kho 455.000 đ/tấn, Giá bán chưa thuế 480.000 đ/ tấn ; đơn vị mua chưa nhận được hàng.
 - 6. Ngày 20/4 Công ty nhập kho số hàng bán bị trả lại(nghiệp vụ 1) với giá bán chưa thuế 60.000.000 đ, giá xuất kho là 52.000.000 đ số tiền này trừ vào số nợ của khách hàng.
 - 7. Ngày 27/4 đơn vị N báo đã nhận được hàng. Qua kiểm nghiệm đơn vị N chỉ chấp nhận mua 920 tấn. Số còn lại đơn vị đang nhận giữ hộ.
- Trong ngày Công ty cò nhận được hoá đơn vận chuyển lo hàng gửi đến đơn vị N mà Công ty phải thanh toán như sau :
- Giá cước chưa thuế : 4.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 400.000 đ
 - Tổng giá thanh toán : 4.400.000 đ

Yêu cầu :

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên biết đơn vị đã hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính Thuế GTGT theo P² khấu trừ tỉ lệ 10%
2. Hãy phân bổ chi phí thu mua cho hàng bán ra trong kỳ và định khoản các nghiệp vụ. Xác định doanh thu bán hàng thuần.
3. Xác định số Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và Thuế GTGT Cần phải nộp. Định khoản .

Bài 7

Tại doanh nghiệp thương mại hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo P² khấu trừ, có tài liệu sau :

I. Số dư một số tài khoản đến cuối ngày 31/3/N

- TK 1331 : 68.000.000 đ
- TK 151 : 358.000.000 đ
- TK 156 : 1.200.000.000 đ
- TK 157 : 475.000.000 đ

II. Quý II/N có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau :

1. Mua một lô hàng theo hoá đơn GTGT :
 - Giá mua chưa thuế : 485.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 48.500.000 đ
 - Tổng giá thanh toán : 533.500.000 đ

Tiền mua hàng chưa thanh toán. Hàng nhập kho đủ.
2. Xuất kho bán một lô hàng theo hoá đơn GTGT :
 - Giá bán chưa thuế : 420.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 42.000.000 đ
 - Tổng giá thanh toán : 462.000.000 đ

Khách hàng đã ứng trước 200.000.000 đ ở tháng trước. Số còn lại ký nhận nợ.
3. Trích TGNH thanh toán tiền mua hàng ở nghiệp vụ 1, chiết khấu được hưởng do trả sớm 2%
4. Mua một lô hàng theo hoá đơn GTGT :
 - Giá mua chưa thuế : 180.000.000 đ
 - Bao bì tính riêng : 2.800.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 18.280.000 đ
 - Tổng giá thanh toán : 201.020.000 đ

Tiền hàng đã thanh toán bằng séc (Ngân hàng đã báo nợ). Hàng đã nhập kho đủ số

5. Đại lý thông báo đã tiêu thụ một số hàng có giá trị xuất kho 175.000.000 đ, giá bán chưa có thuế 205.000.000 đ, Thuế GTGT 10% .Đại lý đã chuyển tiền cho doanh nghiệp (Đã nhận giấy báo có) Biết hoa hồng đại lý là 5% trên giá bán chưa thuế.
6. Số hàng mua đang đi trên đường kỳ trước đã nhập kho đủ.
7. Xuất kho bán hàng theo hoá đơn GTGT :
 - Giá bán chưa thuế : 360.000.000 đ
 - Thuế GTGT 10% : 36.000.000 đ
 - Tổng giá thanh toán : 396.000.000 đ
- Bên mua đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.
8. Bên mua thanh toán đủ tiền hàng mua ở nghiệp vụ 2 bằng tiền mặt nhập quỹ, chiết khấu bên mua được hưởng do trả sớm 2%.
9. Cuối kỳ kiểm kê hàng tồn kho, trị giá hàng hoá hiện còn trong kho : 885.000.000 đ.

Yêu cầu :

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.
2. Xác định Thuế GTGT Phải nộp.
3. Xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá biết chi phí cho quá trình tiêu thụ là 2.570.000 đ, chi phí bán hàng là 3.115.000 đ

Bài 8

Doanh nghiệp X nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trong tháng 10 năm N có tài liệu kế toán:

I. Số dư đầu kỳ:

- TK 155 : 10.000.000 (chi tiết sản phẩm A: 1.000 sp)
- TK 157 : 3.600.000 (chi tiết sản phẩm A: 400 sp, hàng gửi bán cho công ty Q)

II. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

1. Nhập kho sản phẩm A từ sản xuất: 9.000 sản phẩm, giá thành đơn vị 9.500 đ/sp.
2. Xuất bán trực tiếp cho khách hàng K: 5.000 sản phẩm A, giá bán chưa có thuế GTGT 15.000 đ/sản phẩm, thuế GTGT 10%. Tiền bán hàng khách hàng chấp nhận nợ, chiết khấu thanh toán qui định 1 % trên giá bán.
3. Xuất cho cơ sở đại lý H: 1.000 sản phẩm A, giá bán quy định kể cả thuế GTGT: 16.500 đ/sp, trong đó thuế GTGT: 1.500 đ/sp. Phí hoa hồng bán 2% trên doanh thu, được tính trừ khi thanh toán tiền hàng.
4. Xuất gửi bán cho Công ty N: 2.200 sản phẩm A, giá bán chưa có thuế: 15.000 đ/sp, thuế GTGT 10%.

Sau đó ít lâu nhận giấy báo của Công ty N chấp nhận mua 2.000 sản phẩm, tiền chưa thanh toán; còn 200 sản phẩm không đúng qui cách công ty N đang giữ hộ.

5. Hàng gửi bán kỳ trước nay xác định tiêu thụ 300 sản phẩm A theo giá bán chưa có thuế GTGT: 16.000 đ/sp, thuế GTGT 10%. Tiền đã thu đủ qua tài khoản tiền gửi ngân hàng.
6. Cơ sở đại lý H thanh toán 800 sản phẩm nhận bán ở trên bằng tiền mặt nhập quỹ (có tính trừ phí hoa hồng bán)
7. Xuất kho 100 sản phẩm A biếu, tặng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo giá bán chưa có thuế GTGT 15.000 đ/sản phẩm, thuế GTGT 10%.
8. Xuất kho 200 sản phẩm A ủng hộ đồng bào bị bão lụt, theo giá bán chưa có thuế GTGT 15.000 đ/sp, thuế GTGT 10%.
9. Theo hợp đồng đã ký giữa doanh nghiệp X với công ty K về việc trao đổi sản phẩm lấy vật liệu được thực hiện như sau:

a. Doanh nghiệp X xuất kho 500 sản phẩm A theo giá bán chưa có thuế GTGT 15.000 đ/sp, thuế GTGT 10%.

- b. Doanh nghiệp X nhập kho vật liệu của công ty K chuyển đến theo giá mua chưa thuế là 10.000.000 đ. Thuế GTGT: 10%.
- c. Phần chênh lệch giữa giá trị trao đổi đã được thanh toán bằng tiền mặt đủ số.
10. Doanh nghiệp X xuất 200 sản phẩm A bán hàng theo phương thức trả góp:
- Giá bán trả tiền ngay chưa có thuế : 15.000 đ/sản phẩm
 - Thuế GTGT của hàng bán trả góp: 10%
 - Số tiền còn phải thu về bán hàng trả góp: 2.600.000
 - Người mua đã trả tiền lần đầu bằng tiền mặt: 1 300.000
 - Thời gian trả góp 3 tháng
11. Các chi phí khác phát sinh:
- Tính lương nhân viên bán hàng: 2.000.000 đ và lương nhân viên quản lý doanh nghiệp: 3.000.000 đ
 - Tính khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng: 200.000 đ và phục vụ quản lý doanh nghiệp 800.000đ
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng tiền mặt : 500.000 đ
 - Chi trả lãi tiền vay kinh doanh bằng TGNH : 300.000 đ
12. Khoản giảm giá hàng bán doanh nghiệp chấp thuận với công ty Q: 10.000 đ, tiền chưa thanh toán.
13. Cuối tháng kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh. (Lập các bút toán kết chuyển: *khoản giảm doanh thu, doanh thu thuần*)

III. YÊU CẦU

1. Tính giá thực tế xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân cuối kỳ.
2. Tính toán và lập định khoản kế toán

Bài 9

Có tài liệu kế toán tại doanh nghiệp Y áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp khấu trừ thuế GTGT: (Đơn vị tính: đồng)

I. Đầu tháng có số dư một số tài khoản

TK 155 Q: 6.000.000 (giá hạch toán: 7.000.000)
TK 129: 500.000

II. Trong tháng có các nội dung kinh tế phát sinh:

1. Nhập kho sản phẩm Q từ phân xưởng sản xuất theo giá thành thực tế: 30.000.000 (giá hạch toán: 33.000.000)
2. Xuất kho sản phẩm Q:
 - Xuất bán trực tiếp theo giá hạch toán xuất kho: 10.000.000. Giá bán: 14.000.000, thuế GTGT: 1.400.000; giá thanh toán: 15.400.000. Tiền đã thu bằng tiền mặt: 8.000.000, số còn lại chưa thu.
 - Xuất giao cho cơ sở đại lý A theo giá hạch toán xuất kho 5.000.000, giá bán qui định: 7.700.000, trong đó thuế GTGT: 700.000, phí hoa hồng bán 2% trên giá bán được tính trừ khi thanh toán.
 - Xuất gửi bán cho khách hàng M theo giá hạch toán xuất kho 20.000.000, giá bán 28.000.000, thuế GTGT 10%.
3. Phản ánh chiết khấu thanh toán dành cho khách hàng là 500.000
4. Cơ sở đại lý A thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt toàn bộ số hàng nhận bán ở trên.
5. Báo có NH:
 - Thu tiền cho thuê TSCĐ (Thuê hoạt động): 220.000, trong đó Thuế GTGT: 20.000
 - Thu lãi tiền gửi ngân hàng 600.000
 - Thu nợ đã xóa sổ của người mua 500.000
6. Báo nợ NH:
 - Chi phí phục vụ cho việc tiêu thụ sản phẩm: 550.000

- Chi phí phục vụ bộ máy quản lý doanh nghiệp: 650.000
 - Góp vốn liên doanh dài hạn với đơn vị Y: 10.000.000
 - Trả lãi vay kinh doanh: 1.200.000
7. Trích khấu hao TSCĐ 600.000, trong đó: tính cho bộ phận bán hàng 200.000, quản lý doanh nghiệp: 360.000 và TSCĐ cho thuê hoạt động 40.000.
 8. - Tính lương: + Nhân viên bán hàng: 1.000.000
+ Nhân viên quản lý doanh nghiệp: 2.000.000
 - Tính BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ 19% vào chi phí liên quan.
 9. Công cụ xuất dùng theo giá thực tế xuất kho:
 - Loại phân bổ 1 lần dùng ở bộ phận bán hàng: 50.000
 - Loại phân bổ 2 lần dùng phục vụ quản lý doanh nghiệp: 120.000
 10. Hàng gửi bán cho khách hàng M, nay nhận được giấy báo của khách hàng M chấp nhận mua toàn bộ số hàng trên, tiền chưa thanh toán và đề nghị giảm giá hàng vì chất lượng kém. Doanh nghiệp Y đã đồng ý giảm 5% trên giá bán.
 11. Cuối tháng kê toán lập các bút toán kết chuyển liên quan và xác định kết quả cho từng hoạt động kinh doanh

III/ YÊU CẦU: Lập định khoản kế toán tình hình trên.

Bài 10

Có tài liệu kế toán ở doanh nghiệp X: Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp khấu trừ thuế GTGT (Đơn vị tính: 1.000 đồng).

1. Ngày 6/5 doanh nghiệp xuất bán trực tiếp cho công ty C một số thành phẩm A: Giá thực tế xuất kho là 200.000, giá bán 240.000, thuế GTGT 24.000, giá thanh toán 264.000. Công ty C đã chấp nhận thanh toán (theo thỏa thuận chiết khấu thanh toán 1%, thời hạn thanh toán 15 ngày)
2. Ngày 9/5:
 - Doanh nghiệp X nhận báo có NH: Công ty C trả nợ tiền hàng 264.000
 - Đồng thời phản ánh chiết khấu thanh toán phải trả cho công ty C (Vì trả đúng thời gian)
3. Ngày 10/5 doanh nghiệp X nhận được công văn kèm theo biên bản kiểm nghiệm hàng của Công ty C đề nghị trả lại số hàng bị mất phẩm chất theo giá bán 30.000; thuế GTGT của hàng trả lại: 3.000. Doanh nghiệp đã đồng ý nhận lại, và sau đó nhập kho số sản phẩm mất phẩm chất ở trên.
4. Ngày 11/5 Doanh nghiệp X trích TGNH trả lại tiền hàng cho công ty C, có giấy báo nợ NH
5. Ngày 12/5 Doanh nghiệp xuất kho gửi bán 1 số thành phẩm A cho Công ty B: giá thực tế xuất kho 300.000, giá bán 360.000, thuế GTGT 36.000, giá thanh toán 396.000
6. Ngày 28/5 Doanh nghiệp nhận được giấy báo có NH: Công ty B thanh toán tiền hàng nhận gửi bán ở trên là 396.000
7. Ngày 30/5 Doanh nghiệp nhận được giấy báo của công ty B đề nghị giảm giá hàng vì có một số hàng kém phẩm chất; doanh nghiệp X chấp nhận giảm giá 10.000, tiền chưa thanh toán.
8. Cuối tháng xác định kết quả hoạt động kinh doanh; Biết chi phí đã tổng hợp gồm:
 - Chi phí bán hàng 60.000,
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp 50.000
 - Chi phí hoạt động khác 20.000
 - Chi phí hoạt động tài chính 10.000

YÊU CẦU :

1. Lập định khoản kế toán.
2. Lập Nhật ký chung và ghi sổ cái TK 511 theo hình thức nhật ký chung

3. Ghi sổ chi tiết bán hàng.

Bài 11

Doanh nghiệp ABC chịu **Thuế tiêu thụ đặc biệt**, áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá xuất kho tính theo phương pháp bình quân. Trong tháng có tài liệu kế toán như sau:

I. Số dư đầu tháng:

TK 155	30.000.000 (Số lượng tồn kho đầu tháng 100 thành phẩm A)
TK 112	15.500.000
TK 4212	28.000.000 (Dư có)

II. Trong tháng có các nghiệp vụ phát sinh:

1. Nhập kho 200 thành phẩm A theo tổng giá thành thực tế 63.000.000 đ
2. Xuất kho thành phẩm A bán trực tiếp cho Công ty H 60 thành phẩm A theo giá bán 24.000.000 đ, tiền đã thu đủ bằng tiền mặt
3. Doanh nghiệp nhận báo có ngân hàng: Công ty Y trả trước số tiền mua hàng 26.000.000 đ
4. Xuất kho 35 thành phẩm A bán trực tiếp cho đơn vị K theo giá bán 14.000.000 đ, tiền hàng chưa thu.
5. Doanh nghiệp nhận báo có NH: Đơn vị K trả nợ tiền hàng 14.000.000 đ.
6. Xuất bán trực tiếp cho đơn vị Z: 30 thành phẩm A theo giá bán 12.000.000 đ, Tiền hàng chưa thu
7. Doanh nghiệp xuất gửi bán 65 thành phẩm A giao cho công ty Y theo giá bán 26.000.000 đ
8. Công ty Y trả lại doanh nghiệp 10 thành phẩm A bị kém phẩm chất theo giá bán 4.000.000 đ. Doanh nghiệp đã nhận lại số thành phẩm kém phẩm chất nhập kho và chuyển TGNH trả lại cho Công ty Y, có giấy báo nợ NH.
9. Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp là 10% trên doanh thu chịu thuế
10. Xác định kết quả kinh doanh, biết: Chi phí bán đã tập hợp 350.000 đ, Chi phí quản lý doanh nghiệp đã tập hợp 500.000 đ.
11. Thuế thu nhập phải nộp là 28% trên thu nhập chịu thuế, (thu nhập chịu thuế bằng thu nhập kế toán). Doanh nghiệp trích TGNH nộp thuế thu nhập theo số đã tính (có giấy báo nợ).
12. Doanh nghiệp trích lập các quỹ xí nghiệp: quỹ đầu tư phát triển 3.000.000 đ, quỹ dự phòng tài chính 1.000.000 đ, quỹ khen thưởng phúc lợi 2.000.000 .

III. Yêu cầu:

Tính toán, lập định khoản kế toán và thuyết minh nội dung kinh tế từng định khoản các nghiệp vụ trên.

Bài 12

Có tài liệu kế toán tại doanh nghiệp X trong tháng 5/N như sau:

1. Xuất kho sản phẩm A:
 - a. Xuất gửi bán cho khách hàng K 25 sản phẩm theo giá bán 1.500.000 đ/sp, Thuế GTGT 10 %; giá thực tế xuất kho 1.000.000 đ/sp. Chiết khấu bán qui định 1 % nếu thanh toán trong tháng.
 - b. Xuất bán trực tiếp cho Công ty M1: 10 sản phẩm theo giá bán 1.600.000 đ/sp, thuế GTGT 10 %, giá thực tế xuất kho 1.000.000 đ/sp. Tiền bán đã thu bằng ngân phiếu 10.000.000đ nhập quỹ, số tiền còn lại chưa thu.
2. Hàng gửi bán ở nghiệp vụ 1 nay nhận được thông báo của khách hàng K chấp nhận mua: 20 sản phẩm, tiền chưa thanh toán. Số sản phẩm còn lại đơn vị đã chở về nhập kho
3. Doanh nghiệp X xuất kho 20 sản phẩm A bán cho khách hàng M4 theo phương thức trả góp :
 - Giá xuất kho 20.000.00đ; Giá bán 30.000.000đ, Thuế GTGT:10%

- Người mua trả lần đầu: 50% bằng tiền mặt đã nhập quỹ, số tiền còn lại trả tiếp vào thời điểm quy định 6 tháng sau với lãi suất 1% tháng.
4. Xuất kho sản phẩm A giao cho cơ sở đại lý E:
 - Giá xuất kho $10^{sp} \times 1.000.000 \text{ đ/sp}$
 - Giá bán quy định kể cả thuế GTGT: $1.650.000 \text{ đ/sp}$; thuế GTGT 10%
 - Hoa hồng bán 1% tính trên doanh thu được tính trừ khi thanh toán tiền.
 5. Cuối tháng cơ sở đại lý E thanh toán tiền bán 6 sản phẩm bằng tiền mặt đã nhập quỹ có tính trừ tiền phí hoa hồng bán.
 6. Theo hợp đồng đã ký giữa doanh nghiệp X với Công ty A về việc trao đổi sản phẩm lấy vật liệu được thực hiện như sau:
 - a. Doanh nghiệp X xuất kho sản phẩm A theo giá xuất kho: 10.000.000đ; giá bán chưa thuế là 15.000.000đ; thuế GTGT :10%.
 - b. Doanh nghiệp X nhập kho vật liệu của Công ty A chuyển đến theo giá mua chưa thuế là 12.000.000đ. Thuế GTGT :5%.
 - c. Phần chênh lệch giữa giá trị trao đổi đã được thanh toán bằng tiền mặt đủ số .
 7. Báo có ngân hàng :
 - Khách hàng K trả nợ tiền hàng mua ở trên có tính trừ phần chiết khấu được hưởng
 - Thu tiền bồi thường hợp đồng kinh tế 2.000.000
 - Nhận lãi được chia từ hoạt động liên doanh 5.000.000
 8. Nhận được giấy báo của khách hàng M: khiếu nại về số hàng đã mua kỳ trước có chất lượng kém đề nghị giảm giá. Doanh nghiệp X đã đồng ý giảm 400.000 trên giá bán, tiền chưa thanh toán.
 9. Các chi phí bán hàng khác:
 - Tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng: 2.400.000
 - Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm: 500.000
 - Chi phí vận chuyển sản phẩm đến bán bằng tiền tạm ứng: 660.000, trong đó thuế GTGT: 60.000
 10. Cuối tháng kế toán lập các bút toán kết chuyển liên quan và xác định kết quả cho từng hoạt động SXKD, *biết rằng* :
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp đã tổng hợp 4.000.000
 - Chi phí hoạt động khác không có phát sinh
- YÊU CẦU:** *Lập định khoản và thuyết minh nội dung kinh tế từng định khoản (Đơn vị áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp khấu trừ thuế)*

Tên đơn vị:
 Địa chỉ:
 Điện thoại:
 Mã số thuế:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:

Ký hiệu:

55-

Liên.....:

Ngày tháng năm 20...

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Dia chi:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Mã số thuế:

[illegible]

Công tiền hàng:

Thuế GTGT	%	Tiền thuế GTGT:
-----------	---	-----------------

Tổng công tiền thanh toán:

Số tiền viết bằng chữ:

Tài khoản thanh toán:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông An - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554

Tên đơn vị:
 Địa chỉ:
 Điện thoại:
 Mã số thuế:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:

Ký hiệu:

55-

Liên.....:

Ngày tháng năm 20...

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Dia chi:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Mã số thuế:

[illegible]

Công tiền hàng:

Thuế GTGT	%	Tiền thuế GTGT:
-----------	---	-----------------

Tổng công tiền thanh toán:

Số tiền viết bằng chữ:

Tài khoản thanh toán:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông An - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554

Tên đơn vị:
 Địa chỉ:
 Điện thoại:
 Mã số thuế:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

Liên.....:

Ngày tháng năm 20...

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Dia chí:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Mã số thuế:

[illegible]

Công tiền hàng:

Thuế GTGT	%	Tiền thuế GTGT:
-----------	---	-----------------

Tổng công tiền thanh toán:

Số tiền viết bằng chữ:

Tài khoản thanh toán:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông An - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554

Tên đơn vị:
 Địa chỉ:
 Điện thoại:
 Mã số thuế:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

Liên.....:

Ngày tháng năm 20...

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Dia chi:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Mã số thuế:

[illegible]

Công tiền hàng:

Thuế GTGT	%	Tiền thuế GTGT:
-----------	---	-----------------

Tổng công tiền thanh toán:

Số tiền viết bằng chữ:

Tài khoản thanh toán:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông An - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554

Tên đơn vị:
 Địa chỉ:
 Điện thoại:
 Mã số thuế:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:

Ký hiệu:

55-

Liên.....:

Ngày tháng năm 20...

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Dia chi:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Mã số thuế:

[illegible]

Công tiền hàng:

Thuế GTGT	%	Tiền thuế GTGT:
-----------	---	-----------------

Tổng công tiền thanh toán:

Số tiền viết bằng chữ:

Tài khoản thanh toán:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông An - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554

Tên đơn vị:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Mã số thuế:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

Liên.....:

Ngày tháng năm 20...

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Dia chi:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Mã số thuế:

[illegible]

Công tiền hàng:

Thuế GTGT	%	Tiền thuế GTGT:
-----------	---	-----------------

Tổng công tiền thanh toán:

Số tiền viết bằng chữ:

Tài khoản thanh toán:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông An - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554

Tên đơn vị:
 Địa chỉ:
 Điện thoại:
 Mã số thuế:

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số:

Ký hiệu:

Số:

Liên.....:

Ngày tháng năm 20....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:

Dia chi:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Mã số thuế:

[illegible]

Công tiền hàng:

Thuế GTGT	%	Tiền thuế GTGT:
-----------	---	-----------------

Tổng công tiền thanh toán:

Số tiền viết bằng chữ:

Tài khoản thanh toán:

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

In tại Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ In Thông An - Mã số thuế: 0311786410 - Điện thoại 3823 9424-5-6-7 - 3512 9554

C. Ghi nhớ

- Lập, đọc được các chỉ tiêu trên hóa đơn tài chính tại một doanh nghiệp
- Tính được chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán trả lại và cách lập hóa đơn các trường hợp này.
- Định khoản được các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu kết chuyển doanh thu, chi phí, kết chuyển lãi lỗ trong kỳ kinh doanh
- Ghi sổ được các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu, giá vốn và kết chuyển xác định kết quả kinh doanh trong kỳ kinh doanh.
- Đối chiếu số liệu kế toán;

BÀI 2. KẾ TOÁN DOANH THU TÀI CHÍNH

Giới thiệu:

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ các khoản tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp chỉ được nhận khi thỏa mãn đồng thời cả hai điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Tiền lãi: Lãi tiền gửi, lãi cho vay vô, thu lãi bán hàng trả chậm, trả góp.

Lãi do bán, chuyển nhượng công cụ tài chính, đầu tư liên doanh vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, đầu tư liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư khác.

Cổ tức và lợi nhuận được chia.

Chênh lệch lãi do mua bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ.

Thu nhập khác liên quan đến hoạt động tài chính.

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm và nội dung doanh thu hoạt động tài chính;
- Xác định được doanh thu hoạt động tài chính;
- Lập được các chứng từ kế toán phát sinh có liên quan;
- Định khoản được các nghiệp vụ kế toán doanh thu hoạt động tài chính;
- Ghi sổ được các nghiệp vụ kế toán doanh thu hoạt động tài chính;
- Đối chiếu số liệu kế toán;
- Tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

A. Nội dung:

1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

b) Đối với hoạt động mua, bán chứng khoán kinh doanh, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá vốn, trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước, giá bán được tính theo giá trị hợp lý của khoản nhận được. Trường hợp mua, bán chứng khoán dưới hình thức hoán đổi cổ phiếu (nhà đầu tư hoán đổi cổ phiếu A để lấy cổ phiếu B), kế toán xác định giá trị cổ phiếu nhận về theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi như sau:

- Đối với cổ phiếu nhận về là cổ phiếu niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

- Đối với cổ phiếu nhận về là cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa công bố trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

- Đối với cổ phiếu nhận về là cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá thỏa thuận giữa các bên hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm cuối quý trước liền kề với ngày trao đổi. Việc xác định giá trị sổ sách của cổ phiếu được thực hiện theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu hiện có tại thời điểm trao đổi}}$$

c) Đối với khoản doanh thu từ hoạt động mua, bán ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá ngoại tệ bán ra và giá ngoại tệ mua vào.

d) Đối với lãi tiền gửi: Doanh thu không bao gồm khoản lãi tiền gửi phát sinh do hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay sử dụng cho mục đích xây dựng tài sản dở dang.

đ) Đối với tiền lãi phải thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: Doanh thu chỉ được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng.

e) Đối với khoản tiền lãi đầu tư nhận được từ khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu thì chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư này mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kỳ, còn khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó thì ghi giảm giá gốc khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu đó.

g) Khi nhà đầu tư nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh BCTC, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty.

h) Việc hạch toán khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh liên quan đến ngoại tệ được thực hiện theo quy định.

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng. Dưới đây là một số quy định về chiết khấu thanh toán theo quy định hiện hành.

1. Chiết khấu thanh toán không phải xuất hóa đơn cho bên mua

Hóa đơn về bản chất là chứng từ do người bán lập, ghi nhận thông tin bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Như vậy, hóa đơn chỉ tạo lập, xuất cho bên mua khi xảy ra việc bán hàng, cung ứng dịch vụ. Còn chiết khấu thanh toán là một khoản chi phí tài chính mà bên bán chấp nhận chi cho bên mua khi thanh toán tiền mua trước thời hạn.

Điều 3 khoản 1 [Thông tư 39/2014/TT-BTC](#) quy định về hoá đơn như sau:

“1. Hóa đơn là chứng từ do người bán lập, ghi nhận thông tin bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật”.

Điều 5 khoản 1 [Thông tư 219/2013/TT-BTC](#) quy định về những đối tượng không chịu thuế có quy định như sau:

“Cơ sở kinh doanh khi nhận khoản tiền thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ nhận được, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác thì lập chứng từ thu theo quy định. Đối với cơ sở kinh doanh chi tiền, căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền.”

Theo quy định trên, hoá đơn là để ghi nhận thông tin hàng hoá dịch vụ cung cấp cho người mua. Hoá đơn không phải là chứng từ được cấp khi người bán chiết khấu thanh toán cho bên mua. Vậy Kế toán không phải xuất hóa đơn cho trường hợp chiết khấu thanh toán. Kế toán

căn cứ vào chứng từ cho những trường hợp chiết khấu thanh toán và hỗ trợ đạt doanh số để chi tiền, hoặc khấu trừ vào công nợ với khách hàng. Chứng từ bao gồm:

- Hợp đồng, hoặc phụ lục hợp đồng, ghi rõ tỷ lệ, hoặc số tiền chiết khấu thanh toán
- Chứng từ chi tiền hoặc chứng từ khấu trừ công nợ

2. Chiết khấu thanh toán được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

Theo quy định tại Điều 4 của Thông tư 96/2015/TT-BTC, trừ các khoản chi không được khấu trừ, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng những điều kiện sau:

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Như vậy, chiết khấu thanh toán được tính chi phí hợp lý được khấu trừ khi có hợp đồng mua bán ghi rõ việc chiết khấu thanh toán và chứng từ thanh toán đúng quy định.

Đối với bên mua, căn cứ vào chứng từ thu tiền, khoản chiết khấu này được tính vào khoản thu nhập chịu thuế theo quy định tại Khoản 15 Điều 7 của Thông tư 78/2014/TT-BTC.

3. Quy định về việc nộp thuế Thu nhập cá nhân đối với bên nhận chiết khấu thanh toán

Việc xác định nghĩa vụ thuế Thu nhập cá nhân của cá nhân khi mua hàng hóa nhận được khoản Chiết khấu thanh toán sẽ phụ thuộc vào việc cá nhân đó là cá nhân kinh doanh hay cá nhân không kinh doanh; Cụ thể:

3.1. Đối với cá nhân không kinh doanh

Trường hợp người mua hàng về chỉ để tiêu dùng, là người tiêu dùng cuối cùng, hàng hóa mua về không bán lại thì khoản chiết khấu thanh toán không phải chịu thuế Thu nhập cá nhân.

3.2. Đối với cá nhân kinh doanh

Theo quy định tại điều 7, khoản Thông tư 92/2015/T-BTC quy định:

“- Trường hợp cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh ủy quyền cho tổ chức khai thuế và nộp thuế thay thì tổ chức khai thuế thay theo Tờ khai mẫu số 01/CNKD kèm theo Phụ lục mẫu số 01-1/BK-CNKD ban hành kèm theo Thông tư này; và bản chụp hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu là lần khai thuế đầu tiên của hợp đồng).”

Theo quy định trên thì tổ chức chi trả chiết khấu thanh toán và hỗ trợ đạt doanh số được phép kê khai thay cho cá nhân nhận thu nhập trên, với những quy định sau:

- Doanh nghiệp thực hiện khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân theo tờ khai thuế mẫu số 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC
- Công ty ghi cụm từ “Khai thay” vào phần trước cụm từ “Người nộp thuế hoặc Đại diện hợp pháp của người nộp thuế” đồng thời người khai ký tên, đóng dấu của Công ty.
- Công ty nộp hồ sơ khai thuế thay cho cá nhân tại Chi cục Thuế nơi Công ty đặt trụ sở. Trên hồ sơ tính thuế, chứng từ thu thuế vẫn thể hiện người nộp thuế là cá nhân kinh doanh.

Chiết khấu thanh toán nhận được thuộc diện chịu thuế Thu nhập cá nhân với thuế suất 1% theo quy định tại Danh Mục ngành nghề tính thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập cá nhân theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với cá nhân kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BTC.

Những điểm khác nhau giữa chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán

Theo VAS14 (định chính bởi Thông tư 89/2002/TT-BTC, Thông tư 161/2007/TT-BTC) thì chiết khấu thương mại được giảm trừ vào doanh thu, còn ‘chiết khấu thanh toán’, không như IFRS, VAS14 đã không còn đề cập:

“Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.”.

Điều này có nghĩa, chiết khấu thanh toán sẽ không được loại trừ khỏi doanh thu – đây là khác biệt cơ bản nhất giữa chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán, dẫn đến cách hạch toán cũng như chính sách thuế áp dụng sẽ khác nhau..

Theo Điểm 2.5 Phụ lục 4 kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC quy định về hóa đơn đối với chiết khấu thương mại như sau:

“2.5. Hàng hóa, dịch vụ áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng thì trên hóa đơn GTGT ghi giá bán đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng, thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT.

Nếu việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào“.

Như vậy, chiết khấu thương mại được giảm trừ trực tiếp trên hóa đơn hoặc xuất hóa đơn điều chỉnh giá cho các hóa đơn trước đó. Do vậy, chiết khấu thương mại được giảm trừ thuế GTGT lẫn thuế TNDN.

Chiết khấu thanh toán không được giảm trừ vào doanh thu (tức không được giảm thuế GTGT) nhưng được đưa vào chi phí hoạt động tài chính (được giảm trừ thuế TNDN). Bên nhận chiết khấu thanh toán ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính (xem phần hạch toán theo hướng dẫn Thông tư 200/2014/TT-BTC).

Tại điểm 4, Phụ lục 01 – Danh mục ngành nghề tính thuế GTGT, thuế TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với cá nhân kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn: Các dịch vụ khác không chịu thuế GTGT thì thuộc diện chịu thuế TNCN theo thuế suất 1%.

Do đó, nếu chiết khấu thương mại trả bằng tiền (không giảm trừ trên hóa đơn) và chiết khấu thanh toán thì doanh nghiệp phải phải khấu trừ 1% thuế TNCN nếu người nhận chiết khấu là cá nhân.

STT	Chiết khấu thương mại	Chiết khấu thanh toán
01	Khoản được giảm khi khách hàng mua số lượng lớn quy định trong hợp đồng	Khoản được giảm khi khách hàng thanh toán trước hạn quy định trong hợp đồng
02	Xuất hóa đơn (giảm trừ/ điều chỉnh giá trên hóa đơn)	Không xuất hóa đơn (chứng từ trả tiền chiết khấu ...)
03	Được giảm trừ thuế GTGT + Thuế TNDN (do được giảm doanh thu)	Không được giảm thuế GTGT, được trừ thuế TNDN (đưa vào chi phí)

2. Chứng từ sử dụng**2.1. Liệt kê chứng từ**

- Phiếu thu.
- Bảng sao kê tiền gửi ngân hàng.
- Báo có,....

2.2. Lập chứng từ: Phân lập chứng từ đã được hướng dẫn ở các mô đun trước.

3. Tài khoản sử dụng:**TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính**

Kết cấu và nội dung phản ánh của

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);	- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

4. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

(1) Phản ánh doanh thu cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh trong kỳ từ hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, ghi:

Nợ TK 111, 112, 138, 152, 156, 133,...

Nợ TK 2218 – Đầu tư tài chính dài hạn khác (*Nhận cổ tức bằng cổ phiếu*)

Nợ TK 2212 – Vốn góp liên doanh (*thu nhập bổ sung vốn góp liên doanh*)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

(2) Định kỳ tính lãi và thu lãi tín phiếu, trái phiếu hoặc được thông báo về cổ tức được hưởng:

- Trường hợp không nhận tiền lãi về, mà tiếp tục bổ sung mua trái phiếu, tín phiếu, cổ phiếu, ghi:

Nợ TK 121 – Đầu tư tài chính ngắn hạn

Nợ TK 228 – Đầu tư tài chính dài hạn

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

- Trường hợp nhận lãi bằng tiền, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

(3) Chuyển nhượng chứng khoán đầu tư ngắn hạn, dài hạn, căn cứ vào giá bán chứng khoán:

- Trường hợp có lãi, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, ... (*Theo giá thanh toán*)

Có TK 121 – Đầu tư tài chính ngắn hạn (*Trị giá vốn*)

Có TK 221 – Đầu tư tài chính dài hạn (*Trị giá vốn*)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (*Lãi bán chứng khoán*)

- Trường hợp lỗ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131, ... (*Theo giá thanh toán*)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (*lỗ bán chứng khoán*)

Có TK 121 – Đầu tư tài chính ngắn hạn (*trị giá vốn*)

Có TK 221 – Đầu tư tài chính dài hạn (*Trị giá vốn*)

(4) Khi bán ngoại tệ:

- Trường hợp có lãi, ghi:

Nợ các TK 111(1111), 112(1121) (*Theo tỷ giá thực tế bán*)

Có TK 111(1112), 112(1121) (*Theo tỷ giá trên sổ kế toán*)

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (*Số chênh lệch tỷ giá thực tế bán lớn hơn tỷ giá trên sổ kế toán*).

- Trường hợp bị lỗ, ghi:

Nợ các TK 111(1111), 112(1121) (*Tổng giá thanh toán-tỷ giá thực tế bán*)

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính (*Số lỗ*) (*Số chênh lệch tỷ giá trên sổ kế toán lớn hơn tỷ giá thực tế bán*).

Có TK 111(1112), 112(1122) (*Theo tỷ giá trên sổ kế toán*).

(5) Chiết khấu thanh toán được hưởng:

Số tiền chiết khấu do thanh toán được hưởng do thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn được người bán chấp thuận, ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả cho người bán

Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

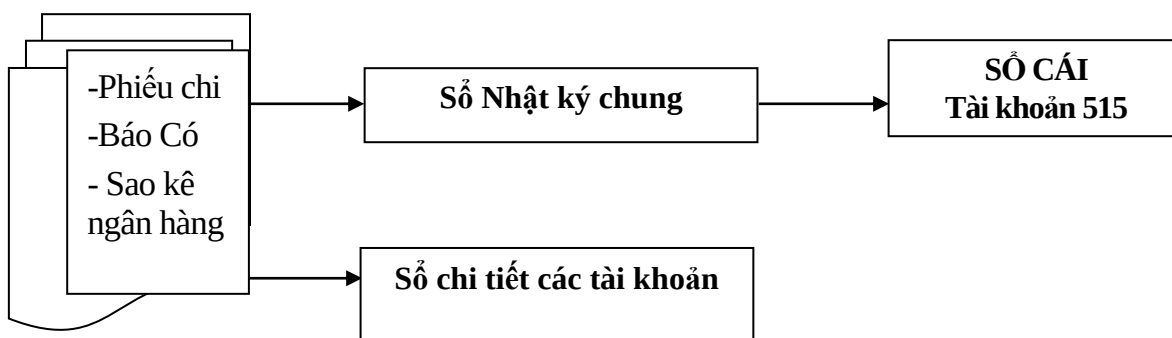
(6) Cuối kỳ, kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính thuần phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

5. Ghi sổ kế toán

5.1. Quy trình ghi sổ kế toán



5.2. Ghi sổ kế toán chi tiết

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

S chi tiết các tài khoản

(Dùng cho các TK: 136, 138, 141, 157, 161, 171, 221, 222, 242, 244, 333, 334, 335, 336, 338, 344, 352, 353, 356, 411, 421, 441, 461, 466, ...)

Tài khoản:.....

Đối tượng:.....

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ					
			- Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ	x x	x	x	x	x

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày..... tháng.... năm

5.2.1. Hướng dẫn ghi sổ

Sổ chi tiết các tài khoản được mở theo từng tài khoản, theo từng đối tượng thanh toán (theo từng nội dung chi phí, nguồn vốn...).

- Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.

- Cột B, C: Ghi số hiệu, ngày, tháng của chứng từ dùng để ghi sổ.

- Cột D: Ghi diễn giải tóm tắt nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Cột E: Ghi số hiệu tài khoản đối ứng.

- Cột 1, 2: Ghi số tiền phát sinh bên Nợ hoặc bên Có.

- Cột 3, 4: Ghi số dư bên Nợ hoặc bên Có sau mỗi nghiệp vụ phát sinh.

- Dòng Số dư đầu kỳ: Được lấy số liệu từ sổ chi tiết theo dõi thanh toán của kỳ trước (dòng “Số dư cuối kỳ”) để ghi vào Cột 3 hoặc Cột 4 phù hợp.

5.2.2. Thực hành Ví dụ 1: Ngày 20/9/N, nhận bằng tiền mặt khoản lãi cho vay 10.000.000 đ theo phiếu thu 38.

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản
Tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
Đối tượng:.....

							Đơn vị tính:	VNĐ
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày , tháng g			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
20/9/ N	PT3 8	20/9	Thu lãi tiền cho vay	111		10.000.00 0		
			Cộng số phát sinh					
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ: 01/01

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

5.3. Ghi sổ kế toán tổng hợp

5.3.1. Hướng dẫn ghi sổ:

Cách ghi sổ Nhật ký chung đã được hướng dẫn ở các bài trước.

Cách ghi Sổ Cái được quy định như sau:

- Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.
- Cột B, C: Ghi số hiệu và ngày, tháng lập của chứng từ kế toán được dùng làm căn cứ ghi sổ.
- Cột D: Ghi tóm tắt nội dung nghiệp vụ phát sinh.
- Cột E: Ghi số trang của sổ Nhật ký chung đã ghi nghiệp vụ này.
- Cột G: Ghi số dòng của sổ Nhật ký chung đã ghi nghiệp vụ này.

- Cột H: Ghi số hiệu của các tài khoản đối ứng liên quan đến nghiệp vụ phát sinh với tài khoản trang Sổ Cái này (Tài khoản ghi Nợ trước, tài khoản ghi Có sau).
- Cột 1, 2: Ghi số tiền phát sinh bên Nợ hoặc bên Có của Tài khoản theo từng nghiệp vụ kinh tế. Đầu tháng, ghi số dư đầu kỳ của tài khoản vào dòng đầu tiên, cột số dư (Nợ hoặc Có). Cuối tháng, cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có, tính ra số dư và cộng lũy kế số phát sinh từ đầu quý của từng tài khoản để làm căn cứ lập Bảng Cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm...

Tên tài khoản

Số hiệu.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm - Số phát sinh trong tháng					
			- Cộng số phát sinh tháng - Số dư cuối tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng..... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

5.3.2. Thực hành

Ví dụ 2: Ngày 1/9/N, nhận được tiền lãi ngân hàng theo giấy báo có 35 là 15.000.000đ.

Đơn vị:.....

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm

Đơn vị tính: Việt nam Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
1/9/N	BC35	1/9	Lãi tiền gửi ngân hàng		14	112	15.000.000	
					15	515		15.000.000
30/9/N			KC xác định KQKD		56	515	15.000.000	
					57	911		15.000.000
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x		

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng..... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm N

Tên tài khoản Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu 515

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	Nhật ký chung Trang số	NKC STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
							Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong tháng					
1/9/N	BC35	1/9	Tiền lãi ngân hàng	1	15	112		15.000.000
30/9/N		30/9/N	Kc xác định KQKD		56	911	15.000.000	
			- Cộng số phát sinh tháng				15.000.000	15.000.000
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ: 01/01

Ngày..... tháng..... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

5.4. Đối chiếu, kiểm tra số liệu và phát hiện sai sót

- Kiểm tra các khoản doanh thu đã đúng điều kiện ghi nhận doanh thu chưa
- Kiểm tra sổ phụ ngân hàng cuối tháng để lấy số liệu ở giấy báo Có ngân hàng làm căn cứ, đây chính là lãi TGNH.
- Đã tập hợp kết chuyển doanh thu chưa

B. Câu hỏi và bài tập thực hành

Doanh nghiệp ABC áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp khấu trừ thuế GTGT: (Đơn vị tính: đồng)

1. Ngày 3/8/N, công ty nhận được khoản chia liên doanh bằng tiền mặt theo PT38 là 5.000.000.
2. Ngày 5/8/N, thu lãi tiền gửi ngân hàng theo giấy báo có BC34 là: 600.000
3. Ngày 10/8/N, nhận được phần chiết khấu thanh toán từ người bán là 500.000 theo PT45.
4. Ngày 15/8/N, nhận thông báo được chia cổ tức chứng khoán 10.000.000

Yêu cầu: - Lập sổ chi tiết tài khoản 515.

- Lập sổ nhật ký chung và sổ cái TK 515.

C. Ghi nhớ

Tài khoản doanh thu tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Dùng để phản ánh doanh thu từ khoản tiền lãi, tiền bản quyền, lợi nhuận, cổ tức được chia cùng các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Đối với các hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh thì doanh thu hoạt động tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán lớn hơn so với mức giá vốn ban đầu. Trong đó giá bán được tính theo giá trị hợp lý. Giá vốn được xác định bằng phương pháp nhập trước xuất trước hoặc bình quân gia quyền. Trong trường hợp mua bán chứng khoán theo hình thức hoán đổi cổ phiếu. Kế toán sẽ ghi nhận giá trị của số cổ phiếu nhận về theo giá trị hợp lý tại thời điểm trao đổi. Tài khoản 515 không có sổ dư cuối kỳ

BÀI 3. KẾ ROÁN THU NHẬP KHÁC

Giới thiệu:

Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế. Mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

Thu nhập khác quy định bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm và nội dung thu nhập khác;
- Xác định được thu nhập khác;
- Lập được các chứng từ kế toán phát sinh có liên quan;
- Định khoản được các nghiệp vụ kế toán thu nhập khác;
- Ghi sổ được các nghiệp vụ kế toán thu nhập khác;
- Đối chiếu số liệu kế toán;
- Tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.

A. Nội dung:

1. Nội dung thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

b) Khi có khả năng chắc chắn thu được các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng, kế toán phải xét bản chất của khoản tiền phạt để kế toán phù hợp với từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc:

- Đối với bên bán: Tất cả các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được từ bên mua nằm ngoài giá trị hợp đồng được ghi nhận là thu nhập khác.

- Đối với bên mua:

+ Các khoản tiền phạt về bản chất là khoản giảm giá hàng mua, làm giảm khoản thanh toán cho người bán được hạch toán giảm giá trị tài sản hoặc khoản thanh toán (không hạch toán vào thu nhập khác) trừ khi tài sản có liên quan đã được thanh lý, nhượng bán.

Ví dụ khi nhà thầu thi công chậm tiến độ, chủ đầu tư được phạt nhà thầu theo đó được quyền thu hồi lại một phần số tiền đã thanh toán cho nhà thầu thì số tiền thu hồi lại được ghi giảm giá trị tài sản xây dựng. Tuy nhiên nếu khoản tiền phạt thu được sau khi tài sản đã được thanh lý, nhượng bán thì khoản tiền phạt được ghi vào thu nhập khác.

+ Các khoản tiền phạt khác được ghi nhận là thu nhập khác trong kỳ phát sinh, ví dụ: Người mua được quyền từ chối nhận hàng và được phạt người bán nếu giao hàng không đúng thời hạn quy định trong hợp đồng thì khoản tiền phạt phải thu được ghi nhận là thu nhập khác khi chắc chắn thu được. Trường hợp người mua vẫn nhận hàng và số tiền phạt được giảm trừ vào số tiền phải thanh toán thì giá trị hàng mua được ghi nhận theo số thực phải thanh toán, kế toán không ghi nhận khoản tiền phạt vào thu nhập khác.

2. Chứng từ sử dụng

2.1. Liệt kê chứng từ

- Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng;
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, báo có của ngân hàng;
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Các chứng từ khác.

2.2. Lập chứng từ: Phần lập chứng từ đã được hướng dẫn ở các bài trước.

3. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Tài khoản này phản ánh các khoản thu nhập khác, các doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của

Tài khoản TK 711 - Thu nhập khác

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
---	---

(Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ)

4. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

(1) Phương pháp kế toán nghiệp vụ nhượng bán, thanh lý TSCĐ:

- Các chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ, ghi:

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Nếu có)

Có các TK 111, 112, 141, 331,... (Tổng giá thanh toán).

- Phản ánh số thu nhập khác về thanh lý, nhượng bán TSCĐ:
 - + Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, ghi:
 - Nợ các TK 111, 112, 131 (*Tổng giá thanh toán*)
 - Có TK 711 - Thu nhập khác (*Số thu nhập chưa có thuế GTGT*)
 - Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.
 - + Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, số thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ, ghi:
 - Nợ TK 111, 112, 131 (*Tổng giá thanh toán*)
 - Có TK 711 - Thu nhập khác (*Tổng giá thanh toán*).
 - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp, ghi:
 - Nợ TK 711 - Thu nhập khác
 - Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp.
 - Ghi giảm TSCĐ thanh lý, nhượng bán, ghi:
 - Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (*Phần giá trị hao mòn*)
 - Nợ TK 811 - Chi phí khác (*Phần giá trị còn lại*)
 - Có TK 211 - TSCĐ hữu hình (*Nguyên giá*)
 - Có TK 213 - TSCĐ vô hình (*Nguyên giá*).
- (2) Kế toán thu nhập khác phát sinh khi đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Khi đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dưới hình thức góp vốn bằng vật tư, hàng hóa, TSCĐ, căn cứ vào giá trị đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ được thỏa thuận giữa nhà đầu tư và công ty liên kết; nếu giá đánh giá lại của vật tư, hàng hóa, TSCĐ lớn hơn giá trị ghi sổ của vật tư, hàng hóa, giá trị còn lại của TSCĐ, ghi:
- Nợ TK 221, 222 (*Theo giá đánh giá lại*)
 - Nợ TK 214 – Hao mòn TSCĐ (*Giá trị hao mòn lũy kế*)
 - Có các TK 152, 153, 156, 211, 213 (*Giá trị ghi sổ, nguyên giá*)
 - Có TK 711 – Thu nhập khác (*Chênh lệch giữa giá đánh giá lại của vật tư, hàng hóa, TSCĐ lớn hơn giá trị ghi sổ của vật tư, hàng hóa, giá trị còn lại của TSCĐ*).
- (3) Kế toán thu nhập khác phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại TSCĐ là thuê tài chính
- Trường hợp giao dịch bán và thuê lại TSCĐ với giá bán cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ, khi hoàn tất thủ tục bán TSCĐ, căn cứ vào Hóa đơn và các chứng từ liên quan, ghi:
 - Nợ TK 111, 112, 131,... (*Tổng giá thanh toán*)
 - Có TK 711 – Thu nhập khác (*Theo giá trị còn lại của TSCĐ*)
 - Có TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện (*Số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá trị còn lại của TSCĐ*).
 - Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp. (*Nếu có*)
 - Đồng thời ghi giảm TSCĐ:
 - Nợ TK 811 – Chi phí khác (*Giá trị còn lại của TSCĐ*)
 - Có TK 214 – Hao mòn TSCĐ (*Giá trị hao mòn*)
 - Có TK 211 – TSCĐ hữu hình (*Nguyên giá TSCĐ*)
 - Trường hợp giao dịch bán và thuê lại TSCĐ với giá bán thấp hơn giá trị còn lại của TSCĐ, khi hoàn tất thủ tục bán TSCĐ, căn cứ vào Hóa đơn và các chứng từ liên quan, ghi:
 - Nợ TK 111, 112, 131,... (*Tổng giá thanh toán*)
 - Có TK 711 – Thu nhập khác (*Theo giá bán TSCĐ*)
 - Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp. (*Nếu có*)
 - Đồng thời ghi giảm TSCĐ:
 - Nợ TK 811 – Chi phí khác (*Theo giá bán TSCĐ*)

Nợ TK 242 – Chi phí trả trước dài hạn (*Số chênh lệch giữa giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ*)

Có TK 214 – Hao mòn TSCĐ (*Giá trị hao mòn*)

Có TK 211 – TSCĐ hữu hình (*Nguyên giá TSCĐ*)

Các bút toán ghi nhận tài sản thuê và nợ phải trả về thuê tài sản tài chính, trả tiền thuê từng kỳ thực hiện theo quy định tại TK 212 – TSCĐ thuê tài chính (Chương học kế toán TSCĐ).

(4) Kế toán thu nhập khác phát sinh từ giao dịch bán và thuê lại TSCĐ là thuê hoạt động:

Khi bán và thuê lại TSCĐ, căn cứ vào Hóa đơn và các chứng từ liên quan đến việc bán TSCĐ, kế toán phản ánh giao dịch bán theo các trường hợp sau:

- Nếu giá bán được thỏa thuận ở mức giá trị hợp lý thì các khoản lỗ hay lãi phải được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh. Phản ánh số thu nhập bán TSCĐ, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131,... (*Tổng giá thanh toán*)

Có TK 711 – Thu nhập khác (*Theo giá bán TSCĐ*)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (*Nếu có*)

Đồng thời ghi giảm TSCĐ: (như trường hợp 6)

- Trường hợp giá bán và thuê lại TSCĐ với giá bán thấp hơn giá trị hợp lý nhưng mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường thì khoản lỗ này không được ghi nhận ngay mà phải phân bổ dần phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong thời thuê tài sản. Căn cứ vào Hóa đơn và các chứng từ liên quan đến việc bán TSCĐ, phản ánh thu nhập bán TSCĐ, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131,... (*Tổng giá thanh toán*)

Có TK 711 – Thu nhập khác (*Theo giá bán TSCĐ*)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp. (*Nếu có*)

Đồng thời ghi giảm TSCĐ: (như trường hợp 6)

- Nếu giá bán và thuê lại TSCĐ cao hơn giá trị hợp lý thì khoản chênh lệch cao hơn giá trị hợp lý không được ghi nhận ngay là một khoản lãi trong kỳ mà phải phân bổ dần trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng, còn số chênh lệch giữa giá trị hợp lý với giá trị còn lại được ghi nhận ngay là một khoản lãi trong kỳ.

+ Căn cứ Hóa đơn GTGT bán TSCĐ, ghi:

Nợ TK 111, 112, 131,... (*Tổng giá thanh toán*)

Có TK 711 – Thu nhập khác (*Tính bằng giá trị hợp lý của TSCĐ*)

Có TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện (*Số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá trị hợp lý của TSCĐ*).

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp. (*Nếu có*)

Đồng thời ghi giảm TSCĐ: (như trường hợp 6)

Định kỳ phân bổ chênh lệch giữa giá bán cao hơn giá trị hợp lý của TSCĐ bán và thuê lại ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng, ghi:

Nợ TK 3387 – Doanh thu chưa thực hiện

Có các TK 632, 627, 641, 642

(5) Phản ánh các khoản thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng:

- Khi thu phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng kinh tế, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 711 - Thu nhập khác.

- Trường hợp đơn vị ký quỹ, ký cược vi phạm hợp đồng kinh tế đã ký kết với doanh nghiệp bị phạt theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế:

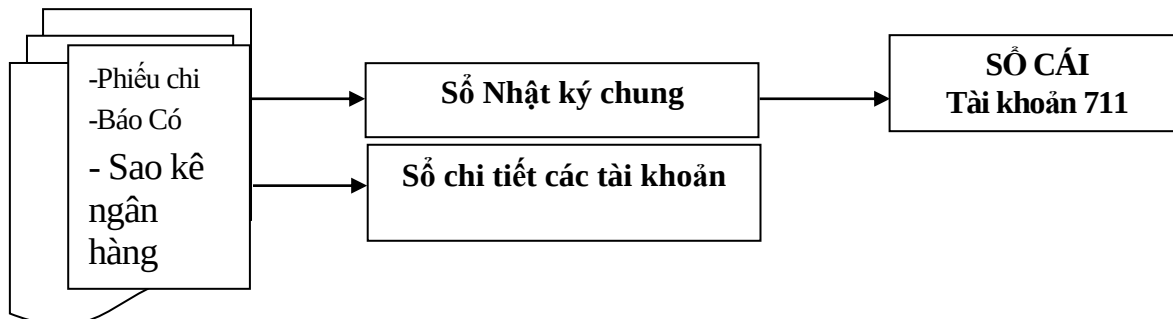
+ Đối với khoản tiền phạt khấu trừ vào tiền ký cược, ký quỹ của người ký cược, ký quỹ, ghi:

- Nợ TK 344 - Nhận ký cược, ký quỹ
 Có TK 711 - Thu nhập khác.
- + Khi thực trả khoản ký quỹ, ký cược cho người ký quỹ, ký cược, ghi:
 Nợ TK 344 (*Đã trừ khoản tiền phạt - Nếu có*)
 Có TK 111, 112.
- (6) Phản ánh tiền bảo hiểm được các tổ chức bảo hiểm bồi thường, ghi:
 Nợ các TK 111, 112,...
 Có TK 711 - Thu nhập khác.
- Các khoản chi phí liên quan đến xử lý các thiệt hại đối với những trường hợp đã mua bảo hiểm, ghi:
 Nợ TK 811 - Chi phí khác
 Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (*nếu có*)
 Có các TK 111, 112, 152,...
- (7) Hạch toán các khoản phải thu khó đòi đã xử lý xóa sổ, nay lại thu được tiền:
 - Khi có quyết định cho phép xóa sổ khoản nợ phải thu khó đòi không có khả năng đòi được, ghi:
 Nợ TK 2293 - Dự phòng tổn thất tài sản
 Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (*Phần chênh lệch giữa số nợ phải thu khó đòi xóa sổ lớn hơn số lập dự phòng*)
 Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.
- Đối với các khoản phải thu khó đòi đã xử lý cho xóa sổ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ thu hồi được, ghi:
 Nợ các TK 111, 112,...
 Có TK 711 - Thu nhập khác.
- (8) Các khoản nợ phải trả mà chủ nợ không đòi được tính vào thu nhập khác, ghi:
 Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán; hoặc
 Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác
 Có TK 711 - Thu nhập khác.
- (9) Trường hợp được giảm, hoàn thuế GTGT phải nộp:
 - Nếu số thuế GTGT được giảm, trừ vào số thuế GTGT phải nộp trong kỳ:
 Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp
 Có TK 711 - Thu nhập khác.
- Nếu số thuế GTGT được hoàn lại, khi ngân sách NN trả lại bằng tiền, ghi:
 Nợ các TK 111, 112,...
 Có TK 711 - Thu nhập khác.
- (10) Các khoản hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt được tính vào thu nhập khác (nếu có), ghi:
 Nợ các TK 111, 112,...
 Có TK 711 - Thu nhập khác.
- (11) Trường hợp doanh nghiệp được tài trợ, biếu, tặng vật tư, hàng hóa, TSCĐ:
 Nợ các TK 152, 156, 211,...
 Có TK 711 - Thu nhập khác.
- (12) Cuối kỳ kế toán, tính và phản ánh số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số thu nhập khác, ghi:
 Nợ TK 711 - Thu nhập khác
 Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp
- (13) Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh", ghi:

Nợ TK 711 - Thu nhập khác
Có TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

5. Ghi sổ kế toán

5.1. Quy trình ghi sổ kế toán



5.2. Ghi sổ kế toán chi tiết

5.2.1. Hướng dẫn ghi sổ

Cách ghi sổ chi tiết tài khoản 711 giống như cách ghi sổ TK515 đã trình bày ở phần trên.

5.2.2. Thực hành

Ví dụ 3: Ngày 3/9/N, thu tiền bồi thường từ hợp đồng kinh tế theo phiếu thu PT12 là 3.000.000đ.

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

sổ chi tiết các tài khoản
Tài khoản: Thu nhập khác
Đối tượng: 711

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
3/9/N	PT12	3/9	Thu tiền bồi thường hợp đồng kinh tế	111		3.000.000		
			Cộng số phát sinh					

5.3. Ghi sổ kế toán tổng hợp

5.3.1. Hướng dẫn ghi sổ: Phần ghi sổ tổng hợp TK 711 giống với cách ghi sổ tổng hợp TK511

5.3.2. Thực hành.

Từ ví dụ 3, kế toán ghi sổ kế toán tổng hợp như sau:

Đơn vị:.....

Địa chỉ:

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm

Đơn vị tính: Việt nam Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang					
3/9/N	PT12	3/9	Thu tiền bồi thường hợp đồng kinh tế		18	111	3.000.000	
					19	711		3.000.000
30/9/N		30/9	KC xác định kqkd		45	711	3.000.000	
					46	911		3.000.000
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x		

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày..... tháng..... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm N

Tên tài khoản Thu nhập khác

Số hiệu 711

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ Số hiệu	Ngày tháng	Diễn giải	Nhật ký chung Trang số	NKC STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
							Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm					
			- Số phát sinh trong tháng					
3/9/N	PT12	3/9	Thu tiền bồi thường hợp đồng kinh tế	1	19	111		3.000.000
30/9/N		30/9	KC xác định kqkd	2	45	911	3.000.000	
			- Cộng số phát sinh tháng					
			- Số dư cuối tháng					
			- Cộng lũy kế từ đầu quý					

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ: 01/01

Ngày..... tháng..... năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

5.4. Đối chiếu, kiểm tra số liệu và phát hiện sai sót

- Xem lại các khoản doanh thu đã hạch toán đủ chưa. Phát sinh có của TK 511,711 phải bằng với các chỉ tiêu Hàng hóa dịch vụ bán ra trên tờ khai 01/GTGT của 12 tháng

- Còn những khoản thu nhập nào không phải xuất hóa đơn, không nằm trên tờ khai 01/GTGT đã hạch toán đủ chưa.

- Đã kết chuyển thu nhập khác chưa.

B. Câu hỏi và bài tập thực hành

A. Câu hỏi

Bài 1: Công ty Minh Quân có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 2/N như sau:

1. Ngày 1/2/N, Thu nợ khó đòi đã xử lý 2 năm trước bằng tiền mặt 10.000.000 theo phiếu thu 01
2. Ngày 10/2/N, Bán thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên giá 250.000.000, hao mòn lũy kế 235.000.000 theo biên bản thanh lý 03. Chi phí thanh lý đã chi bằng tiền mặt 5.000.000 theo phiếu chi 10. Phế liệu bán thu bằng tiền mặt 20.000.000 theo phiếu thu 12.
3. Ngày 28/2/N, xử lý nợ phải trả không ai đòi đưa vào thu nhập khác 8.000.000.

Yêu cầu:

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
2. Ghi sổ tổng hợp và chi tiết các tài khoản 515 và 711

Bài 2: *Tại một doanh nghiệp trong tháng có tình hình sau:*

1. Ngày 1/4/N nhận giấy báo chia lãi từ hoạt động liên doanh 5.000.000 đ. Chi phí theo dõi hoạt động liên doanh 500.000 đ bằng tiền mặt theo phiếu chi 01
2. Ngày 3/4/N Rút TGNH nộp phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế 2.000.000đ theo giấy báo nợ 01.
3. Ngày 5/4/N, Thu được nợ khó đòi đã xử lý 2 năm trước 10.000.000đ bằng tiền mặt theo phiếu thu 2.
4. Ngày 10/4/N, thanh lý TSCĐHH, nguyên giá 15.000.000đ hao mòn 13.800.000đ, chi phí thanh lý 300.000đ theo phiếu chi 04, phế liệu bán thu bằng tiền mặt 800.000đ theo phiếu thu 07.
5. Ngày 12/4/N, bán chứng khoán đầu tư ngắn hạn, có giá gốc 12.000.000 đ, giá bán thu bằng tiền mặt 11.000.000 đ theo phiếu thu 10.
6. Ngày 15/4/N, xử lý nợ phải trả 4 năm trước không ai đòi 10.000.000 đ vào thu nhập khác theo biên bản xử lý 01.
7. Ngày 17/4/N, Nhận thông báo được chia cổ tức đầu tư chứng khoán 5.000.000đ.
8. Ngày 19/4/N, Doanh nghiệp nhận thông báo giảm thuế GTGT 6.000.000đ.
9. Ngày 25/4/N, Phải thu lãi tiền cho vay 7.000.000đ theo hợp đồng cho vay.

Yêu cầu:

1. Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
2. Ghi sổ tổng hợp và chi tiết các tài khoản 515 và 711

C. Ghi nhớ

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Các khoản tiền phạt khác được ghi nhận là thu nhập khác trong kỳ phát sinh, ví dụ: Người mua được quyền từ chối nhận hàng và được phạt người bán nếu giao hàng không đúng thời hạn quy định trong hợp đồng thì khoản tiền phạt phải thu được ghi nhận là thu nhập khác khi chắc chắn thu được. Trường hợp người mua vẫn nhận hàng và số tiền phạt được giảm trừ vào số tiền phải thanh toán thì giá trị hàng mua được ghi nhận theo số thực phải thanh toán, kế toán không ghi nhận khoản tiền phạt vào thu nhập khác.

HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY MÔ ĐUN

I. Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học/mô đun:

- *Vị trí:* Đây là mô đun chuyên môn nghề cung cấp những kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ kế toán phát sinh trong giai đoạn bán hàng của doanh nghiệp.... Mô đun này được bố trí sau môn học Nguyên lý kế toán.

- *Tính chất:* Đây là mô đun tích hợp gồm có 2 phần: phần lý thuyết và phần thực hành. Phần lý thuyết cung cấp kiến thức về xác định chứng từ, giá vốn, doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp. Phần thực hành giúp người học có kỹ năng lập chứng từ, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi chép vào sổ kế toán liên quan đến giá vốn, doanh thu, thu nhập. Môn học này được tổ chức giảng dạy tại phòng lý thuyết được trang bị đầy đủ bảng, phấn, máy chiếu.

- Ý nghĩa và vai trò của mô đun:

Mô đun này giúp học viên có thể làm tốt được:

- Lập chứng từ, ghi sổ kế toán, tính toán tốt mảng xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp sau một kỳ kinh doanh.

- Lập được báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định qua đó cũng phân tích, đánh giá được số liệu từ báo cáo tài chính nhằm cung cấp các thông tin kinh tế tài chính cho bên tổng và bên ngoài doanh nghiệp.

II. Mục tiêu của môn học/mô đun:

1. Kiến thức

- Liệt kê được chứng từ kế toán sử dụng trong các trường hợp;
- Giải thích được nội dung giá vốn, doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu;
- Mô tả được các loại sổ kế toán liên quan và quy trình ghi sổ kế toán;

2. Kỹ năng

- Lập được các chứng từ kế toán phát sinh có liên quan;
- Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế về giá vốn, doanh thu, và các khoản giảm trừ doanh thu;
- Ghi sổ được các nghiệp vụ về giá vốn, doanh thu, và các khoản giảm trừ doanh thu;
- Đối chiếu số liệu kế toán;

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Học xong mô đun này, người học có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện tốt nhiệm vụ kế toán bán hàng; đồng thời cập nhật được sự thay đổi về các thông tư, chuẩn mực, chế độ kế toán do Bộ Tài Chính ban hành để vận dụng cho công việc kế toán tại doanh nghiệp.

III. Tài liệu tham khảo

- [1]. Trường đại học kinh tế Đà Nẵng (2014), *Kế toán tài chính 2*, NXB Giáo dục.
- [2]. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII, Luật kế toán: Luật số 88/2015/QH13
- [3]. Bộ Tài chính, *Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam*.
- [4]. Bộ Tài chính, *Các Thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán*.
- [5]. Bộ tài chính (2014), Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp
- [6]. Đại học kinh tế Đà Nẵng (2019), *Kế toán tài chính*, NXB Giáo Dục